



NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

YẾU MỤC

- ★ KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG.
- ★ MỸ THUA ĐÃ RÕ RÀNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA « CHIẾN TRANH CỤC BỘ ».
- ★ TỪ CHƯƠNG TRÌNH MƯỜI ĐIỂM ĐẾN CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG.

116

THÁNG 11 - 1968

ÁP CHỈ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT, GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

VIỆN SỬ HỌC

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Chủ nhiệm : TRẦN HUY LIỆU

Thư ký Tòa soạn : VĂN TÂN

Tháng 11-1968

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ — Đề kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận dân tộc
giải phóng miền Nam Việt-nam.

TRẦN VĂN GIÀU — « Mỹ thua đã rõ ràng » trong giai đoạn đầu của « chiến
tranh cục bộ ».

BÙI ĐÌNH THANH — Từ chương trình mười điểm đến cương lĩnh chính trị
của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam.

THANH BÌNH — Từ nền kinh tế suy sụp đến... bế tắc.

NGUYỄN ANH — Vài nét về quá trình đấu tranh chống thực dân và tay sai
trên lĩnh vực văn hóa của nhân dân ta trong 30 năm đầu
thế kỷ XX.

TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ

VIỆN SỬ HỌC

ĐỀ KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT-NAM

CUỘC đấu tranh chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt-nam đã chuyển sang một thời kỳ mới. Ở miền Nam, Quân giải phóng và đồng bào ta đang tiến công và nổi dậy đánh Mỹ—ngụy, đặc biệt là ở các thành thị. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, quân và dân miền Nam đã đánh bại «chiến tranh đặc biệt» và đang trên đà đánh bại «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của đồng bào miền Nam đánh vào Mỹ—ngụy trong những tháng vừa qua nói lên rằng quân và dân miền Nam có đầy đủ khả năng đánh Mỹ và tay sai ở ngay sào huyệt của chúng là các thành thị.

« Mỹ thua đã rõ ràng ».

Lời nói đó của Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc chúng ta, là tổng kết một cách khoa học cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc ta trong những năm qua.

Với 1.200.000 quân Mỹ—ngụy và chư hầu, được trang bị bằng những vũ khí hiện đại nhất, đế quốc Mỹ tưởng rằng chúng có thể khuất phục được đồng bào chúng ta ở miền Nam. Nhưng sự thật đã chứng minh quân và dân chúng ta ở miền Nam càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng to, còn đế quốc Mỹ với tất cả các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất của chúng, càng đánh càng ngập sâu vào thế phòng ngự bị động, càng đánh chúng càng bị sa lầy, bế tắc và thất bại không có cách gì cứu vãn nổi.

Đề hồng gờ thế bí ở miền Nam, ngày 5 tháng 8 năm 1961, đế quốc Mỹ đã dựng đứng ra «sự kiện vịnh Bắc-bộ» để có cớ dùng không quân đánh phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Khi bắt đầu cho máy bay phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ tưởng rằng chỉ trong một thời gian ngắn chúng sẽ lôi nhân dân miền Bắc trở lại đời sống của thời đại đồ đá. Nhưng sự thực đã hoàn toàn đi ngược lại ý đồ của đế quốc Mỹ. Trong hơn ba năm qua, quân

và dân miền Bắc đã bắn rơi gần 3.300 máy bay Mỹ, bắt sống và tiêu diệt hàng nghìn giặc lái, bắn cháy và bắn chìm hơn một trăm tàu chiến và tàu biệt kích của Mỹ.

Nhân dân miền Bắc vừa anh hùng đánh Mỹ, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Cuộc vận động thâm canh tăng năng suất của nông nghiệp càng ngày càng phát triển sâu rộng. Công nghiệp trung ương về đại thể vẫn giữ vững, trong khi công nghiệp địa phương càng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Giao thông vận tải có những tiến bộ rất lớn. Công tác văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học và kỹ thuật vẫn nhịp nhàng tiến bước cùng các ngành công tác khác. Đời sống của nhân dân về các nhu cầu thiết yếu vẫn giữ vững. Miền Bắc vẫn làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Nhìn lại những năm đấu tranh chống Mỹ cứu nước vừa qua ở cả hai miền Nam và Bắc, chúng ta thấy dân tộc chúng ta quả là một dân tộc anh hùng. Chúng ta đã ghi được những kỳ công làm cho nhân dân cả thế giới phải ngạc nhiên và khâm phục.

Hàng ngày, hàng giờ nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, nhân dân châu Âu và cả nhân dân tiến bộ Mỹ nữa, theo dõi từng bước cuộc đấu tranh anh hùng của dân tộc chúng ta chống một kẻ thù hung ác nhất của loài người là đế quốc Mỹ.

Nghiên cứu tất cả các thành tích của quân và dân ở cả hai miền Nam và Bắc trong cuộc đấu tranh thần thánh chống Mỹ cứu nước suốt mấy năm qua là một công tác có ý nghĩa khoa học (chính trị và quân sự) lớn có tác dụng cổ vũ, động viên vô cùng mạnh mẽ. Đó là một công tác lớn mà hiện nay chúng tôi chưa thể làm được. Chúng tôi cũng chưa làm được công tác nghiên cứu đầy đủ những kỳ công mà quân và dân miền Nam đã giành được

(Xem tiếp trang 38)

« Mỹ thua đã rõ ràng » trong giai đoạn đầu của « chiến tranh cục bộ »

TRẦN VĂN GIÀU

BÀI này nhằm vẽ lại mấy nét lớn của chiến trường miền Nam Việt-nam từ giữa năm 1965 đến trước Tết 1968, để chứng minh rằng « Mỹ thua đã rõ ràng »; bài này cũng nhằm nêu lên những lý do chính cắt nghĩa vì

sao Mỹ thua, vì sao ta thắng trong giai đoạn lịch sử chỉ 30 tháng mà phong phú vô cùng, đã làm cho toàn thể giới chăm chú đặc biệt đến góc trời Việt-nam của đông nam châu Á đầy sóng gió.

I. « MỸ THUA ĐÃ RÕ RÀNG »

A — Một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân lớn nhất trong lịch sử loài người

Sau những trận Bình-giã (Bà-rịa, tháng 12-1964 — đầu tháng 1-1965), Ba-gia (Quảng-ngãi, cuối tháng 5-1965) trong đó bằng chiến đoàn nguy bị tiêu diệt, thì bọn Mỹ nhận thấy rõ rệt là nguy quyền, nguy quân ở miền Nam sắp sụp đổ một cách chắc chắn. Việc Mỹ mở chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng máy bay không nâng đỡ nổi tinh thần của chế độ bù nhìn Sài-gòn. Vì vậy, để cứu nguy, Mỹ quyết định mang đại quân vào miền Nam Việt-nam, trực tiếp xâm lược nước ta, « Mỹ hóa » cuộc chiến tranh. Chiến lược « chiến tranh đặc biệt » cáo chung thất bại; bắt đầu chiến lược « chiến tranh cục bộ », một cuộc chiến tranh phi nghĩa, một cuộc chiến tranh ăn cướp tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ là chính song nguy quân, nguy quyền vẫn đóng vai trò quan trọng làm chỗ dựa cho Mỹ. Diễn biến của tình hình sẽ góp thêm bằng cứ để ta nhận định rằng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam tuy cường độ cao quy mô lớn nhưng vẫn là một cuộc chiến tranh hạn chế, hạn chế về số quân, hạn chế về bề rộng, hạn chế về mục tiêu chiến lược. Theo sự trình bày của tướng Tay-lo

trong quyền sách « Trách nhiệm và đáp ứng » và của Tổng tham mưu trưởng liên quân Mỹ, Uy-lơ, thì chiến lược Mỹ ở Việt-nam gồm có ba phần chính: thứ nhất là liên tục ném bom miền Bắc, thứ hai là « tìm diệt » chủ lực Quân giải phóng miền Nam, thứ ba là bình định nông thôn miền Nam và ổn định nguy quyền Sài-gòn; Tay-lo nói hơi Jòn-xon mà nêu lên phần thứ tư của chiến lược Mỹ là « tấn công hòa bình ». Ném bom phá hoại miền Bắc để ngăn cản không cho miền Bắc chi viện miền Nam, làm trở ngại việc phe xã hội chủ nghĩa viện trợ Việt-nam, để buộc miền Bắc vào bàn hội nghị theo điều kiện của Mỹ. « Tìm diệt » chủ lực Quân giải phóng để thủ tiêu hay buộc phân tán các đơn vị vũ trang lớn, đẩy lực lượng kháng chiến trở lại thời kỳ đánh du kích lẻ tẻ, rồi diệt dần. « Bình định » để bóp hẹp và thủ tiêu vùng giải phóng, giành đất, giành dân, nắm chắc đô thị, củng cố nguy quyền. « Tấn công hòa bình » để che đậy sự xâm lược bằng màn thưa « thương lượng », để đánh lừa dư luận Mỹ và dư luận thế giới, và đánh lừa cả nhân dân Việt-nam nữa.

Mỹ ném vào chiến tranh ở Việt-nam một lực lượng quân sự lớn hơn trong bất kỳ một cuộc chiến tranh thuộc địa nào trong lịch sử:

Về lực lượng quân lính địch ở Nam Việt-nam (1) :

Năm	Tổng số	Mỹ	Ngụy	Chư hầu
1961	279.200	3.200	276.000	0
1962	533.263	11.300	521.963	0
1963	613.300	16.300	597.000	0
1964	584.300	23.300	561.000	0
1965	725.500	184.300	520.000	21.260
1966	962.990	385.300	525.000	52.690 (có 44.870 Nam Hàn)
1967	1.187.310	486.000	645.000	56.310 (có 8.000 Úc)
3-1968	1.219.580	510.500	645.000	64.080 (có 48.000 Nam Hàn)

Số quân của Mỹ ở Nam Việt-nam hồi 1967 đã nhiều hơn số quân Mỹ trong chiến tranh Triều-tiên.

Kể đơn vị thi : Tổng số đơn vị chiến tranh Mỹ, ngụy và chư hầu ở Nam Việt-nam

Năm	Tổng số đơn vị địch					Đơn vị Mỹ					Đơn vị ngụy					Đơn vị chư hầu				
	F	Lữ (2)	E (2)	D (2)	Tổng số D	F	Lữ	E	D	Tổng số D	F	Lữ	E	D	Tổng số D	F	Lữ	E	D	Tổng số
1964					155															
1965	13				202	3	3			33	9	3			159	1	1			10
1966	19	10	3	36	258	7	5	1		73	10	4	2	36	165	2	1	1		21
1967	21	7	6	36	278	8	4	1		96	11	2	4	36	165	2	1	1		24
1968	22	8	6	36	285	9	5	1		102	11	2	4	36	157	2	1	1		26

Về vũ khí và một số phương tiện chiến tranh của địch ở Nam Việt-nam.

Các loại	1962	1963	1964	1965	1966	1967
Máy bay	205	237	375	2.182	3.425	3.770
Xe quân sự (như tăng, xe bọc thép)	402	656	730	1.464	2.260	2.260
Thuyền và tàu chiến đấu	591	842	884	400 tàu	500 tàu	
Cối, pháo	1.261	1.325	1.843	2.612	3.950	4.425
Sân bay				170		182
Bệ tên lửa				24		96
Quân cảng cấp 1 (tàu 10.000 tấn trở lên vào được)				1		5
Quân cảng cấp 2				2		6

Số máy bay dành riêng cho chiến tranh phá hoại miền Bắc là 4.000 chiếc; có 6 sân bay lớn ở Thái-lan dành riêng cho Mỹ dùng làm căn cứ đánh Việt-nam. Số máy bay Mỹ dùng ở Việt-nam lớn hơn số máy bay Mỹ dùng trên khắp các chiến trường của chiến tranh thế giới thứ hai.

Có 175 tàu chiến Mỹ chở 700 máy bay và 80.000 quân đi lại trên biển Việt-nam. 5 quân cảng cấp I là: Ô-cấp, Cam-ranh, Qui-nhon, Đà-

nẵng, trước hết là Sài-gòn. 6 quân cảng cấp 2 là: Chu-lai, Vũng-rô, Nha-trang, Phan-rang, Phan-thiết và Cần-thơ. Lại thêm 6 "căn cứ nổi", tức 6 hàng không mẫu hạm ở ngoài khơi trong số 175 tàu chiến vừa kể.

Riêng số đại bác thì năm 1965 địch có 900

(1) Các con số dùng ở đây, lấy trong tập "Sổ tay tư liệu".

(2) Đơn vị độc lập, F=sư; E=trung đoàn; D=tiểu đoàn.

cỗ, năm 1966 có 1.500 cỗ, năm 1967 có 2.300 cỗ chưa kể 365 cỗ pháo và súng cối của chư hầu.

Về chi phí chiến tranh của Mỹ ở Nam Việt-nam tính bằng số triệu đô-la :

Năm	Chi phí cho quân Mỹ tại Nam Việt-nam	Số tiền viện trợ cho ngụy		
		Tổng số	Quân sự	Kinh tế
1960 — 61		529,5	199	330,5
1961 — 62		571,6	294	277,6
1962 — 63		686,7	401	285,7
1963 — 64		734,7	416	318,7
1964 — 65		1.072,8	695	377,8
1965 — 66	15.800	1.094,6	500	594,6
1966 — 67	24.000	1.323,7	600	723,7
1967 — 68	27.000			

Sự thật, tổn phí còn to hơn nhiều. 27 tỷ là số tiền 2 lần cao hơn toàn bộ ngân sách quân sự Mỹ năm 1948, và 15 lần cao hơn toàn bộ chi phí chương trình « xã hội vĩ đại » ở Mỹ.

Những con số trên chưa nói hết quy mô của chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam. Có những lực lượng quân sự gián tiếp tham chiến mà ở đây không kể. Báo *Diễn đàn các dân tộc* (23-3-68) cho biết rằng thực ra 75% lực lượng lục quân, 60% lực lượng không quân, 90% lực lượng vận tải đường không, 60% hạm đội Mỹ tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào chiến tranh Việt-nam.

Vài con số lẻ tẻ sau đây nói lên được phần nào cường độ của chiến tranh :

— Năm 1965, Mỹ ném 480.000 tấn bom xuống hai miền Nam Bắc Việt-nam.

— Năm 1966, Mỹ ném 638.000 tấn bom xuống hai miền Nam Bắc Việt-nam.

So với 1.544.465 tấn bom trong suốt chiến tranh thế giới lần thứ hai ở châu Âu (từ Mỹ tham chiến, nghĩa là trong 4 năm), và so với 700.000 tấn trong chiến tranh Triều-tiên (dài 3 năm).

— Riêng tháng 1-1968 : 90.036 tấn ;
2-1968 : 103.000 tấn ;
3-1968 : 123.000 tấn.

Về số bom na - pan, một thứ bom bị cấm chỉ theo luật lệ quốc tế, thì không quân Mỹ đã thả xuống, từ chiến tranh bắt đầu đến 1967 tất cả trên 100.000 tấn, gấp 3 lần số chúng đã thả ở Triều-tiên. Cả 3 năm ở Triều-tiên Mỹ thả 32.315 tấn, còn ở Việt-nam, riêng năm 1966, Mỹ đã thả 54.620 tấn. Đó là lời thú nhận của bản thân bộ quốc phòng Mỹ !

Đạn lớn nhỏ bắn như mưa : Roi-tơ (11-2-66) cho biết rằng riêng tháng 2 năm 1966, Mỹ bắn 1.000 triệu đạn loại nhỏ,

88 triệu đạn súng máy bay,

10 triệu đạn cối,

4 triệu 80 vạn rốc-két cỡ 2,75 inches.

Mắc Na-ma-ra nói rằng mỗi đầu người Việt-nam không kể nam phụ lão ấu phải chịu đựng mỗi năm 50 ki-lô bom, 36 ki-lô đạn. Theo báo *U.S.N.R* (2-11-67) thì từ giữa 1965 đến hết 1966, số đạn đại bác Mỹ bắn ở Nam Việt-nam nhiều hơn toàn bộ số đạn đại bác Mỹ đã bắn trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Theo *AP* (17-8-68) thì 3 năm rưỡi chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mỹ đã thực hiện 107.700 phi vụ và đã phóng xuống 2.581.876 tấn bom và rốc-két.

Trong lịch sử các cuộc chiến tranh của thế kỷ thứ 20 này, chưa hề thấy cuộc nào mà kẻ xâm lược rải nhiều chất độc hóa học như Mỹ ở miền Nam Việt-nam. Rải chất độc hóa học, Mỹ trắng trợn vi phạm luật lệ quốc tế, vừa nhằm giết hại con người, vừa cố giết hại gia súc gia cầm, phá hại cây trái, mùa màng trên những diện tích rất rộng nhằm đẩy nhân dân vào cảnh chết đói. Theo con số chưa đầy đủ của Mặt trận dân tộc giải phóng thì :

Năm 1962, Mỹ rải chất độc hóa học xuống 11.030éc-ta, làm 1.120 người bị nhiễm độc,

1963 Mỹ rải chất độc hóa học xuống 320.000 éc-ta, làm 9.000 người bị nhiễm độc,

1964 Mỹ rải chất độc hóa học xuống 520.230 éc-ta, làm 11.000 người bị nhiễm độc,

1965 Mỹ rải chất độc hóa học xuống 700.000 éc-ta, làm 146.000 người bị nhiễm độc, (26 tỉnh trên số 43)

1966 (32 tỉnh) Mỹ rải chất độc hóa học xuống 876.490 éc-ta, làm 258.000 người bị nhiễm độc.

Đến 1-6-67 (21 tỉnh) Mỹ rải chất độc hóa học xuống 474.100 éc-ta, làm 139.744 người bị nhiễm độc.

Chưa kể hơi ngạt xịt vào hầm trú ẩn của nhân dân.

Vậy thì tuy chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là cục bộ, hạn chế, cường độ của chiến tranh đó thực tế là cao nhất xưa nay, kể cả chiến tranh thế giới thứ hai, quy mô của nó to hơn bất kỳ cuộc chiến tranh thuộc địa nào trong lịch sử.

Bọn xâm lược Mỹ đã trắng trợn nói: nếu Việt-nam không khuất phục thì Mỹ sẽ tàn phá đến mức kéo lịch sử Việt-nam trở lại thời kỳ đồ đá!

Nhưng mọi kế hoạch của chúng đều bị phá vỡ.

Bọn Thát Dát của thế kỷ 20 bị chặn tay, bị đánh bại trên đất nước Việt-nam anh hùng.

B — Quân Mỹ thất bại liên tiếp, thất bại toàn diện

1. Thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc

Lấy cớ rất vô lý là « trả đũa » cuộc tập kích Phlay-cu của Quân giải phóng, Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng máy bay bắt đầu từ sau Tết âm lịch 1965, lúc ấy phải đoàn hữu nghị của Chính phủ Liên-xô do Thủ tướng Cô-xi-gin cầm đầu đang ở Hà-nội. Liên tục ném bom miền Bắc, Mỹ nhằm: thứ nhất là làm lung lay quyết tâm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam Bắc Việt-nam; thứ nhì là ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, cô lập và đánh bại cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam, cũng là ngăn chặn sự chi viện của phe xã hội chủ nghĩa đối với Việt-nam; thứ ba là củng cố tinh thần suy sụp của quyền nguy quân; thứ tư là phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; thứ năm là đá kích vào các lực lượng cách mạng thế giới, thách thức các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc độc lập không quy phục Mỹ. Chúng « leo thang », ném bom từ vĩ tuyến lên sát biên giới Trung-quốc, từ các tỉnh vào trung tâm thủ đô Hà-nội. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng máy bay, dù kịch liệt, vẫn là một bộ phận phụ thuộc vào chiến tranh của Mỹ xâm lược miền Nam, nhằm chiến thắng ở miền Nam. Trong 3 năm đầu, Mỹ huy động một lực lượng máy bay rất lớn gồm hơn 4.000 chiếc, số lượng bằng 8 lần số máy bay Pháp đã dùng trên chiến trường toàn Đông-dương; chúng đánh vào đường sá, đê đập, làng mạc, thành phố, xí nghiệp, nhà ở, nhà thương, nhà trường, chùa chiền, di tích lịch sử. Chúng ném hàng chục vạn, hàng triệu tấn bom đủ các loại; chúng phá hàng chục tàu chiến đến bắn vào duyên hải Việt-nam. Ban đầu chúng tin là

Việt-nam dân chủ cộng hòa không chịu nổi lâu dài dưới bom đạn, phải sớm vào bàn hội nghị theo điều kiện của Mỹ.

Nó làm to ! Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa kháng cự một cách mãnh liệt, bền bỉ, kiên quyết gây cho địch những thiệt hại kinh hồn; đến hết năm 1965 số máy bay Mỹ bị bắn rơi ở miền Bắc là 840; đến hết năm 1966 là 1.620, đến hết năm 1967 là 2.682. Số giặc lái bị bắt rất đông. Nhiều bí mật không quân Mỹ bị lộ. Uy thế không lực Hoa-kỳ bị chôn vùi. Miền Bắc vẫn là hậu phương lớn chi viện cho miền Nam kháng Mỹ không kể bất kỳ sự hy sinh nào. Hàng ở các nước xã hội chủ nghĩa đến đều. Dưới muôn trùng bom đạn, hàng vào Nam tiếp tục càng mạnh. Kinh tế xã hội chủ nghĩa miền Bắc tuy có thiệt hại một phần nhưng phát triển vững. Nguy quân nguy quyền Sài-gòn thấy quan thầy bất lực nên càng bị quan. Các dân tộc các nước phấn khởi trước sự chiến thắng kỳ diệu của Việt-nam và tin tưởng vào khả năng thắng Mỹ ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Ném bom phá hoại miền Bắc, một nước độc lập có chủ quyền, Mỹ chuốc lấy sự phản đối rộng lớn khắp thế giới, mà chỉ làm cho nhân dân Việt-nam đoàn kết chặt chẽ hơn, chiến đấu kiên quyết hơn.

« Nhiều nhà quân sự (Mỹ) khẳng định rằng việc Mỹ leo thang bằng không quân ở Bắc Việt-nam làm cho nước này cứng cỏi hơn về mặt tâm lý và được tôi luyện trong chiến tranh lâu dài » (A.P. 9-5-67).

« Không thể ngăn chặn được luồng tiếp tế ». « Chiến dịch ném bom miền Bắc không thể giúp cho Mỹ thắng được trong cuộc chiến tranh ở miền Nam ». « Ném bom miền Bắc Việt-nam mạnh đến mức nào đi nữa cũng không đạt được mục đích của chúng ta ». Đó là những lời thú nhận của Mác Na-ma-ra trước tiểu ban đối ngoại của thượng nghị viện Mỹ sau 3 năm chiến tranh phá hoại.

Còn lời thú nhận thất bại nào có ý nghĩa hơn ?

2. Thất bại trong âm mưu « tấn công hòa bình ».

Địch phá hoại miền Bắc bằng máy bay, làm áp lực để buộc nước Việt-nam dân chủ cộng hòa « thương lượng hòa bình » theo điều kiện của nó, nghĩa là buộc Việt-nam đầu hàng Mỹ. Mỗi lần Mỹ leo thang chiến tranh ở miền Bắc, mỗi lần Mỹ tăng thêm quân ở miền Nam là một lần Jôn-xon đọc diễn văn đề nghị « thương lượng hòa bình ». « Tấn công hòa bình » của Mỹ nhằm đánh lừa dư luận thế giới và dư luận Mỹ, giả vờ như Mỹ không hiểu chiến mà

hiếu hòa; đó là màn khói để tiến quân ở đằng sau. « Tấn công hòa bình » của Mỹ cũng nhằm giăng một cái bẫy kéo nước Việt-nam dân chủ cộng hòa vào đó. Nhưng màn khói bị gió bạt; cái bẫy quá lộ liễu.

Đáp lại, Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định (2-9-65) rằng « ngọn cờ đấu tranh cho độc lập của nhân dân ta đồng thời là ngọn cờ hòa bình » và chỉ có hòa bình trong độc lập, tự do và lãnh thổ toàn vẹn mới là hòa bình thật sự. Hồ Chủ tịch tuyên bố ngày 20-7-65 : « Đế quốc Mỹ rất dã man và quỷ quyệt. Một mặt chúng rêu rao « hòa bình », một mặt chúng gấp rút xây dựng thêm nhiều căn cứ quân sự, phái thêm nhiều quân đội vào miền Nam, tăng cường ném bom bắn phá miền Bắc. Giọng lưỡi « đàm phán hòa bình » của chúng quyết không lừa bịp được nhân dân ta và nhân dân thế giới. Như Chính phủ ta đã nhiều lần tuyên bố, cách giải quyết đúng đắn nhất vấn đề Việt-nam là chính phủ Mỹ phải thi hành đúng hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, thực hiện 4 điểm do Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa đã nêu ra và 5 điểm do Mặt trận dân tộc giải phóng đã nói rõ ». Về phần mình, lời Hồ Chủ tịch, nhân dân Việt-nam có đủ nghị lực và quyết tâm kháng chiến 5 năm, 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa cho đến toàn thắng mặc dù Mỹ có tàn phá Hà-nội, Hải-phòng và nhiều thành phố khác. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam hoàn toàn đồng ý với Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa. Toàn thể dân tộc Việt-nam ủng hộ thái độ kiên quyết kháng Mỹ của Chính phủ và Mặt trận. Dư luận thế giới tiến bộ cũng như vậy; nhà triết học Anh Rút-xen viết trong tạp chí *Biên giới* rằng « mọi hành động vũ lực của Mỹ được diễn trước bằng một đề nghị đàm phán », ý kiến này rất phổ biến. Quân dân Việt-nam ai cũng định ninh rằng chiến trường mới giải quyết vấn đề; bàn hội nghị chỉ đóng vai hoàn thành sự giải quyết đó. Jôn-xơn không đánh lừa được, không gây bẫy được nhân dân Việt-nam có ý thức chính trị cao. « Tấn công hòa bình » của hần thất bại xấu hổ. Việt-nam quyết không trả giá cho kẻ cướp, không đến bàn hội nghị theo điều kiện của Mỹ, mà chỉ đến bàn hội nghị trong thế thắng quân xâm lược.

3. Thất bại trong kế hoạch « binh định ».

Trong khi đưa hàng chục vạn quân Mỹ vào miền Nam, « Mỹ hóa » cuộc chiến tranh, thì Mỹ càng chú trọng hơn lúc nào hết đến vấn đề « binh định » nông thôn. « Binh định » lúc này được Mỹ xem là « gọng kiềm thứ hai »,

gọng thứ nhất là « tìm diệt », cũng được gọi là « cuộc chiến tranh khác ». Hai cuộc « hội nghị thượng đỉnh » ở Hô-nô-lu-lu và Ma-ni của Mỹ, ngay đều chủ ý đặc biệt đến vấn đề « binh định » tức là vấn đề củng cố vùng Mỹ nguy thống trị, gặm lán, thu hẹp và thủ tiêu vùng giải phóng mà Mỹ nguy không làm nổi kể từ thời Ngô Đình Diệm đến giờ. Bây giờ có một chủ trương mới rất căn bản của Mỹ là dồn phần lớn 5, 6 mươi vạn quân nguy vào việc binh định, còn việc « tìm diệt » thì hầu hết do đại quân Mỹ đảm đương; hai bên, hai việc quan hệ mật thiết với nhau.

Kết quả « binh định » rất bí thảm, cũng tương đương với kết quả « tìm diệt » mà chúng ta sắp nói đến. Hãy nghe vài ba trong trăm ngàn lời thủ nhận sự thất bại đó : « Hầu hết mọi người đều thừa nhận rằng niềm hy vọng về những thắng lợi lâu dài của Mỹ ở Việt-nam tùy thuộc vào kết quả chương trình binh định được quảng cáo rùm beng là « chương trình phát triển cách mạng ». Nếu quả như vậy thì tương lai đen tối thật ! Bất cứ ai có dịp sống ở Nam Việt-nam trong những tháng qua đều thấy rằng, thậm chí cả các quan chức Mỹ và quan chức Sài-gòn đều không tin tưởng mấy vào chương trình này. Phần lớn chỉ là binh định trên giấy » (*Ngôi sao Hoa-thịnh-đôn* 3-4-67). « Chương trình binh định đang bị lung lay và đang đứng trên bờ vực của sự sụp đổ » (*Roi-tơ* 4-5-67). « 10 triệu dân miền Nam đóng góp cho Việt cộng » (*A. P.* 9-1-67). Thế là rõ ! Nông thôn không « binh định » nổi, mà thành thị sào huyết của Mỹ nguy thì càng ngày càng nào động chẳng những bởi các cuộc đấu tranh chính trị mà còn nào động dữ dội hơn bởi các cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân.

4. Thất bại trong chiến lược « tìm diệt ».

Phần chính yếu trong toàn bộ chiến lược của Mỹ ở Việt-nam nói chung, ở miền Nam nói riêng là « tìm diệt » quân chủ lực giải phóng, chúng gọi đó là kế hoạch « đánh gãy xương sống Việt cộng ».

Sau 30 tháng chiến tranh, « xương sống của Việt cộng chẳng những không gãy mà lại chắc hơn lúc nào hết; theo con số của báo chí Mỹ thường cho thì nếu lực lượng vũ trang « Việt cộng » hồi cuối 1965 là trên dưới 10 vạn thì vào cuối 1967, lực lượng ấy tăng lên gấp đôi gấp ba ! Mặt trận dân tộc giải phóng không cho bất kỳ một con số nào; nhưng ta có thể suy luận rằng kẻ nào chịu đấm mãi thì có thể đại khái biết quả đấm nặng nhẹ, nhiều ít, Mỹ bị đòn suốt 30 tháng thì có thể đoán đại

khái có bao nhiêu Quân giải phóng. Nếu cho rằng Mỹ nói gần đúng, thì dưới 300.000 người của lực lượng vũ trang nhân dân cộng với trên 1.000.000 người của Mỹ, chưa hầu và nguy

có vũ trang rất dữ, 1 chọi 3, 4, vậy mà chúng cứ thua liềng xiềng!

Mấy con số sau đây chỉ rõ sự thiệt hại về người của quân địch:

Năm	Số địch bị loại khỏi vòng chiến đấu	Mỹ và chư hầu	Ngụy	Số ngụy đào ngũ
1961	49.329	8	34.321	15.000
1962	85.000	256	49.102	36.000
1963	133.259	993	92.303	40.000
1964	208.123	2.000	126.123	80.000
1965	227.500	19.200	148.300	60.000
1966	370.000	118.000	152.000	100.000
1967	545.000	170.000	195.000	180.000

Số quân bị "loại ra khỏi vòng chiến đấu" là số quân bị giết, bị thương, bị bắt và rã ngũ, đào ngũ; trong số đào ngũ, có bọn trở lại; trong số bị thương có bọn được chữa lành rồi trở lại chiến trường; nhưng không thể chối cãi rằng sinh lực địch bị ta diệt rất nặng, nhất là từ 1964, 1965 trở đi. Mỹ vào càng đông thì bị diệt càng nhiều. Mỹ vào đông không ngăn cản được sự tan rã của ngụy, những con số cụ thể chứng minh những lời chúng ta đã đoán trước từ giữa năm 1965. Chính phủ Mỹ

cho con số 25.000 lính Mỹ đã chết, con số ấy làm náo động dư luận Mỹ, nhưng nó còn dưới sự thật biết bao nhiêu!

Địch sở cậy vào vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh. Thi những con số sau đây chứng tỏ rằng chỗ dựa của tinh thần Mỹ ngụy đã bị quân dân miền Nam đánh thiệt hại hết sức nặng mặc dầu Quân giải phóng không có máy bay, súng cao xạ cỡ lớn, không có chiến xa và trọng pháo nhiều đáng kể:

Vũ khí và phương tiện chiến tranh	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	Cộng
Số máy bay bị bắn rơi và phá hủy		200	690	542	1.337	2.130	3.200	8.099
Số xe quân sự các loại bị diệt		370	560	720	1.960	3.300	8.500	15.410
Số tàu thuyền quân sự bị đánh chìm và bị đánh hỏng nặng.		72	141	292	(có 120 xe bọc thép) 166	(có 1.200 xe bọc thép) 97	(có 4.000 xe bọc thép) 200	968 (có 463 chiếc bị đánh chìm)
Số đoàn xe lửa bị đánh lật	4	19	36	100	46	30	38	269
Số cầu cống bị đánh sập			500	480	518	712	560	2.770

Từ 1963 đến 1967, Quân giải phóng mở 154 cuộc tiến công vào 55 sân bay và căn cứ không quân diệt trên 3.600 chiếc máy bay các loại và 21.770 tên địch (trong đó có 19.984 Mỹ, số đông là chuyên viên).

Ta đánh phá rất nhiều kho hậu cần, nhưng không thấy cho con số chung nào; chúng tôi chỉ nắm những con số lẻ tẻ mà đã hùng hồn; ví dụ như 3 tháng đầu năm 1967, riêng pháo binh giải phóng đánh 34 trận nhắm vào căn

cứ hậu cần và sở chỉ huy địch, phá 32 kho đạn, 3 bể xăng chứa 10 triệu lít. Bốn lần (lần thứ nhất ngày 18-10-66, lần thứ nhì ngày 17-11-66, lần thứ ba ngày 10-12-66, lần thứ tư ngày 4-2-67) ta đánh vào kho cái Long-bình (tỉnh Biên-hòa), tiêu diệt 160 Mỹ, 400.000 đạn đại bác, 3.575 thùng chất nổ!

Số phương tiện chiến tranh bị diệt, bị phá lớn cho đến nỗi bất cứ một đế quốc thực dân nào ngoài Mỹ cũng chỉ chịu đựng nổi một phần mà thôi, còn Mỹ tuy giàu có nhưng đã lâm vào cảnh khó khăn, thiếu thốn khủng hoảng về các mặt kinh tế, tài chính, chính trị và xã hội khiến hậu phương của nó rạn nứt, chia rẽ, xung đột, có khả năng sụp đổ.

Bây giờ chúng ta hãy vẽ lại những nét chính của chiến sự miền Nam trong 30 tháng từ giữa 1965 đến cuối 1967 để thấy càng rõ sự thất bại về quân sự của Mỹ.

a) Từ mùa mưa 1965 đến mùa khô 1965—66. Ý đồ của Mỹ trong mùa mưa đầu của «chiến tranh cục bộ» là gấp rút tập trung hàng chục vạn quân Mỹ, quân chư hầu và quân ngụy trên một số địa bàn chiến lược quan trọng, là sớm chấn chỉnh tinh thần quân ngụy bị sụp đổ, là xây dựng một số cứ điểm ở đó quân nhu được tích trữ, tất cả mấy điều ấy nhằm chuẩn bị cho cuộc «phản công chiến lược» mùa khô để chuyển từ thế bị động sang thế chủ động, từ thế thua sang thế thắng.

Về phía ta thì quân dân miền Nam lập những vành đai du kích xung quanh các chốt Đà-nẵng, Phú-bài, Chu-lai, Biên-hòa, Vũng-tàu. Địch nống ra ở Đồng-xoài, Đức-cơ (Nam-bộ) và ở bên kia sông Trà-bồng (Trung Trung-bộ) đều bị ta đánh bật lại; địch ra đóng lẻ ở ngoài chốt thì bị ta tiêu diệt gọn như ở Phong Bắc, Núi Thành (Trung Trung-bộ). Đến tháng 8, quân Mỹ đông tới 100.000 tên; chúng hung hăng hơn; nhưng trận ra quân lớn đầu tiên của Mỹ nhằm gây thanh thế, trận Vạn-tường (18, 19-8) có thể được xem như một trận «Áp Bắc» đối với Mỹ. Còn từ Vạn-tường thì Quân giải phóng phát động phong trào thi đua «quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ», thừa thắng đánh Mỹ, ngụy khắp nơi. Chấm dứt mùa mưa, bắt đầu mùa khô là chiến dịch Play-me I-a-đăng dài 38 ngày đêm ở tỉnh Gia-lai (Tây-nguyên), Quân giải phóng điều Mỹ ngụy lên đó mà đánh chúng nó: 3.000 địch (1.700 Mỹ) bị diệt; 3 tiểu đoàn địch (1 Mỹ) bị diệt gọn; 88 xe thiết giáp, 44 máy bay bị bắn rơi. Uy thế sư đoàn kỵ binh bay con cưng của Mắc Na-ma-ra bị bắt đầu chôn vùi. Từ đó nối tiếp những trận Đất-cuộc, trận Bầu-bàng, bốn trận Dầu-tiếng, trận Đồng-

đương đều là những trận lớn diệt gọn từ 1 tiểu đoàn Mỹ đến 3 tiểu đoàn ngụy. Té ra, Mỹ không có gì ghê gớm lắm; nó đã bị đánh bại liên tiếp như thế thì làm sao nâng được tinh thần của ngụy? Cho nên chiến dịch «5 mũi tên», nội dung cụ thể của cuộc «phản công chiến lược» mùa khô 1965—66 (tây bắc và tây nam Sài-gòn, đông Sài-gòn, bắc Phú-yên, bắc Bình-định và nam Quảng-ngãi) kéo dài gần 3 tháng đầu năm 1966, lúc này quân Mỹ đã quá 200.000, mà thất bại thảm. Trong 3 tháng đầu 1966 đó, quân dân miền Nam đã loại ra khỏi vòng chiến đấu 67.000 địch (có 30.000 Mỹ), diệt gọn 15 tiểu đoàn (có 9 tiểu đoàn Mỹ); ta bắn rơi và phá hủy 940 máy bay, diệt 600 xe quân sự (có 300 xe tăng và xe bọc thép). Lấy lòng danh tiếng là những trận Củ-chi, Bồng-sơn, Đông-giáp, nhà đổ Bông-trang. Bề gãy «5 mũi tên», «chúng ta đã chiến thắng chiến tranh cục bộ của Mỹ ngay từ đầu» (Trường-sơn). Mùa khô 1965—66 là mùa khô chiến tranh ác liệt nhất từ 1960—61, mà cũng là mùa khô chiến thắng lớn nhất của ta. Ta chẳng những giữ đà chiến thắng; ta giữ quyền chủ động mà còn tạo thêm đà chủ động và chiến thắng mạnh hơn.

b) Từ mùa mưa 1966 đến mùa khô 1966—67. Thua to trong mùa khô «phản công chiến lược» thứ nhất, tướng Ôét-mo-len xin thêm 200.000 quân và được Jôn-xon đồng ý ngay, để chuẩn bị cuộc «phản công chiến lược» mùa khô thứ hai, lần này thì nhất quyết phải thắng để có thể về cơ bản kết thúc chiến tranh trong năm 1967. Trong khi chuẩn bị mùa khô mới thì Mỹ mở một số hoạt động quân sự hạn chế có tính chất đối phó, và ráo riết dùng không quân, pháo binh, chất độc hóa học đánh phá các khu giải phóng nhằm mục đích phá hoại và cản trở sự tập trung của Quân giải phóng.

Về phần mình quân dân miền Nam không hề cho địch yên ổn, nghỉ ngơi, lấy lại sức, tập hợp thêm quân lính và phương tiện. Mùa mưa 1966 là một mùa thừa thắng tiến công. Trong 6 tháng mùa mưa, từ tháng 4 đến hết tháng 9, các lực lượng vũ trang giải phóng đánh thắng 21 trận lớn trên khắp các chiến trường (không kể nhiều trăm trận nhỏ hơn) diệt gọn 21 tiểu đoàn và chiến đoàn địch (có 7 tiểu đoàn Mỹ, 1 Úc, 10 ngụy, 3 chiến đoàn xe tăng và xe bọc thép Mỹ) Xuân-sơn—Tâm-bó (Bà-rịa), Phong-chương (Thừa-thiên), Cà-nhum (Thủ-dầu-một), Gò-nổi (Quảng-ngãi), bắc đường số 9 (Quảng-trị), Bông-trang lò gạch (Thủ-dầu-một) là những địa điểm diễn ra những trận tiêu diệt 7 tiểu

đoàn Mỹ. Còn 10 tiểu đoàn nguy thì bị tiêu diệt ở những trận Nghĩa-thắng (Quảng-ngãi), Lạc-an (Khánh-hòa), Mỹ-an (Mỹ-tho). Đèo Quan-thơm (Quảng-ngãi), Đắc-nha (Lâm-đồng), Cầu-nhi (Thừa-thiên), Bình-lưng (Cà-mau), cầu Phú-ly (Bình-định), Mỹ-lộc (Bình-định). Tiểu đoàn Úc bị diệt ở Long-tân (Bà-rija). Những trận Cần-dâm, Cần-lê là những trận đánh giao thông một thời nổi tiếng; trận Cần-lê, trận Cà-nhum được sử sách ghi lại là những trận « miền Bắc gọi, miền Nam trả lời », những trận đánh trả thù cho thủ đồ Hà-nội bị Mỹ oanh tạc.

Trong mùa mưa 1966, tất cả 8 cuộc càn khá lớn từ 14, 15 tiểu đoàn đến 1 sư đoàn của địch đều bị ta đánh bại: như thế, dù địch phòng ngự một cách khá tích cực, nó cứ thua to. Điều rất đáng chú ý là lúc này lực lượng giải phóng chẳng những giáng cho địch những đòn nặng trên các hướng cũ mà còn đánh mạnh trên những hướng mới, ở cực nam Trung bộ đặc biệt là ở Trị-Thiên. Trị-Thiên nổi dậy mạnh mẽ uy hiếp địch từ núi tới biển, riêng trong 2 tháng 5, 6 giải phóng được 115 thôn và 100.000 dân.

Mùa khô đến; quân Mỹ trong ngoài 400.000, 50.000 quân chư hầu và 600.000 quân nguy, nhưng rõ ràng là chúng không khỏe khoắn gì sau một mùa mưa đầy sóng gió. Mùa khô 1966—67 địch cũng đeo đuổi những mục tiêu như mùa khô 1965—66 mà chúng thực hiện chưa được. Khác ba điều là, thứ nhất, chúng mở chiến dịch sớm hơn, thứ hai, chúng siết một lượt cả 2 gọng kiềm « tìm diệt » và « bình định », thứ ba, chúng tập trung đại lực vào một hướng phản công chính là tây bắc Sài-gòn, vùng Tây-ninh, Thủ-dầu-một, Gia-định, chủ yếu là bắc Tây-ninh. Người ta cũng chú ý rằng chẳng những số Mỹ năm này đông bằng hai năm ngoài mà phương tiện được huy động cũng lớn hơn nhiều: cuối 1965, Mỹ huy động 2.300 máy bay, 600 xe bọc thép, 600 khẩu đại bác, 50 tàu chiến, thì cuối 1966 nó huy động 3.500 máy bay, 2.300 xe bọc thép, 1.600 khẩu đại bác, 230 tàu chiến.

Quân càng đông, phương tiện càng nhiều thì thiệt hại của địch càng nặng. Từ tháng 10-1966 đến tháng 4-1967, quân dân miền Nam đã tiêu diệt 175.000 địch (có 70.000 Mỹ, 15.000 chư hầu, 90.000 nguy); tính theo đơn vị, ta diệt 49 tiểu đoàn địch. Ta bắn rơi và phá hủy 1.800 máy bay; ta phá hủy 3.985 xe quân sự, 340 đại bác. So với mùa khô năm ngoài, thì mùa hồ năm nay số địch bị diệt nhiều hơn 60.000 tên.

Ba cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong mùa khô 1966—67 đều quy mô quân đoàn,

xưa nay chưa từng thấy: cuộc hành quân At-ton-bo-rơ (15-10—25-11-66 ở vùng chiến khu Dương Minh Châu cũ) và cuộc hành quân Si-đa-phôn (2-1—21-1-67 ở vùng được địch gọi là Tam giác sắt) đều huy động 30.000 quân, cả hai đều thất bại, trong trận trước ta diệt 3.500 địch, trận sau 3.200 tên, số đông là Mỹ. Đỉnh cao nhất của cuộc « phản công chiến lược » mùa khô 1966—67 là cuộc hành quân Jan-xơn Xi-ti (22-2—15-3-67); địch huy động 45.000 quân, khoảng 35 tiểu đoàn của 8 lữ đoàn Mỹ, 1.000 xe tăng và xe bọc thép, 200 khẩu đại bác nặng, máy bay đen trời, ô-tô chật đất, bấy nhiêu lực lượng đó đề bao vây, càn quét chừng 250 dặm vuông ở bắc Tây-ninh, nhằm tiêu diệt « sư đoàn 9 Việt cộng », bắt các nhà lãnh đạo của Mặt trận giải phóng và của Quân giải phóng mà chúng nói biết chắc là còn ở trong vùng này khi chúng bắt ngờ đồ quân vây kín. Thế mà rốt cùng địch tháo chạy xấu hổ. 8.300 địch hầu hết là Mỹ bị diệt; ta phá hủy 692 xe quân sự các loại, bắn rơi 119 máy bay, phá hủy 64 đại bác nặng. Địch không đạt mục tiêu nào hết của cuộc hành quân Jan-xơn Xi-ti. Chúng lâm vào thế bí hơn lúc nào hết. « Chúng tôi có thể làm gì hơn? Chúng tôi không thể dùng máy bay B.52 và máy bay cường kích nhiều hơn nữa, máy bay đã đông quá rồi, vướng nhau, phải chờ đến phiên mới ném bom được. Súng M.16 không thể bắn nhanh hơn. Đại bác của chúng tôi đã già suốt ngày đêm rồi. Người ta còn có thể làm gì hơn nếu không phải là lập lại trong nhiều năm nữa những cuộc hành quân kiểu Jan-xơn Xi-ti đề rồi trong 10 cuộc thì thất bại hết 9? » đó là lời một sĩ quan Mỹ mà ký giả Phơ-răn-xoa Can ghi lại trên báo *Tin nhanh* (27-3-67).

Thế là bọn Mỹ phải công nhận rằng chúng đã « hết phép »!

Hồ Chủ tịch nhận xét: « Mỹ thua đã rõ ràng ».

c) Từ mùa mưa 1967 đến trước Tết 1968. Mùa mưa lại đến, ảm đạm cho Mỹ, nguy và chư hầu. Oét-mo-len xin thêm 200.000 quân. Lần này, Jôn-xơn không dám gặt ngay nữa. Mỹ to lớn, giàu mạnh coi chừng cũng đuối sức! Lại thêm nhiều vấn đề rối loạn trong nước Mỹ, liên quan sâu sắc đến chiến tranh thất bại quân sự ở Việt-nam.

« Người Mỹ trên cơ bản đã quay về thế thủ khắp nơi » (*Tin điện hàng ngày*, 5-7). « Các nhà chức trách Mỹ bước vào nửa phần sau của năm 1967 với một thái độ buồn thảm về cuộc chiến tranh ở Việt-nam » (*Người hướng dẫn khoa học Thiên chúa giáo*, 7-7). « Thái độ hoài nghi đã trở thành phổ biến không những

trong các giới chính trị mà ở ngay cả trong nội bộ chính phủ Jôn-xơn» (*Luận đàn quốc tế*, 14-7).

Bỉ hơn nữa cho Mỹ, mà tránh làm sao, là Quân giải phóng như không thấy mỗi một gì, như rất sung sức, cứ tấn công mãi và tấn công mạnh hơn. Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1967, Quân giải phóng tiêu diệt 143.000 địch (có 63.400 Mỹ), bắn rơi và phá hủy hơn 1.400 máy bay, phá hủy 3.100 xe quân sự (có 1.200 xe tăng và xe bọc thép), đánh chìm 107 tàu thuyền chiến đấu, đốt cháy 52 kho xăng chứa 25 triệu lít, phá sập 120 cầu, 35 lần tấn công 18 sân bay, bằm nát tất cả các đường giao thông huyết mạch đặc biệt là đường số 4 ở Nam-bộ nối liền Sài-gòn với các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long.

Mấy tháng cuối năm 1967, Quân giải phóng tiến công đều, đánh thắng nhiều trận vang dội, như trận Lộc-ninh, trong 6 ngày đêm ra quân mở màn cho thu đông, diệt 4 tiểu đoàn và 2 đại đội Mỹ và rất nhiều ngụy; như trận

Đắc-lô diệt 3.500 địch, loại ra khỏi vòng chiến đấu lữ đoàn dù Mỹ 173, đánh thiệt hại nặng lữ đoàn 1 của sư đoàn 4 Mỹ, đánh tan một chiến đoàn dù ngụy; như hai trận tiêu diệt căn cứ nổi Mỹ giữa sông Hàm-luong Bến-tre, lần thứ nhất bắn cháy 1 tàu sửa chữa dài 200 mét, đánh chìm 8 tàu đổ bộ, 300 Mỹ, lần thứ hai, cách nơi trước vài chục cây số, đánh chìm một tàu sửa chữa dài 250 mét, 12 tàu « mặt dựng » và 4 tàu « hô-bo » với cả 1 tiểu đoàn Mỹ gồm 500 tên.

Mỹ đã có non già 500.000 quân, với quân chur hầu và nguy tất cả 120 vạn mà không còn đủ sức lực, ý chí đề mở cuộc « phản công chiến lược » mùa khô thứ ba.

Năm 1968 đến. Bức thư chúc Tết đồng bào của Hồ Chủ tịch có câu : « Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta ! ». Mồng 2 tháng giêng âm lịch, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân dân miền Nam bắt đầu. Bắt đầu một giai đoạn mới của lịch sử Việt-nam kháng Mỹ.

II. VÌ SAO MỸ THUA ?

Năm 1965, khi Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam Việt-nam thì kẻ thù của chúng ta nhảy nhót quả quyết rằng « phen này Việt cộng nhất định bị tiêu diệt », còn bè bạn của chúng ta trên thế giới thì không phải không lo ngại hết sức cho nhân dân Việt-nam : Việt-nam nhỏ bé như vậy, làm sao chống cự nổi với Mỹ to lớn, mạnh mẽ, tàn bạo như vậy ? Người dân, người quân miền Nam không phải không có băn khoăn nào hết trong lúc đầu, nhưng, ngay trong lúc đầu ấy thì ai nấy đều suy nghĩ giống như Phạm Văn Cội (Củ-chi) và Trương Văn Hòa (Quảng-nam) : « Cứ đánh ! trước có khó, sau sẽ quen dần ». Lúc bấy giờ trên báo chí và đài phát thanh, hai miền, nhiều bài dài ngắn khác nhau, phân tích rõ tình hình, so sánh rõ tương quan lực lượng, xác định quyết tâm chiến đấu ; tất cả các bài đều khẳng định rằng : Mỹ nhất định thua, ta nhất định thắng. Sức mạnh của chủ nghĩa Mác Lê-nin chính là ở đây, ở chỗ dự đoán tương lai lịch sử một cách chính xác như trong khoa học tự nhiên. Sau 30 tháng chiến tranh, đặc biệt là từ sau trận Jan-xon Xi-ti (mùa khô 1966—67) chẳng những bè bạn chúng ta tin chắc vào chiến thắng của Việt-nam, mà ngay kẻ địch của chúng ta cũng xác định rằng Mỹ không làm sao thắng được về quân sự.

Vì sao quân Mỹ thua ?

Quân Mỹ thua là thua một cách tất yếu, không tránh khỏi, chứ không phải tại rủi ro, tình cờ. Nó thua vì những lý do chính sau đây hợp lại :

A — Gay chiến tranh xâm lược Việt-nam, nó phạm sai lầm lớn về việc chọn đối tượng ; nó đụng phải một địch thủ kiên cường, tài ba

Làm « chiến tranh một phía » (1955—59), làm « chiến tranh đặc biệt » (1961 — 1965) và làm « chiến tranh cục bộ » (từ giữa 1965 đến nay), đế quốc Mỹ đều muốn thí nghiệm những chiến lược nhằm áp dụng phổ biến ở các nước, các khu vực châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh nữa. Bản thân Tay-lo nói cần phải đánh bại chiến tranh giải phóng ở Việt-nam để các dân tộc khác thấy rằng chiến tranh giải phóng nhất định không thắng lợi được bởi vì nước Mỹ không để cho chiến tranh giải phóng thắng lợi. Mỹ tự phụ về vai trò sen đầm quốc tế của nó lắm vậy. Nhưng thời thế buộc Mỹ phạm sai lầm cơ bản trong việc chọn đối tượng xâm lược, chọn địa điểm thí nghiệm chiến lược của nó. Xét cho cùng thì Mỹ không chọn Việt-nam cũng không được, bởi vì, sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nếu Mỹ trở thành tên sen đầm thế giới thì Việt-nam cũng trở thành lò lửa nóng nhất của cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới. Nếu các lực lượng

thực dân, phản động, phản quốc trồng cây vào Mỹ, thì các dân tộc bị áp bức chăm chú nhìn vào gương sáng cách mạng Việt-nam, kháng chiến Việt-nam, mong tìm ở đó nhiều kinh nghiệm lớn cho cuộc giải phóng của chính mình. Như vậy, đế quốc Mỹ và cách mạng Việt-nam tất phải đương đầu nhau gay gắt. Đế quốc Mỹ ý lớn mạnh, ngỡ rằng có thể dập tắt chiến tranh giải phóng ở Việt-nam, và, bằng cách đó, đập vỡ mặt gương, cắt đứt một dòng điện nghị lực.

Mềm cộp rộng, răng cộp chắc, có thể nhai nuốt được trâu; nhưng nếu cộp tấp phải hòn đá cuội, thanh thép thì răng cộp phải gãy, mềm cộp phải nhả. Nếu Mỹ là cộp, thì ít ra Việt-nam cũng là hòn đá, thanh thép.

Cùng một thời gian lịch sử thế giới, kẻ xâm lược có thể thành công ở xứ này mà thất bại ở xứ khác, bởi vì hai đối tượng khác nhau, chỗ mềm, chỗ cứng. Trong những năm 50, 60 của thế kỷ này, khi chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống nước trên thế giới và hệ thống xã hội chủ nghĩa trở thành yếu tố chủ yếu quyết định hướng phát triển của loài người, thì điều kiện quốc tế rõ ràng là có lợi cho cách mạng giải phóng, không có lợi cho chiến tranh xâm lược. Nhưng vì phông đối tượng xâm lược của Mỹ không phải là miền Nam Việt-nam hay những xứ có điều kiện chính trị và lịch sử tương tự như Việt-nam, thì, với số quân lính nhiều, phương tiện chiến tranh lớn, tiền của to và sự tàn bạo vô biên của nó, Mỹ vẫn có nhiều cơ thắng lợi, ít nhất là tạm thời. Đó là một sự thực đau thương đã xảy ra rồi, không phải chỉ là sự suy luận thuần lý thuyết.

Vậy Việt-nam có những điều kiện gì cho phép ta nói rằng Mỹ vì chọn sai đối tượng xâm lược nên phải thua?

— Nhân dân Việt-nam có truyền thống vinh quang ngàn năm đánh thắng rất nhiều cuộc xâm lăng của những nước to lớn hơn mình gấp bao chục lần. Sức mạnh của truyền thống rất lớn không lấy gì đo được; ngàn vàng không mua được; hối hủ không đạt được. Khơi được sức mạnh truyền thống giống như khơi nước mạch dưới lòng đất, không bao giờ cạn. Cách mạng nhân dân tháng 8 tạo đủ điều kiện cơ bản nhất để kế thừa truyền thống ngàn năm một cách tích cực và sáng tạo nhất. Nhân dân Việt-nam lại đã liên tục kháng chiến và chiến thắng trong suốt một phần tư thế kỷ gần đây chống Pháp Nhật Mỹ và từ đó đã học được nhiều kinh nghiệm vô cùng quý báu. Cách mạng gian khổ, kháng chiến lâu dài đã tôi luyện nhân dân như luyện thép, đoàn kết đồng bào như keo sơn, làm nảy nở cán bộ và

nhân tài đông đảo như hoa mùa xuân; tổ chức cách mạng thì mạnh mẽ, ý thức cách mạng sâu sắc, đường lối cách mạng vững vàng. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam, như vậy là được xây dựng trên nền tảng bền vững của chủ nghĩa anh hùng dân tộc, như lâu đài xây trên núi đá. Không thể nghi ngờ gì được rằng một dân tộc đã tự thân làm Cách mạng tháng Tám thành công, đã kết thúc thắng lợi 9 năm kháng Pháp bằng trận Điện-biên-phủ lừng lẫy, thì dân tộc ấy làm gì lại chịu khuất phục dưới uy lực của Mỹ? Huống chi miền Nam Việt-nam có 14 triệu dân, cả dân tộc Việt-nam có 31 triệu dân chứ không phải ít; mà «31 triệu người là 31 triệu chiến sĩ». Ta có đủ chí khí, đủ tài ba, đủ số người để đương đầu với hàng triệu quân xâm lăng. Miền Nam anh dũng lại có miền Bắc xã hội chủ nghĩa làm hậu phương lớn. Sự tồn tại của nửa nước tự do, độc lập và xã hội chủ nghĩa là một yếu tố trọng yếu vô cùng cho cuộc kháng Mỹ. Đó là chưa kể rằng miền Bắc là thành viên liên sông liên núi của phe xã hội chủ nghĩa hùng cường và bất khả xâm phạm,

Tiến quân mà chọn sai hướng chủ công tức va đầu vào chỗ mạnh thì phải bêu đầu, mẻ trán, Mỹ chọn Việt-nam kiên quyết và thiện chiến làm đối tượng xâm lăng, thì nghiệm chiến lược của nó, là chọn sai hướng chủ công, là va đầu vào thành đồng, nên thất bại. Các nhà làm sử nước Mỹ sẽ viết rằng, đó là sai lầm chiến lược lớn nhất của đế quốc Mỹ trong những năm 50, 60 của thế kỷ này.

B — Chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt-nam là một cuộc chiến tranh phi nghĩa hết sức rõ ràng, xảy ra trong thời đại đế quốc suy tàn và thực dân tan rã không cứu chữa nổi

Trong bất kỳ thời đại nào, tính chất phi nghĩa rõ ràng của một cuộc chiến tranh là điều kiện bất lợi rất căn bản cho kẻ gây ra chiến tranh đó. Kể làm việc phi nghĩa dù mạnh mấy cũng bị bắt buộc phải tìm cách đổi trắng thay đen hoặc dấu bót hành vi phi nghĩa của nó. Cho nên Mỹ lớn tiếng nói nó đem quân vào Nam Việt-nam là để «bảo vệ miền Nam bị miền Bắc xâm lược» và cho nên hễ mỗi lần bắn leo thang chiến tranh là một lần Jôn-xơn tuyên bố muốn «thương lượng hòa bình». Nhưng khó lấy thùng úp voi. Tự ý ném bom liên tục phá hoại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là một nước độc lập có chủ quyền, đem hàng chục vạn quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam trái với lời văn và tinh thần của hiệp nghị Giơ-ne-vơ và Mỹ đã ký kết, hằng ngày phạm những tội ác chiến tranh mà luật lệ quốc tế và lòng

nhân binh thường lên án, Mỹ tự lột mặt nạ. Tình phi nghĩa, tình xâm lược, tình tàn bạo của cuộc chiến tranh ở Việt-nam của Mỹ rõ ràng quá đối với phần nhiều các nước trên thế giới, kể cả nhiều nước tư bản theo phe Mỹ. Trong kỳ thảo luận cuối 1966 ở đại hội đồng Liên hiệp quốc, số nước bênh vực chính sách xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là tối thiểu số: «Thật đáng chú ý là trong số 79 người, phát ngôn cho thế giới thứ ba, những người bênh vực chính sách Mỹ ở Việt-nam chỉ đếm trên đầu ngón tay» (báo *Phi châu trẻ* 4-12-66). Lần này không như lần chiến tranh Triều-tiên, Mỹ tuy có âm mưu mà không thành tựu trong việc kéo nhiều nước nhảy vào Nam Việt-nam dưới cờ Liên hiệp quốc, mà chỉ kéo được mấy lên tay sai nhỏ và gần, trong số bọn này chỉ có Nam Hàn, Thái-lan, Úc, nhất là Nam Hàn đưa ít nhiều quân, còn Phi-líp-pin, Tân Tây-lan thì chỉ tham chiến một cách tượng trưng thôi. «Liệt kê sự giúp đỡ của các nước trong thế giới tự do cho Nam Việt-nam thì thấy thiếu hẳn sự giúp đỡ tích cực của các nước đồng minh của Mỹ ở châu Âu đối với chính sách của Mỹ. Tình hình này rõ ràng trái ngược với chiến tranh Triều-tiên» (Roi-toi 3-2-67). Mỹ có lập nặng trên thế giới; chưa bao giờ Mỹ bị có lập nặng như bây giờ. Hơn nữa, uy tín Mỹ trong nhân dân các nước xuống đến mức rất thấp; các người cầm đầu Mỹ di cớ động tới xứ nào cũng đều bị quần chúng biểu tình xỉ vả, phản đối, ném sơn, ném mực, ném trứng thối. Hàng trăm chính khách, ký giả Mỹ đã nói lên bi trạng đó. Tờ *Nữu-ước diễn đàn* đã có lần viết: «Lúc này Mỹ giống như con chuột cống chạy qua đường, ai thấy cũng hô to: hãy đập chết nó đi! hãy đập chết nó đi!». Dư luận rộng rãi, rất rộng rãi trên thế giới chống chiến tranh Việt-nam của Mỹ, ảnh hưởng lớn đến dư luận Mỹ, cả hai luồng dư luận đều ảnh hưởng lớn đến tinh thần của thanh niên, binh lính, sĩ quan, quan chức Mỹ ở trên tuyến lửa. Bởi vậy cho nên, Mỹ dù giàu mạnh và hay phớt dư luận đối lập, dù có nhiều phương tiện để đánh lạc hay áp đảo dư luận, nó cũng không thể không nhận thấy uy tín thế giới của nó bị tàn phá đến mức nào!

Thượng nghị sĩ Phun-bơ-rai than: «Nước Mỹ bị toàn thế giới lên án» (quyển *The arrogance of powers*). Thượng nghị sĩ Mỹ Morse nói: «Là cờ Mỹ ở khắp thế giới phải treo rũ xuống vì chính quyền Jôn-xon đã chà đạp lên tất cả những luật lệ được công nhận».

Chiến tranh mà trái với lòng mọi người thì

để thất bại. Thế giới ngày nay không còn đầu tắt mặt tối, ở đâu biết đó, như thế giới trước kia. Dư luận phản đối mau biến thành hành động phản đối có tác dụng đến diễn biến của chiến cuộc.

Ở trong một thời đại lịch sử khác, ví như hồi thế kỷ 18, 19, tình phi nghĩa trắng trợn của một cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa không ngăn cản nổi sự thành công của kẻ xâm lược. Hồi ấy, chính nghĩa chưa có tiếng nói quyết định, chỉ có tiếng của đại bác là quyết định. Song gần đây, từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhất là từ sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành, tình thế đã đổi mới. Ánh sáng lên, lên mạnh. Bóng tối lùi, lùi mau. Chế độ thực dân, các đế quốc thuộc địa tan rã dưới sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc được phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ. Có thể khẳng định rằng sự tan rã không gì cứu chữa được của chế độ thực dân, của các đế quốc thuộc địa trên thế giới hiện đại bắt đầu ở Đông nam Á, ở Việt-nam ta. Sự tan rã của chế độ thực dân, sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự lớn mạnh của phong trào công nhân quốc tế, tạo nên một tình thế trong đó đế quốc xâm lược đụng phải chương ngại lớn; cách mạng giải phóng, trái lại, có điều kiện rất thuận lợi. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt-nam trong tình thế này, trong cái thế tan rã của chủ nghĩa thực dân, trên cái đà tuột dốc của chủ nghĩa đế quốc. Trong thế tan rã đó, trên đà tuột dốc đó, Mỹ cố xây dựng quyền thống trị thế giới của nó, cố đóng vai sen đầm quốc tế chống cách mạng, thì đó là một điều trái mùa, điên rồ, không khỏi thất bại. Cái thời mà vài ba nghìn quân đánh thuê, vài ba chiến hạm, ít chục đại bác đủ chiếm một nước, cái thời đó vĩnh viễn qua rồi. Ngày nay là thời mà một cường quốc tư bản có công, thương, nông nghiệp và tài chính, quân sự mạnh nhất thế giới, có cả vũ khí nguyên tử, lại không thắng nổi một dân tộc chỉ có 30, 31 triệu dân, mới bắt đầu phát triển kinh tế. Ngày nay, hoạt động chống cách mạng giải phóng của Mỹ giống như be một con trạch ở liền sau một chiếc đê đã bị dòng nước nhân dân đập vỡ rồi. Nói một cách khác, Mỹ đứng ở thế bị động, thế thua trước phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới mà Việt-nam là khâu chính yếu hiện nay. Và chẳng, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, tuy Mỹ có ghi một số bản, nhưng bản thân nó cũng nếm liên tiếp nhiều thất bại chưa mà chưa nhất là ba cuộc thất bại sau đây: cách mạng Trung-quốc thành công; Triều-tiên đánh lui xâm lược và nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa thành lập ngay bên cạnh nước Mỹ

như gai dưới chân, như đinh khốe mắt, như dao kẻ sườn. Thế thua của Mỹ vẫn là bao trùm chớ không phải riêng biệt. Ở thế đó, Mỹ thắng làm sao nổi nhân dân Việt-nam?

Trái hẳn với sự cô lập của Mỹ, dân tộc Việt-nam trên tuyến đầu chống Mỹ đã trở thành ngọn cờ giải phóng dân tộc được các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa hay mới độc lập vừa giúp và cổ vũ nhiệt tình. Mặt khác đánh Mỹ, Việt-nam đánh kẻ thù chính của toàn phe xã hội chủ nghĩa; Mỹ đánh Việt-nam dân chủ cộng hòa là thách thức toàn phe xã hội chủ nghĩa; cho nên Việt-nam được các nước xã hội chủ nghĩa anh em hết lòng chỉ viện; cho nên nhân dân Việt-nam đã không bao giờ thiếu nghị lực chiến đấu, lại không bao giờ thiếu phương tiện chiến tranh; và cho nên đế quốc Mỹ dù mạnh bạo, dù hiến chiến đến đâu cũng không phải dăm leo đến bất cứ nấc thang nào, nó phải vừa đi vừa dò, vừa đánh vừa sợ, nó phải nhận có những giới hạn đáng sau đó sẽ là sự tan vỡ của bản thân chế độ nước Mỹ.

Chính nghĩa Việt-nam là chính nghĩa vừa dân tộc vừa quốc tế, là chính nghĩa có sức mạnh và thế thắng của thời đại. Thì Mỹ thua, ta thắng, là điều dễ hiểu.

C — Hậu phương của Mỹ rạn nứt; mâu thuẫn nội bộ của Mỹ trầm trọng; tiềm lực của Mỹ bị sa sút

Hậu phương là một trong những nhân tố thường xuyên quyết định sự thắng bại trong một cuộc chiến tranh.

Hồi 1965, khi bắt đầu thời kỳ « chiến tranh cục bộ », một số người ngoại quốc thậm chí không thêm so sánh quân đội và hậu phương của hai bên Mỹ và Việt-nam làm gì, vì ai cũng dễ thấy một bên là ông khổng lồ, một bên là cậu bé nhỏ; có thể hiểu họ dự đoán kết quả chiến tranh như thế nào: Khổng lồ chắc thắng. Nhưng họ lầm. Chỉ có những người kháng chiến Việt-nam lúc đó mới trông thấy đoạn đất sét dưới ống chân của khổng lồ. Về sau sẽ có ký giả Mỹ nói Mỹ giống như võ sĩ khổng lồ mà mù, còn Việt-nam giống như võ sĩ bé con mà có mắt cả ở đằng sau gáy!

Hồi 1965, nhiều, khá nhiều nhà kinh tế, chính khách, ký giả tư bản, nhất là ở Mỹ ngỡ rằng, lần chiến tranh này cũng như một số lần khác, Mỹ sẽ không hao tổn gì lớn lắm mà trái lại chiến cuộc sẽ kích thích nền kinh tế tài chính Mỹ tiến lên mau hơn bình thường. Sự thật khác hẳn. Mới 30 tháng chiến tranh cục bộ, kinh tế tài chính Mỹ đã hào hển lắm rồi, và không một ai dám tin rằng nó sẽ không

đắm đuối vì chiến tranh Việt-nam cực kỳ hao tổn.

Hậu phương Mỹ càng ngày càng lộ ra nhiều nhược điểm:

1. Về mặt chính trị.

Số nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh ở Việt-nam ngày càng đông, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, trí thức; các hình thức đấu tranh phản đối chiến tranh ngày càng mạnh bạo, càng có tổ chức. Nhiều đợt biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh, đòi rút quân khỏi Việt-nam huy động gần 1 triệu người riêng tại hai thành phố Nữu-ớc và San Frăn-xi-cô (mùa xuân 1967): tại Nữu-ớc cuộc biểu tình đòi rút quân Mỹ khỏi Việt-nam tập hợp đến gần 400.000 người; ủy ban vận động nhận xét rằng « đó là cuộc biểu tình lớn nhất trong mọi cuộc biểu dương lực lượng, một cuộc tập hợp chưa từng được tổ chức trong lịch sử nước Mỹ vì bất cứ lý do gì ».

Có lần 200.000 người từ khắp nước Mỹ kéo về thủ đô Hoa-thịnh-đốn, bao vây bộ Quốc phòng đòi « Rút quân Mỹ về nước » và hô « Nước Việt-nam của người Việt-nam », hô « chúng tôi không muốn đi xuống địa ngục ấy » (tuần « Chống chiến tranh xâm lược Việt-nam » tháng 10-1967). « Đây là cuộc chiến tranh không được lòng dân nhất trong lịch sử nước Mỹ; đây cũng là cuộc chiến tranh làm phương hại sâu sắc nhất đến lương tâm của người Mỹ », ký giả Lip-man và bao người khác nói như thế. Từ trong chính quyền, vào thường hạ nghị viện, đến các tầng lớp xã hội, công luận nước Mỹ chia làm hai, một bên tự gọi là « điều hậu », chủ chiến, một bên tự gọi là « bờ câu » yêu cầu chấm dứt ném bom miền Bắc, rút quân khỏi miền Nam. Chiến tranh ở Việt-nam trở thành vấn đề trung tâm của đời sống chính trị ở nước Mỹ. Tư tưởng hòa bình phát triển. Dư luận công chúng Mỹ lên án chính sách Jôn-xơn cho đến đòi Jôn-xơn không dám ra tranh cử tổng thống khóa thứ 2 như thường lệ các tổng thống Mỹ đều làm. Chánh phó tổng thống đều sợ đi ra đường, sợ gặp công chúng, vì sợ quần chúng biểu tình phản đối.

2. Về mặt xã hội và trị an.

Bọn lãnh tụ công đoàn vàng ủng hộ Jôn-xơn, điều này hạn chế vai trò công nhân trong phong trào phản chiến; nhưng tiêu phí chiến tranh ảnh hưởng đến lao động vào trực tiếp gây ra nhiều cuộc bãi công làm cho cố gắng chiến tranh của Mỹ bị trở ngại ngày càng lớn, ví như bãi công của 25 vạn thợ ở « Nghiệp đoàn điện quốc tế », của công nhân hải cảng Ban-ti-mo, một hải cảng có nhiều tàu chở

dụng cụ chiến tranh sang Việt-nam, của 30.000 công nhân thuộc 7 nhà máy chuyên sản xuất máy bay lên thẳng, bom và tên lửa cho chiến trường Việt-nam, của 37.000 công nhân sản xuất đồng, cuộc bãi công này kéo dài cho đến đôi 90% ngành đồng tê liệt và nước Mỹ thiếu đồng làm súng đạn... Đế quốc Mỹ sợ nhất là phong trào bạo động của hàng triệu người da đen phản đối sự bóc lột, đòi quyền công dân. Đợt bạo động mùa hè 1967 bao gồm hơn 100 thành phố, gây nhiều tỉ đô-la tổn thất, hàng vạn xí nghiệp, cửa hiệu, khu phố và dinh thự bị đốt, hàng trăm người chết, hàng ngàn người bị thương, hàng vạn người bị bắt. «Nước Mỹ đang ở bên bờ vực một cuộc nội chiến», «người da đen ở Mỹ là trái bom nổ chậm gắn vào giữa quả tim của nước Mỹ» các báo Âu Mỹ đều nói như vậy. Thượng nghị sĩ Mỹ Phun-bơ-rai nhận xét rằng cuộc nổi dậy của người da đen ở Mỹ «là kết quả trực tiếp của cuộc chiến tranh ở Việt-nam». Gần đúng như vậy: bao nhiêu tiền trước để vào chương trình «xã hội vĩ đại» đã bị rút qua cho ngân sách chiến tranh hết, khiến dân nghèo thêm khổ, khổ nhất là người da đen; hơn nữa, người da đen ở Mỹ chiếm 12% dân số mà hơn 25% quân ở chiến trường Việt-nam là người da đen. Người da đen bất bình, nổi dậy là phải. Gương vũ trang chiến đấu thắng lợi của nhân dân Việt-nam khuyến khích họ. Đế quốc Mỹ hết sức lo sợ khẩu hiệu của người da đen Mỹ là «tạo nhiều Việt-nam ngay trên đất Mỹ».

Mỹ càng lún trên đất Việt-nam, thì nội tình xã hội Mỹ càng rối, xã hội Mỹ càng gần nguy cơ sụp đổ ở nền móng. Nhiều chính khách Mỹ sợ hãi muốn chấm dứt chiến tranh ở Việt-nam là để cứu vãn nước Mỹ khỏi nguy cơ đó. Đã có sử gia Mỹ nhắc nhở rằng người nô lệ dấy lên đã góp phần lớn chôn vùi văn minh La-mã. Ý sử gia đó muốn nói rằng bạo động của người da đen có thể phá hủy văn minh tư bản Mỹ. Một phân số tư sản Mỹ ngày càng đông nhận thấy điều đó và muốn Mỹ rút quân khỏi Việt-nam, muốn nước Mỹ không bao giờ lại mắc vào một Việt-nam nữa.

3. Về mặt kinh tế tài chính.

Chẳng đợi đến cuối 1967 đầu 1968, ngay từ 1966, nền kinh tế tài chính của Mỹ bắt đầu lâm nguy rồi. Hãy nghe các báo tư bản phương Tây:

«Cuộc chiến tranh Việt-nam ngày càng đè nặng thêm lên trên đời sống kinh tế của nhân dân Mỹ. Nước Mỹ của Jôn-xơn bị đau thần kinh. Nó đã tin tưởng ở một cuộc chiến tranh vừa dễ dàng vừa có khả năng đẩy mạnh việc phát triển kinh tế Mỹ. Nhưng bây giờ thì nó

đã đi đến chỗ tự nghi ngờ mình» (*Diễn đàn các dân tộc* 13-5-66).

«Việt-nam như cái thòng lọng siết cổ Jôn-xơn và nước ông ta. Hầu như tất cả các điều lo âu của Jôn-xơn, từ việc giá sinh hoạt lên cao đến sự chống đối lại quyền lãnh đạo của ông ta ở trong và ở ngoài nước, đều có liên quan trực tiếp vấn đề Việt-nam» (*Bưu điện tối thứ bảy* 2-7-66).

«Chính phủ có thể in thêm mãi tiền để chi tiêu; giá cả sẽ còn tăng lên mãi; tình hình kinh tế sẽ ngày càng nghèo thêm, sẽ trở nên tri tri. Kết quả là nạn lạm phát cộng với kinh tế suy sụp» (*Nhật báo phổ U-ôn* 22-6-66).

«Các khả năng sản xuất đã bị khai thác triệt để; hiện nay phải hăm bớt sự tiêu thụ lại, hăm bớt các khoản đầu tư vào những ngành dân sự, tăng thuế, cắt xén chương trình «xã hội vĩ đại» để lấy tiền trả lương cho một đạo quân viễn chinh đông 300.000 (không kể lính thủy, lính không và nhân viên bảo quản các căn cứ hải quân, không quân ở châu Á), để trả lương cho một lực lượng không quân bằng toàn thể lực lượng không quân trong đại chiến thứ hai. Nước Mỹ tham gia một cuộc thập tự chinh ngốn cả năng lực của mình». Riêng tài khóa 1966—67, ngân sách Mỹ hụt 10 tỷ đô-la! Năm tài khóa này, mỗi ngày Mỹ ném vào chiến tranh 66 tỷ đô-la!

Năm 1967, Jôn-xơn tăng thuế 10%; bất bình dậy khắp.

Cũng năm 1967, đồng đô-la suýt bị phá giá, vàng dự trữ xuống đến hay quá mức thấp nhất (13 tỷ đô-la) vì chính quyền đã phải lấy vàng ra để trang trải cho cân cân thanh toán hụt mỗi năm 2,3 tỷ, và để mua lại đô-la giấy mà nhiều người nhiều nước, nhất là Pháp đã tích trữ hàng ngàn triệu, nay muốn đổi lấy vàng để dự trữ cho chắc hơn. Mỹ phải nhờ các nước khác trong khối vàng trợ lực mới tạm thời qua nổi cơn nguy, song đồng đô-la đã mất tín nhiệm nhiều, nó được tiếp máu chớ không phải bản thân nó sinh ra đủ hồng huyết cầu cho nó. Bây giờ quân Mỹ ở Nam Việt-nam không phải 300.000 hay 400.000, mà đã quá 500.000, chi phí chiến tranh ở Việt-nam không phải 15 tỷ mà ba mươi tỷ hay hơn nữa. Thi kinh tế tài chính Mỹ rõ ràng đứng trước bờ vực thẳm. Hồi 1965 ai dè rằng kinh tế tài chính chính trị và xã hội Mỹ có nhược điểm đến mức này? Mà chiến tranh cục bộ mới và ba mươi tháng chờ đã phải 5 năm, 10 năm, 20 năm đâu! Những người yêu nước Việt-nam hai miền đã đoán thấy trước khúc chân đất sét của ông khổng lồ Mỹ và, dĩ nhiên, đã siêng năng khẽ vào khúc ấy.

Hậu phương của Mỹ như vậy thì Mỹ sao khỏi thất bại trong cuộc chiến tranh ở Việt-nam? Ta hãy nhớ, và bọn Mỹ càng biết rõ hơn ta, rằng các đối thủ chính của nó trên thế giới (Liên-xô, Trung-quốc) mấy lâu nay đang tiến lên vùn vụt trong lúc nó sa lầy tận nách ở Việt-nam. Sa lầy của Mỹ, thất bại của Mỹ ở Việt-nam vì thế mà càng nguy tai cho nó. Đến đây thì chúng ta hiểu tại sao Mỹ không tuyên chiến được mà cũng không tổng động viên được trong khi tiến hành chiến tranh ở Việt-nam.

Hậu phương nào cũng vậy, chẳng những gởi ra tiền tuyến cơm, áo, đạn dược mà còn gởi tình cảm tư tưởng nữa. Mà hậu phương Mỹ thì rối ren, hỗn loạn, chia rẽ; phong trào phản chiến, tư tưởng hòa bình, ý thức đòi rút quân đều tăng lên; thì sao khỏi ảnh hưởng sâu sắc đến quân Mỹ nhất là lính da đen, cả quân ngũ và quân chư hầu nữa?

4. Sự chỉ đạo chiến lược, chiến thuật của Mỹ kém, tồi.

Xâm lược Việt-nam, Mỹ dựa vào ba ưu thế chính: ưu thế về quân số, ưu thế về hỏa lực, ưu thế về cơ động. Nhưng mấy cái ưu thế đó chẳng những bị hạn chế bởi chiến lược chiến thuật đặc sắc của Việt-nam, chúng ta sẽ nói mà còn bị hạn chế bởi sự chỉ đạo chiến lược, chiến thuật kém, tồi của bản thân bọn Mỹ. Sau đây là những loại biểu hiện chính của sự kém, tồi về chỉ đạo ấy.

a) *Bị động không thoát được từ đầu chí cuối.* Một điều kiện để thắng trận là giành và giữ thế chủ động. Xét lịch sử chiến tranh các nước chưa thấy ai bị động từ đầu chí cuối mà thắng bao giờ. Người ta có thể lúc đầu bị động sau đó giành lại chủ động, rồi chiến thắng, như Liên-xô chống Đức hồi chiến tranh thế giới thứ hai. Còn ở Việt-nam từ giữa 1965 cho đến đầu 1968, hay nói cho đúng hơn, từ 1960—61 đến nay, Mỹ đã không thoát khỏi thế bị động, mà ngày càng bị động nặng hơn.

Thế bị động của Mỹ là thế nền tảng, thế khởi nguyên. Mỹ bị động trong việc đưa quân ồ ạt sang Nam Việt-nam: Mỹ vốn muốn thực hiện chiến tranh xâm lược bằng quân, ngũ quyền và một số cố vấn chỉ huy Mỹ, nhưng quân, ngũ quyền sắp sụp đổ, nó phải nhảy vào và « Mỹ hóa » của chiến tranh. Đó là bị động về chiến lược khi mà, lúc đầu chiến tranh cục bộ, Mỹ tính đến 1967 thì đã thắng rồi, giải quyết xong về cơ bản rồi, nào dè đến 1967 thì tương lai càng mờ mịt, thấy không thể nào Mỹ chiến thắng bằng quân sự được. Còn bị động về chiến dịch thì

có thể kể vô số: Mỹ đang định vào hè thu năm 1966, đưa nhiều sư đoàn Mỹ vào đồng bằng sông Cửu-long nhiều dân lăm của thì, dùng một cái, chiến trường Trị—Thiên lâu nay yên tĩnh, trở thành nóng bỏng, Mỹ phải cấp tốc đưa nhiều sư đoàn tinh nhuệ ra và chịu nung quân ghê gớm ở đó; hay là như quân Mỹ bị bắt buộc phải lúc thì nhào vào vùng Plây-me—I-a-đăng, lúc thì phóng lên Đắc-tô trên Tây-nguyên rừng núi trùng điệp, đó cũng là bị động về chiến dịch. Có ký giả nói khá đúng rằng người điều động quân Mỹ, thực tế không phải là tướng Mỹ mà là tướng Việt cộng! Còn bị động về chiến thuật thì tháng nào tuần nào cũng thấy; quân Mỹ muốn đánh có chiến tuyến, quân ta buộc nó phải đánh không chiến tuyến; quân Mỹ ý lại vào phi pháo, quân ta đánh gần, « nắm thất lưng địch mà đánh », phi pháo địch không cứu nổi bọn bị phục kích hay tập kích; quân Mỹ muốn nghỉ ngơi mùa mưa, đánh mạnh mùa khô, chúng muốn đánh ban ngày còn ta thì buộc nó phải đánh trong mọi mùa, mọi thời tiết, đánh ban đêm.

Mỹ ra sức gỡ cho khỏi bị động, nhất là bị động chiến lược, chiến dịch, mà gỡ không nổi. « Năm mũi tên » hồi mùa khô (1965—1967) bị bẻ gãy; Mỹ lại bày ra « phản công chiến lược mùa khô » thứ hai (1966—67) với số quân và số phương tiện bằng hai, tập trung chủ yếu vào tây bắc Sài-gòn, thế mà lại thất bại nữa và nặng hơn, cho đến đổi vào mùa khô thứ ba (1967—68) trong tay Mỹ có 1 triệu 20 vạn quân mà nó không mở được chiến dịch phản công nào quan trọng, trái lại lại bị quân dân miền Nam mở đợt đầu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt.

Trong nghệ thuật quân sự, bị động là thua, không làm chủ chiến trường thì đừng hòng nói đến chiến thắng.

b) *Quân Mỹ tuy đông mà phải phân tán dàn mỏng, số quân chiến đấu và cơ động không nhiều lắm.* Hồi chiến tranh Triều-tiên, quân Mỹ ít hơn hồi cuối 1967 ở Nam Việt-nam; nhưng ở Triều-tiên chiến tranh có chiến tuyến kéo dài từ bờ Bột-hải đến bờ biển Nhật. Sau chiến tuyến đó không có chiến tranh đáng kể, cho nên quân Mỹ tập trung được, khỏi dàn mỏng, phân tán. Còn ở miền Nam Việt-nam, từ vĩ tuyến 17 đến Cà-mau, tỉnh nào, quận nào cũng có chiến tranh, cũng có tiêu diệt và tiêu hao quân Mỹ, ngũ. Ở cả ba vùng (rừng núi, nông thôn, thành thị), ba thứ quân (du kích, quân địa phương, chủ lực giải phóng) đều có mặt và đánh giỏi. Thành thị lại thêm phong trào đấu tranh

chính trị sôi nổi của nhân dân, sinh viên, thanh niên, Phật tử. Du kích xã, dựa vào làng chiến đấu, có sức đánh lui tiểu đoàn địch và diệt gọn trung đội Mỹ. Cơ quan, kho tàng, nhà ở v.v... của Mỹ nguy luôn luôn bị tập kích. Đường thủy, đường bộ, hải cảng, sân bay địch không nơi nào không bị đánh liên tiếp. Vì vậy, quân Mỹ phải phân tán, dần mỏng, chiếm đất, đóng đồn... Càng phân tán, càng dần mỏng thì đồng hóa ít, mạnh hóa yếu và dễ bị tiêu diệt. Nói Mỹ đồng hóa ít, mạnh hóa yếu là nói một sự thật, không phải nói để cổ động suông. Mỹ định giao việc «bình định» cho nguy, để Mỹ chuyển việc «tìm diệt»; nhưng nguy bất lực; Mỹ phải để một số quân vào việc bình định, nó càng phân tán, dần mỏng chính trong lúc nó không làm nổi nhiệm vụ «tìm diệt» chủ lực «Việt cộng».

Vì bị chiến tranh nhân dân bắt buộc phải phân tán, dần mỏng cho nên, theo những con số chính thức của Mỹ, hồi đầu năm 1967, Mỹ có ở miền Nam Việt-nam tới 430.000 quân mà chỉ có 78 tiểu đoàn tác chiến, trong số này có 48 tiểu đoàn cơ động từng vùng và chỉ có 6 tiểu đoàn cơ động chung thời! Nguy đông 600.000 quân mà chỉ có 160 tiểu đoàn chiến đấu trong đó có 48 tiểu đoàn cơ động. Máy bay, tàu chiến, xe cơ giới, Mỹ có hàng vạn chiếc, vậy mà trong rất nhiều trường hợp quân Mỹ không cơ động bằng Quân giải phóng với cặp giò trơn. Cố gắng cao nhất của Mỹ để tập trung quân trong một chiến dịch là chiến dịch Jan-xon Xi-ti ở Bắc Tây-ninh đầu 1967 ở đây Oét-mo-len cũng chỉ tìm góp được có 45.000 quân thôi. Lại gì mà thấy rằng đầu năm 1966, Oét-mo-len năm 200.000 quân Mỹ mà kêu thiếu, xin thêm 200.000 nữa, đầu năm 1967, Oét năm 400.000 quân Mỹ lại kêu thiếu, xin thêm 200.000 nữa; suốt 30 tháng quân nguy trên dưới 600.000 mà Oét kêu thiếu, muốn có hàng triệu. Càng tăng quân càng thấy thiếu, lạ thay mà cũng thực thay, vì Mỹ bị buộc phải bị động, phân tán, dần mỏng.

c) *Lực lượng hậu cần của Mỹ tuy lớn mà có nhiều nhược điểm.* Quân Mỹ tiêu thụ lớn lắm, lớn hơn bất cứ một quân đội nào trên thế giới. Cho nên hậu cần của Mỹ rất phức tạp. Thiếu một món gì thì ảnh hưởng ngay đến tác chiến. Hậu cần chẳng những phải cung cấp xăng cho máy bay, đạn và bánh cho lính, mà còn phải chở nước uống từ Phi-lip-pin đến, chở quần áo là để thay mỗi bữa, chở cả gái điếm cho sĩ quan cuối một ngày hành quân. Người Việt-nam gọi lính Mỹ là «lính công tử»; lính công tử ăn nhiều, mặc đẹp, chơi bởi bạc mạng, mà đánh dở.

Quân Mỹ dùng súng đạn phung phí, bừa bãi lắm, trước hết vì chúng lấy sắt thép làm gan dạ. Một sư đoàn không chiến đấu tiêu thụ mỗi tháng một vạn tấn chiến cụ và quân dụng. Một sư đoàn chiến đấu tiêu thụ mỗi ngày chỉ ít là 7, 8 trăm tấn, mỗi sư đoàn 2, 3 trăm tấn. Không đủ số súng, đạn, bom đó thì tinh thần chiến đấu vốn không cao sẽ xuống thấp ngay. Nhà cầm quyền quân sự Mỹ tổng kết thấy rằng tính trung bình, Mỹ phải bắn 27.000 viên đạn mới hạ được một du kích, phải ném một tấn bom mới sát thương được một Việt cộng. Nói thế thôi, chờ nếu được như thế thì tất cả lính «Việt cộng» đã què đã chết hết từ lâu rồi còn đâu để mà đánh nữa!

Hậu cần của Mỹ hết sức nặng nề, dềnh dàng. Không đủ tàu bè người lái và thủy thủ để chuyên chở. Mỹ phải động viên cả người lái một chân, dùng lại tàu cũ trong chiến tranh thế giới thứ hai, gấp rút xây nhiều bến nhiều kho mênh mông ở Nam Việt-nam, do đó mà bị quân dân Việt-nam đánh phá hết sức tai hại, cũng do đó mà hàng chục vạn quân Mỹ phải kẹt vào việc canh gác, khuôn vác nữa. Về phần mình thì Việt-nam rất chú trọng đánh phá hậu cần địch, đánh tàu địch từ khi chưa cập bến, đánh kho tàng, đánh vận tải đường bộ, đường thủy và đường không, gây thiệt hại lớn như núi, nhiều như nước, làm cho địch rất lúng túng trong nhiều kế hoạch tác chiến, như sư đoàn kỵ binh bay có lúc không còn xăng dự trữ quá vài ba ngày khi chúng hành quân ở vùng Huế-Thừa-thiên.

d) *Quân lính Mỹ tinh thần thấp, chiến đấu dở.* Chiến đấu dở, chủ yếu là do tinh thần thấp; tinh thần thấp, trước hết là do chiến tranh phi nghĩa. Nhưng cũng do nhiều nguyên nhân khác nữa thuộc về chỉ đạo chiến lược và chiến thuật của quân Mỹ, một phần khác do cách đánh kỳ diệu của quân dân Việt-nam.

Mỹ khoe khoang tài cán và tinh liêu của bọn «mũ nổi xanh», nhưng quân biệt kích này làm gì lại quân du kích Việt-nam có tài ẩn hiện như thần và có ý thức chính trị cao? Chiến tranh phi nghĩa rõ ràng cho họ nên ở Mỹ hầu như không có ai tình nguyện vào lính. Lính bị bắt miễn cưỡng theo đuổi quân địch, lại huấn luyện sơ sài, sau dở hơn trước, rồi vội tổng ngay ra trận tiền để cho đủ quân số. Mỗi kỳ qua Nam Việt-nam là một năm, tên lính nào cũng mong thoát chết để còn về với cha mẹ vợ con, cho nên mới tới thì đánh chưa được; quen một chút thì sắp mãn hạn không muốn ra trận, xông xáo nữa. Hàng ngàn bài báo, bức thơ được công bố, nói lên tâm trạng dễ hiểu đó. Lính Mỹ, như trên vừa nói, lấy

hỏa lực làm gan dạ nhưng chúng gặp mãi những trường hợp không ý lại vào sắt thép, hỏa lực và cơ động được (như trường hợp đánh gần, đánh bất ngờ, đánh đêm v.v...), chúng mất tinh thần mất sức chiến đấu rất mau, mà đánh giáp lá cà, đánh phục kích, tập kích, đánh đêm v.v... là sở trường của Quân giải phóng.

Quân Mỹ sợ đủ thứ ở Nam Việt-nam: sợ quân bà ba đen mũ vải tai bèo, sợ nắng cháy mưa dầm, sợ muỗi, sợ địa, sợ ong, sợ hầm chông, đập lòi, tên độc, sợ ruộng lầy, rừng rậm, sợ bắn tỉa, sợ đánh giáp lá cà, sợ dân làng, sợ cỏ cây; tóm lại là sợ chết vì không biết chết để làm gì. Thương vong nhiều quá tâm trạng hãi hùng ám ảnh suốt năm, cho nên ít ai muốn kéo dài thời hạn tòng quân dù được trả tiền thêm khá hậu. Phần đông lính Mỹ giải ngũ rồi là những người tuyên truyền khá đặc lực cho tư tưởng chán ghét chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam. Lính da đen lại là một mối lo thường xuyên cho quân da trắng. Lính ngụy thì ai cũng rõ, rất kém; hoặc họ lấy việc đi lính là nghề kiếm ăn cho qua ngày tháng, hoặc họ bị quây rập bắt vào cầm súng một cách miễn cưỡng; thường thường ngụy mâu thuẫn với Mỹ. Người ta được biết rằng Mỹ không bao giờ cho quân ngụy hay

trước kế hoạch hành quân, dù là hành quân chung; hơn nữa bao giờ Mỹ cũng có kế hoạch đối phó với trường hợp ngụy không hợp tác và cả trường hợp ngụy làm phản, những trường hợp đó đã xảy ra không ít.

Theo dõi một cuộc hành quân lớn, một chiến dịch của Mỹ ta thấy chúng giằng giá đẹp, chỉnh tề, triển khai nhịp nhàng, đúng như sách vở và bài giảng ở trường võ bị. Nhưng khi đã triển khai rồi, khi dàn ra mỏng rồi thì quân Mỹ chùn lại co rút, nhất là khi đụng phải những mũi phản kích của lực lượng vũ trang nhân dân; chúng dò từng bước, bò từng tấc, không xông xáo đi xa, động tĩnh một tí là xin pháo yểm hộ, xin máy bay viện trợ, chưa trừa đã chờ cơm nước, chưa chiều đã chờ trục thăng, chỉ giỏi có cái đốt nhà cửa, bức hiếp nhân dân tay không.

Huấn luyện, đào tạo ra lính như thế ấy thì thắng làm sao? Hỏa lực, cơ động, quân số không thay được giá trị quyết định của người lính.

Tất cả những điều kể trên hợp lại góp phần cất nghĩa vì sao quân Mỹ có tru thế về quân số, về hỏa lực, về cơ động, nước Mỹ giàu mạnh nhất thế giới tư bản, mà lại thua trận ở Nam Việt-nam. Hiên nhiên còn lắm nguyên nhân khác nữa.

VÌ SAO TA THẮNG ?

Chiến thắng của quân dân miền Nam trong 30 tháng đầu của thời kỳ "chiến tranh cục bộ" là một chiến thắng toàn diện và có tầm quan trọng chiến lược. Thắng toàn diện, bởi vì ta thắng cả trong ba mặt chiến tranh của địch: phá hoại miền Bắc, «tìm diệt» và «bình định» ở miền Nam; cả cái bẫy «thương lượng hòa bình không điều kiện tiên quyết» cũng không kéo được ta mắc chân vào đó. Thắng về chiến lược, nghĩa là thắng rất cơ bản, bởi vì nhiều phần chiến lược của Mỹ bị thất bại như vừa nói và bởi vì ta tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, phát triển nhanh lực lượng của ta, bởi vì ta giữ được dân, giữ và mở rộng vùng giải phóng. Tất nhiên, chưa phải là ta đã toàn thắng, nhưng chính Mỹ cũng phải nhận định một cách đau đớn rằng chúng không thể thắng ta về quân sự được nữa rồi, tức là chúng thừa nhận thất bại của chiến tranh xâm lược. Nói một cách khác, toàn thắng từ một khả năng đang trên đường trở thành hiện thực, được

dọn dẹp công phu suốt 30 tháng đấu tranh đầy hoa chiến công.

Vì sao ta thắng? — Có thể nêu lên 6 nguyên nhân trọng yếu sau đây:

- Chính nghĩa về ta;
- Thời đại lịch sử có lợi cho ta;
- Ta có quyết tâm cao đánh thắng giặc Mỹ xâm lược;
- Ta có chỉ đạo chiến lược đúng;
- Ta có chỉ đạo chiến thuật giỏi;
- Binh sĩ của ta là những con người ưu việt.

Hai điểm đầu, chúng ta đã có dịp nói đến ở trên đây. Bây giờ chỉ cần nói đến 4 điểm sau.

A — Ta có quyết tâm cao đánh Mỹ và thắng Mỹ

Có chính nghĩa chưa đủ thắng. Chính nghĩa phải mạnh mới thắng. Một trong những việc đầu tiên để cho chính nghĩa mạnh là phải làm sao cho nhân dân, cho quân đội, cho các đoàn

thể đều có quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Và quyết tâm đó phải cao. Trong bài « công tác tư tưởng trong quân đội miền Nam ta với chiến thắng mùa khô 1965 - 1966 », Nguyễn Chí Thanh viết: « ... đề cho dễ nhớ, Mặt trận đã nêu lên một công thức cho anh em bên dưới nắm đề làm công tác chính trị và tư tưởng cho tốt, công thức ấy là: lập trường tư tưởng cách mạng kiên định và quyết tâm cao + sự đánh giá đúng so sánh lực lượng = thắng lợi ».

Quyết tâm phải có, phải cao. Nỗ lực phải có, phải lớn. Hồi 1961, khi bộ tư lệnh Hác-kin vào miền Nam Việt-nam để thực hiện chiến tranh đặc biệt và kế hoạch Sta-lây - Tay-lo thì có lần thời nảy sinh đây đó trong hàng ngũ ta một số vấn đề tư tưởng và thái độ « xinh rình »; vấn đề tư tưởng được giải quyết sớm và sớm chấm dứt sự « xinh rình » về tổ chức và chiến đấu; do đó kế hoạch Sta-lây - Tay-lo 18 tháng bị đánh bại nặng. Bây giờ ta có kinh nghiệm cũ và được lãnh đạo càng vững. Từ giữa năm 1965 Mặt trận đề ra ba yêu cầu lớn là không đề chừng về tư tưởng, không đề chừng về tổ chức, và không đề chừng về chiến đấu, yêu cầu đó nhằm tránh ngay, tránh hẳn mọi sự « nhào đảo về tư tưởng » và mọi sự « xinh rình về chiến lược, chiến thuật và tổ chức », nhằm làm cho quân dân miền Nam chẳng những không mất đà chiến thắng sẵn có mà còn tạo thêm đà chiến thắng mạnh mẽ hơn nữa.

Muốn giữ đà sẵn có và tạo đà mạnh hơn thì quyết tâm của lãnh đạo phải mau biến thành quyết tâm của các đoàn thể, của toàn quân, toàn dân đến tận cơ sở, đến từng người, kể cả người dân thường. Việc này khó mà phải làm và làm được. Làm được thì chiến thắng đã nửa phần cầm chắc. Thực ra thì quyết tâm và quyết tâm cao không phải dễ có khi đứng trước một kẻ địch to lớn, giàu mạnh, tàn bạo nhất thế giới tư bản như đế quốc Mỹ. Nhưng, nhờ có truyền thống kháng chiến lâu dài, nhờ có ý thức cách mạng sâu sắc, nhờ có sẵn đà chiến thắng mấy năm nay, nhờ ta nghiên cứu biết rõ những chỗ mạnh chỗ yếu của địch và nhờ lãnh đạo kịp thời, cho nên quân dân miền Nam sớm tự vũ trang bằng một quyết tâm sắt đá, nguyện đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và tin chắc một cách có lập luận khoa học rằng ta sẽ thắng, Mỹ sẽ thua. Quyết tâm này sở dĩ có không phải vì giới hô hào chính trị một cách chủ quan, mà vì đã dựa vào chủ nghĩa anh hùng cách mạng vốn có, và vì được xây dựng trên cơ sở biết địch biết ta, trên cơ sở nắm chắc quy luật lịch

sử, quy luật chiến tranh cách mạng trong thời đại chúng ta đang sống.

B - Ta có chỉ đạo chiến lược đúng

Về sự chỉ đạo chiến lược, có thể nêu lên mấy điểm sau đây :

Thứ nhất: động viên lực lượng toàn thể dân tộc Việt - nam 31 triệu người nhằm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Dân tộc Việt-nam là một. Mỹ xâm lược bất cứ phần nào của dân tộc Việt - nam thì mỗi người Việt - nam đều có quyền thiêng liêng và nhiệm vụ khẩn cấp là đánh kẻ xâm lược, hướng chỉ Mỹ vừa đổ quân ồ ạt vào miền Nam, vừa liên tục phá hoại miền Bắc bằng máy bay. Miền Nam là tiền tuyến lớn của cả nước, miền Bắc là hậu phương lớn của cả nước; cả hai miền Nam Bắc đều chung sức đánh Mỹ và tay sai nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc thống nhất Tổ quốc. Đánh Mỹ, nhân dân Việt-nam sở cậy vào sức mình trước hết, đồng thời tranh thủ sự chi viện nhiều nhất của toàn phe xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình rộng rãi nhất của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hay hơn nữa, nhân dân Việt-nam quyết chiến đấu kỳ quét sạch quân xâm lược mới thôi. Ngọn cờ độc lập và hòa bình; đấu tranh cho độc lập nhân dân Việt-nam cũng đấu tranh cho hòa bình, một nền hòa bình xây dựng trên cơ sở độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ Việt-nam.

Có thể nhận định rằng, trong lịch sử toàn bộ dài nhiều ngàn năm của mình, lần đánh Mỹ này là lần cả dân tộc Việt-nam được động viên cao nhất, đoàn kết chặt nhất, chiến đấu quyết liệt nhất, được bè bạn năm châu cổ vũ một cách rộng rãi và nồng nhiệt nhất.

Thứ nhì: khẳng định, thực hiện và phát huy thể chủ động tiến công, tiến công liên tục, tiến công toàn diện, giữ vững và phát triển quyền làm chủ chiến trường, giành thắng lợi ngày càng to lớn. « Cả hai mặt trận chính trị và quân sự đều tấn công; cả lực lượng chính trị và quân sự, cả ba thứ quân đều tấn công; ba mũi quân sự, chính trị và binh vận đều tấn công trên cả ba vùng rừng núi, nông thôn và đô thị bằng các phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân nhằm vào cả lực lượng quân sự và chính trị của địch, cả Mỹ, ngụy và chư hầu, vừa tiêu diệt địch, chống phá bình định, lấn chiếm, vừa bảo vệ và mở rộng giải phóng, vừa giữ vững và phát triển quyền làm chủ của nhân dân.

« Quân và dân miền Nam cho rằng khi kẻ địch đang dốc mọi cố gắng mở rộng cuộc phản

công chiến lược với lực lượng rất lớn nhằm xoay chuyển cục diện chiến tranh có lợi cho chúng nếu không kiên quyết tấn công liên tục để giữ vững và phát triển quyền làm chủ chiến trường, thì chẳng những không tiêu diệt được địch, giành thắng lợi ngày càng to lớn, mà còn sẽ bị chúng tiêu hao, thậm chí có thể bị chúng đẩy lùi vào thế bị động.

“Vì vậy, chỉ có tấn công, kiên quyết tấn công, liên tục tấn công địch ở khắp mọi nơi, mọi lúc, không cho kẻ địch xoay sở đối phó, là cách giữ và phát triển quyền chủ động có hiệu quả tốt nhất.

“Nếu thế chủ động về chiến lược đã giành được là cơ sở khách quan cho cuộc chiến tranh cách mạng thì liên tục tấn công địch trên chiến trường chính là điều kiện chủ quan để không ngừng giữ vững và tiến lên mở rộng thế chiến lược chủ động, dù Mỹ có tăng đến 40 vạn, 50 vạn quân hay nhiều hơn”.

Những lời của Trường Sơn viết về chiến thắng đông xuân 1966 — 67, có giá trị cho toàn bộ giai đoạn lịch sử “chiến tranh cục bộ”.

Sự chỉ đạo chiến lược này quan trọng vô cùng. Không vì lẽ quân Mỹ hàng chục vạn nhảy vào miền Nam, không vì lẽ Mỹ to ta nhỏ, Mỹ đông ta ít, không vì lẽ nó có phương tiện chiến tranh nhiều hơn ta thập bội, mà ta phải bỏ thế chủ động tiến công để lui về thế bị động phòng ngự, phải chuyển từ đơn vị tập trung lớn thành đơn vị phân tán nhỏ và đánh du kích lẻ tẻ thôi. Nếu lấy lý do bảo tồn lực lượng mà xé lẻ, thì lực lượng ta sẽ hao mòn, địch sẽ giành chủ động và thế thắng.

Tất cả sự diễn biến của chiến trường chứng tỏ rằng chiến lược chủ động tiến công liên tục là đúng đắn, không một chút phiêu lưu nào cả. Không phải “điếc không sợ súng” mà ấy là vì biết địch biết mình, biết quy luật chiến tranh cách mạng. Ta đánh vỗ mặt, phủ đầu Mỹ những đòn rất đau ở Vạn-trường, Phong-bắc, sân bay Biên-hòa, Thuận-minh, Cát-sơn, Cát-hiệp, khiến địch mất uy thế ngay từ hiệp thứ nhất. Trước khi địch mở chiến dịch “5 mũi tên” đầu 1966 thì vào cuối 1965, ta tiến công đánh địch những trận kinh hồn ở Plây-me 1-a-đrăng trên Tây-nguyên, ở Đất-cuốc, Bầu-bàng, liên tiếp 4 trận Dầu-tiếng, trong Nam-bộ, toàn là những trận tiêu diệt gọn tiểu đoàn Mỹ. Trận Đồng-dương (Quảng-nam 8-12-1965) tiêu diệt một lượt tới 3 tiểu đoàn ngự là một trận lớn như trận Ba-gia mặc dầu quân Mỹ yểm trợ cho quân ngự. Bằng những cuộc tiến công liên tiếp đó, Quân giải phóng chứng minh trên thực tế rằng,

chẳng những quân Mỹ đông gần 20 vạn không cứu được quân ngự mà bản thân quân Mỹ cũng không tránh khỏi bị tiêu diệt. Quân giải phóng vừa giữ được đà chiến thắng đã có từ lâu, vừa tạo thêm đà chiến thắng mạnh hơn. Tư tưởng sợ Mỹ ngại Mỹ nếu có phảng phất ở đâu thì đã bị các trận chiến thắng kể trên kia đánh tan mất. Ta thuận đà chiến thắng; cho nên khi Mỹ mở cuộc “phản công chiến lược” mùa khô (đầu 1966) nhằm giành lại thế chủ động, thì cả “5 mũi tên” đều bị bẻ gãy. Thế là ngay từ đầu ta thắng chiến tranh cục bộ của Mỹ; điều này hết sức quan trọng. Thua trong mùa khô thứ nhất, quân Mỹ định nhờ mùa mưa có thể tương đối yên ổn để nghỉ ngơi, để tích lũy thêm lực lượng, nào dè Quân giải phóng thừa thắng tiến công liên tục, đánh thắng luôn 7 trận lớn tiêu diệt 7 tiểu đoàn Mỹ từ tháng 4 đến tháng 8-1966 ở Xuân-sơn (Bà-ri-a), Plây Gi-răng (Gia-lai), Phong-chương (Thừa-thiên), Cà-nhưn (Thủ-dầu-một), Gò-nổi (Quảng-ngãi), đường số 9 (Quảng-trị) và Bông-trang Lò gạch (Thủ-dầu-một), chưa kể 9 trận lớn diệt 10 tiểu đoàn ngự cũng trong mùa mưa 1966. Mùa khô 1966 — 1967 Mỹ tập hợp đến 400.000 quân Mỹ rồi, nhưng quyền chủ động quyền làm chủ chiến trường vẫn về ta, cho nên các cuộc hành quân lớn quy mô quân đoàn như At-ton-bo-rơ, Si-đa-phôn và Jan-xơn Xi-ti ở Tây-bắc Sài-gòn đều bị quân ta đánh bại và từ đó thì quân Mỹ và chư hầu dù lên quá 500.000 cũng không mở nổi cuộc “phản công chiến lược mùa khô” thứ ba để giành lại thế chủ động nữa mà rốt cùng thì Mỹ sẽ phải thay cái “tìm diệt” của Ôét-mo-len bằng cái “quét giữ” của A-bờ-ram.

Giữ thế tiến công, liên tục tiến công, làm chủ chiến trường, nắm chìa khóa của chiến thắng là như thế.

Thứ ba: sáng tạo một đường lối chiến tranh nhân dân độc đáo, thích ứng với nhiệm vụ đánh Mỹ của cách mạng miền Nam. Chiến tranh nhân dân Việt-nam là một cuộc chiến tranh cách mạng, triệt để cách mạng, trong đó những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động và của các dân tộc thiểu số anh em được thực hiện, làm cho lực lượng nhân dân được bồi dưỡng và làm cho hoạt động sáng tạo của quần chúng được phát huy đến cao độ; trong đó cơ sở chính quyền nhân dân được thực tế xây dựng và củng cố; và trong đó nhân dân đánh Mỹ để giải phóng miền Nam có ý thức rõ rệt về nghĩa vụ bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cũng có ý thức rõ rệt về nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng thế giới. Những tư tưởng lớn bao giờ

cũng có nhiều khả năng sinh ra nhiều nghị quyết lớn mà không có máy tính điện tử nào của Mỹ tính nổi.

Chiến tranh nhân dân Việt-nam là một cuộc chiến tranh toàn dân trong đó « 31 triệu người Việt-nam là 31 triệu chiến sĩ »; các tầng lớp nhân dân không phải chỉ ủng hộ, che giấu, tiếp tế, bổ sung cho Quân giải phóng, mà còn trực tiếp tham gia chiến đấu dưới những hình thức rất tích cực, rất phong phú. Chính vì vậy mà Việt-nam có sức đương đầu với hàng triệu quân Mỹ, nguy và chur hầu, căng mồng chúng ra, làm cho chúng đông hóa ít, mạnh hóa yếu. Chiến tranh nhân dân Việt-nam là một cuộc chiến tranh toàn diện, trong đó các hình thức đấu tranh quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, tư tưởng được phối hợp, đặc biệt là phối hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa chiến tranh và khởi nghĩa quần chúng. Đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần của quần chúng chẳng những có tầm quan trọng chiến thuật mà còn có tầm quan trọng chiến lược với ý nghĩa rằng những việc ấy góp phần tiêu diệt sinh lực địch, giữ và mở rộng vùng giải phóng, giữ và tăng số dân đứng về phía cách mạng, làm rối loạn một cách thường xuyên hậu phương tại chỗ của địch, bóp hẹp mãi hậu phương ấy.

Ba thứ quân, ba vùng, ba mũi giáp công trở thành những khái niệm đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt-nam. Quân chủ lực, quân địa phương, quân du kích đều thiện chiến và phối hợp; rừng núi, đồng bằng, thành thị đều có cách đánh địch và phối hợp đánh bằng quân sự, bằng chính trị, bằng binh vận song song nhau; đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; đánh từng trận ngắn, từng chiến dịch dài, từng vùng, cả miền Nam; miền Bắc gọi miền Nam trả lời; tất cả các lực lượng, các hình thức chiến đấu đều nhằm khép địch vào một thiên la địa võng không lọt nổi.

Chiến tranh nhân dân là vũ khí vô địch của các dân tộc nhỏ yếu để đánh thắng các đế quốc xâm lược bất kỳ chúng lớn mạnh như thế nào.

« Nếu nói rằng ngày nay trong lãnh vực quân sự ngoài phát minh lớn là vũ khí nguyên tử thì lại còn có một phát minh mới vĩ đại hơn là chiến tranh nhân dân, thì quả thật nhân dân Việt-nam đã sáng tạo mà nắm vững chiến tranh nhân dân, góp phần sáng tạo và nắm vững thứ vũ khí vô địch đó » (Võ Nguyên Giáp, *Học tập* 1-1966).

Thứ tư : Chỉ đạo chiến lược đúng còn là sự xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng cao, có số lượng đủ đáp ứng nhu cầu tác chiến càng ngày càng lớn, lấy ý thức giác ngộ giai cấp và yêu nước làm cơ sở, lấy chủ nghĩa anh hùng cách mạng làm động lực. Binh sĩ được xây dựng tư tưởng tốt, được huấn luyện kỹ thuật tinh tường, có sức khỏe dồi dào, có trang bị luôn luôn được cải tiến, có kỷ luật tự giác cao, trưởng thành trong chiến đấu, trung thành tuyệt đối với nhân dân, với lý tưởng cách mạng và với đoàn thể cách mạng. Lực lượng vũ trang giải phóng hùng hậu đó được bố trí hợp lý trên các chiến trường: cứ xem như, có một độ dài, Trị—Thiên như là khu đệm; quan quân nguy bố tiền lo lót cấp trên để được đổi về Trị—Thiên nghỉ ngơi; nhưng rồi từ 1966 trở đi, lúc Mỹ toan chốt mạnh ở đồng bằng sông Cửu-long vừa lúa kho người thì khói lửa Trị—Thiên bùng cháy dữ dội hơn đâu cả, Trị—Thiên thu hút địch rất đông, so với diện tích đất đai thì đông nhất Nam Việt-nam, chính vì quân giải phóng được bố trí ở đó đủ để giam 4,5 sư đoàn Mỹ nguy (1), để diệt sinh lực địch nhiều như cát hút nước. Lại xem như lúc nào cũng vậy, từ đầu chí cuối, lực lượng giải phóng luôn luôn mạnh ở miền đông Nam-bộ then chốt. Hoặc xem như nhiều miền đóng góp lực lượng để đẩy cuộc đấu tranh vũ trang ở cực nam Trung-bộ từ 1960 lên cùng nhịp với toàn thể Nam Việt-nam, khiến ta chấm dứt được trong khi cần thiết hiện tượng phát triển không đều, khiến kẻ địch bị căng ra mỏng hơn. Chỉ xem mấy điều đó thì đủ biết việc bố trí lực lượng vũ trang có tầm quan trọng chiến lược dường nào.

Tất nhiên rằng sự chỉ đạo chiến lược đúng còn bao gồm nhiều vấn đề quan trọng khác; ở đây chúng tôi chỉ ghi lại những điều thường được nêu lên trên báo chí. Nhưng bấy nhiêu đó cũng đủ tỏ ra rằng chiến lược của ta hơn hẳn chiến lược của địch. Thực tế chiến trường xác nhận như thế.

(1) Vùng chiến thuật 1 của địch (từ Sa-huỳnh đến vĩ tuyến 17) chia ra thành 2 khu chiến thuật 1, 2 và đặt khu Quảng-đà. Ở đó, cuối 1967 đầu 1968, Mỹ có : 2 sư đoàn (sư lính thủy đánh bộ 1, sư A-mê-ri-con ghép gồm 5 lữ kể cả 1 lữ kỵ binh bay) và 1 trung đoàn lính thủy đánh bộ, nguy có 2 sư, 1 trung đoàn và 3 tiểu đoàn biệt động, không kể dân vệ và bảo an.

C — Ta có chỉ đạo chiến thuật giỏi

Chiến thuật của ta là chiến thuật chiến tranh nhân dân; nó thiên hình vạn trạng, thiên biến vạn hóa, không ai có thể biết hết được nếu không phải là lãnh đạo quân sự. Chúng tôi chỉ chú ý trước hết đến mấy đặc điểm sau đây :

Thứ nhất : Chúng ta đã đặt một cách chính xác cho sự chỉ đạo chiến thuật mục tiêu rõ ràng : là hạn chế những chỗ mạnh của địch (như hạn chế tác dụng của máy bay, của trọng pháo, của xe cơ giới, v.v...) bằng những cách đánh thích hợp ở nơi thích hợp, trong thời giờ thích hợp; là buộc địch phải đánh theo kiểu mà chúng ta sở trường. Không được đánh theo kiểu mà chúng nó được huấn luyện và trang bị; cũng là buộc địch đánh ở nơi và ở lúc ta có điều kiện diệt chúng tốt hơn là chúng đánh ta, không cho địch dẫn ta đến những nơi mà chúng phát huy được ưu thế quân số, hỏa lực và cơ giới. Có thể xem đó là một mục tiêu chiến thuật của một quân đội ít hơn, yếu hơn kẻ địch mà lại quyết đánh thắng kẻ địch đó.

Thứ nhì : Cũng thuộc vào nguyên tắc chiến thuật những điều sau đây mà quân nhân nào cũng biết, binh thư nào cũng nói, nhưng không phải ai cũng ứng dụng được và không phải mọi người đều ứng dụng giống nhau : nắm bắt ngờ, thừa địch một mũi, giữ bí mật, lợi dụng sơ hở, tới lui nhanh, bám sát địch, đánh gan dạ, thọc sâu, bao vây, chia cắt, diệt gọn, đánh là phải thắng. Đúng theo chiến lược tiến công, liên tục tiến công, đánh theo đường lối chiến tranh nhân dân, ta mùa nào cũng đánh, thời tiết nào cũng đánh, đêm ngày đều đánh, chỗ địch mạnh cũng như chỗ địch yếu đều có cách đánh, cách nào cũng có hiệu quả lớn. Địch không yên thân được nơi nào và lúc nào hết. Ta đánh giặc trên đất nước ta, nhân dân đứng về phía ta, ta chiến đấu vì đại nghĩa giải phóng, cho nên ta càng dễ áp dụng những nguyên tắc chiến thuật vừa kể.

Thứ ba : Phát huy đến cao độ tác dụng của mọi thứ vũ khí thô sơ và tương đối thô sơ, kết hợp với vũ khí hiện đại. Nguyên tắc này rất Việt-nam và rất quan trọng. Áp dụng nó, không có làng chiến đấu nào ở miền Nam Việt-nam mà không có 1, 2, 5, 7 hay hàng chục «xưởng» chế tạo vũ khí. Không có nhà nào trong vùng giải phóng và vùng du kích mà không có tham gia vào việc chế tạo vũ khí bằng cách này hay bằng cách khác. Vũ khí thô sơ, tự tạo cho phép tuyệt đại đa số nhân dân các vùng có chiến cuộc trực tiếp tham gia chiến đấu, cho phép «gây vốn» vũ khí hiện đại lấy từ tay địch. Địch thú nhận rằng non

già phân nửa số thương vong của chúng do vũ khí thô sơ của Việt-nam, sự thú nhận đó nói lên tầm quan trọng của vũ khí thô sơ nhất là khi nó được kết hợp với vũ khí hiện đại. Phần khác thì vũ khí hiện đại của ta luôn luôn được cải tiến và thêm nhiều.

Thứ tư : Vừa vận dụng nguyên tắc lấy ít đánh nhiều, vừa vận dụng nguyên tắc lấy nhiều đánh ít. Trong những trường hợp nhất định ta tập trung lực lượng nhiều lần hơn địch mà diệt chúng, nhà binh kim cổ đồng tày đều làm như thế; ta cũng làm như thế. Nhưng trong lịch sử Việt-nam, hầu hết các cuộc chiến tranh là chiến tranh chống ngoại xâm, kẻ địch đông hơn, mạnh hơn, nhưng ta có tinh thần chiến đấu hơn? ta cũng thiện chiến hơn, ta lại đánh trên đất nước ta; nếu chỉ theo nguyên tắc lấy nhiều đánh ít, nhất là đối với kẻ địch cơ động cao, thì sẽ không còn có nhiều cơ hội diệt địch, chỉ có nhiều «cơ hội» tránh né địch. Tránh né mãi là nguy, là mất quyền chủ động, quyền làm chủ chiến trường. Ta là quân cách mạng, quân yêu nước, quân ưu tú; xưa nay ông cha ta đã và nay ta càng phải áp dụng nguyên tắc lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh, mà vẫn thắng trận liên tiếp. Trận lớn mở đầu cho «chiến tranh cục bộ» là trận Vạn-lương trong đó địch đông hơn ta gấp 9, gấp 10, vậy mà ta trụ đánh hai ngày đêm, diệt một số giặc bằng quân số của ta rồi cả quân và dân rút ra khỏi vòng vây kín của 8.000 quân Mỹ, nguy mà địch không hay biết gì hết. Trận lớn nhất trong «chiến tranh cục bộ» là trận Jan-xon Xi-ti, Mỹ có 45.000 quân địch đông hơn số quân và dân kể cả nam phụ lão ấu ở phía bắc tỉnh Tây-ninh, đề «tìm diệt» «sư đoàn 9 Việt cộng» và «nhà trắng», «lầu năm góc Việt cộng», số xe cơ giới của chúng nhiều hơn xe bò và cộ trâu trong vùng, số máy bay của chúng nhiều bằng số xe đạp trong vùng; vậy mà trận Jan-xon Xi-ti là trận thất bại lớn nhất của Mỹ ở Việt-nam góp phần làm cho Oét-mo-len mất chức tư lệnh quân Mỹ ở Nam Việt-nam và làm cho Jôn-xon không dám ra tranh cử tổng thống lần thứ hai theo lệ thường!

Cơ động cao hơn đối phương, hỏa lực mạnh hơn đối phương, thì trong lịch sử chiến tranh thế giới cũng lắm khi có những trường tài tình thoảng lấy ít đánh nhiều. Còn như đối phương cơ động hơn mình, hỏa lực hơn mình, mà mình lại áp dụng có hệ thống, áp dụng thắng lợi nguyên tắc «lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh» thì Việt-nam ta là một trong số ít dự không phải đồng lắm; chỉ có quân cách mạng, quân yêu nước thiện chiến có truyền thống mới lấy nguyên tắc này làm đặc sách.

Thứ năm : Kết hợp kinh nghiệm truyền thống với kỹ thuật hiện đại để vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các hình thức chiến thuật phổ biến như phục kích, tập kích, pháo kích, đánh địch đồ bộ đặc biệt là đồ bộ đường không, đánh công kiên, đánh đặc công, đánh giao thông, v.v... Những cách đánh này phần nhiều ai cũng biết, ít ra cũng nghe nói; đặc sắc Việt-nam là ở sự vận dụng và linh hoạt và sáng tạo, ở chỗ kết hợp truyền thống với kỹ thuật hiện đại. Linh hoạt, ví như «đi đại bác vào gáy địch mà bắn», vác pháo đến sát địch mà nổ, đánh kiểu này thì sức mạnh của đạn không tính được bằng số thuốc và số gang. Sáng tạo, ví như dùng số quân nhỏ mà cực kỳ tinh nhuệ vào tận ổ của địch, tiêu diệt hàng trăm cán bộ cao cấp của chúng hay phá vận tải chiến cụ đạn dược xăng dầu của chúng. Kết hợp kinh nghiệm truyền thống với kỹ thuật hiện đại, như đánh gần, đánh giáp lá cà, dùng võ thuật của tổ tiên với lựu đạn, tiểu liên mà diệt gọn quân thù.

Về sau, từ nửa phần thứ hai của năm 1967, đặc biệt là từ tết năm 1968 thì kinh nghiệm chiến thuật đánh trong thành phố lại là một đặc điểm mới, bản thân việc đánh thành phố có tầm quan trọng chiến lược lớn.

Bọn Mỹ cũng siêng rút kinh nghiệm, nhưng mỗi lần đánh của Việt-nam lại một mới, chúng cứ bị thất bại luôn, vì chúng không làm sao hiểu hết mấy chữ «truyền thống», «linh hoạt», «sáng tạo», vì chúng không làm sao đánh giá nổi con người chiến sĩ Việt-nam tuy rằng chúng có thể biết đại khái ta có bao nhiêu quân, bao nhiêu dân, bao nhiêu súng đạn và cơm áo thuốc men.

D—Ta đã thành công lớn trong nhiệm vụ đào tạo con người chiến sĩ giải phóng thành một trong những viên đá góc cho ưu thế tuyệt đối của cách mạng Việt-nam đối với quân Mỹ xâm lược và tay sai bản xứ của chúng

Yếu tố quyết định thắng bại trong cuộc chiến tranh là con người, không phải là vũ khí. Nào có ai khinh thường vũ khí; nhưng quan điểm cách mạng không xem vũ khí là quyết định. Cơ quan lãnh đạo của ta rất chú trọng cải tiến không ngừng trang bị của quân đội giải phóng, địch không phải không sợ nhiều loại vũ khí của Quân giải phóng. Nhưng địch ngán nhất, sợ nhất là con người chiến sĩ Việt-nam.

Con người chiến sĩ giải phóng như thế nào, trong một đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua,

đồng chí phó chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng đã phác họa như sau đây: «Các chiến sĩ của chúng ta chiến đấu anh dũng tuyệt vời, chịu đựng gian khổ rất cao, nhưng lại hồn nhiên, đơn giản đến mức khó tưởng tượng được. Gặp một đơn vị đang hành quân, các đồng chí có thể đếm đủ trăm kiêu nón khác nhau: nón nan, nón vải, nón nhựa, mũ panama, bê rê xanh, đỏ và cả khăn rằn đội đầu nữa! Qua trắng, có lệnh nghỉ trang, nhiều anh chặt luôn cả một cây lớn vác theo như che dù! Đến chỗ trú quân, anh nào anh nấy một như muốn dứt hơi, thề mà làm được giá súng, giăng được nilông là có anh đã thót ngay lên võng, phúi phúi đôi chân chưa sạch bùn vào nhau, ngêu ngao ca mấy câu vọng cổ. Bùn, lầy, mưa, vất, rác rưởi chung quanh, mặc, cứ ngủ! Nửa đêm có lệnh di chuyển, lại xếp nilông, cuốn võng. đội mưa ra đi, vui vẻ sờn sờn như chẳng có việc gì xảy ra».

Đó là một nét trong trăm nét của chất thơ tỏa ra từ trong con người Quân giải phóng.

Song chất chủ yếu của con người Quân giải phóng là chất thép đã tôi. Bom đạn Mỹ hàng ngàn tấn suốt mấy ngày đêm làm nát đá núi, biến rừng thành than, diệt cả cây cỏ còn trùng, đè nghiền nát Quân giải phóng hay đuổi Quân giải phóng ra khỏi một ngọn đồi không tên, khỏi một trận địa nào đó. Vậy mà, khi quân Mỹ mò đến nơi, chúng vẫn bị đánh bật lại bị giết chết bằng liên thanh, tạc đạn, lựu lè: Quân giải phóng hãy còn đó! Chắc hơn đá! vững hơn núi! Đó là sự thật ở Đắc-tô. Sau khi thua trận Plâyme, một sĩ quan Mỹ tuyên bố: «Nếu tôi có một trăm quân như Việt cộng thì tôi có thể lấy hết xứ này» ý hẳn muốn nêu cao tinh thần và tài trí tuyệt vời của Quân giải phóng. Trăm ký giả đến miền Nam thì trăm người đều nói Quân giải phóng thiện chiến và tinh thần cao. Nhiều ký giả Mỹ cho biết rằng, tổng thống Jôn-xơn ngày đêm bị ám ảnh bởi hình dáng của người chiến sĩ mặc áo bà ba đen, đội nón vải tai bèo, đi dép cao-su: anh giải phóng quân!

Rút-xen, chủ tịch ủy ban quân lực thượng nghị viện Mỹ tuyên bố: «Chúng ta phải đương đầu với đạo quân du kích có lẽ tài tình nhất xưa nay chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại».

«Có một điều chúng tôi kinh ngạc không thể hiểu được là chúng tôi đã chỉ điểm vị trí», gọi máy bay oanh tạc, nhưng 10 phút sau đó thì họ lại từ vị trí bắn ra» (UPI 25-10-65 thuật lại lời một sĩ quan Mỹ).

«Chúng ta không nên đánh giáp lá cà với Việt cộng như chúng ta đã làm ở nam Triều-tiên, vì ta không thể đánh lùi được các cuộc tiến công cảm tử» (Lời của tướng Colac, cựu tư lệnh Mỹ ở Triều-tiên).

«Đúng như lời một đại tá nam Việt-nam (ngụy) mới đây đã nhận xét với tôi: «Việt cộng chiến đấu như sư tử, còn binh lính chúng tôi như thỏ». Tại sao «người Việt-nam của chúng ta «lại tồi đến thế, còn «của họ» thì tốt đến thế? Ông bạn tôi cung cấp một phần câu trả lời: «người cộng sản chiến đấu vì các sĩ quan của họ có trong óc và trong tim một cái gì đó và binh sĩ thì biết mình chiến đấu vì cái gì. Ngoài ra, Việt cộng thừa kế cái tài nghệ đáng chú ý trong các chiến thuật du kích được các người lãnh đạo của họ phát triển hàng mấy chục năm nay trong chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Ngược lại, binh sĩ Nam Việt-nam (ngụy) thì dưới quyền chỉ huy của những người có đầu óc làm thuê và không có tài lãnh đạo, và thường thường là không biết chiến đấu để làm gì» (tuần báo Mỹ *Newsweek* 9-10-1967).

Địch khủng khiếp và khâm phục.

Bạn khâm phục và yêu thương.

Anh hay chị Giải phóng quân là mẫu người đẹp nhất miền Nam, là thuộc vào tinh túy của dân tộc Việt-nam.

Chiến sĩ Giải phóng là người con trai hay con gái Việt-nam thuộc tất cả các dân tộc, các miền, thuộc nhiều lứa tuổi, mà chung một lòng cứu quốc. Số đông hơn hết là con em nhân dân lao động, con em gia đình cán bộ, con em gia đình liệt sĩ (ở nước Việt-nam này đa số các gia đình là gia đình thương binh liệt sĩ) được cha mẹ, làng xóm, khu phố, đoàn thể gọi vào quân ngũ để đánh giặc;

được Mặt trận quân đội và nhân dân giáo dục sâu sắc về nhiệm vụ cách mạng, về truyền thống dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; được nuôi dưỡng về sức khỏe, tài bồi về văn hóa, rèn luyện công phu về kỹ thuật chiến đấu. Chiến sĩ giải phóng là một con người toàn diện.

Chiến sĩ giải phóng không biết chiến đấu vì tiền tài, địa vị, danh vọng cá nhân, mà toàn tâm toàn ý chiến đấu vì tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng cách mạng, vì danh dự của làng xóm và gia đình, của đơn vị, và đoàn thể mình, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, tóm lại là chiến đấu vì đại nghĩa.

Theo lời dạy của Bác: «quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng», người Quân giải phóng vun trồng lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân, đồng thời cũng mài dũa chỉ cảm thù không đội trời chung với quân cướp nước và bán nước. Cho nên, hiền lành, dễ thương hết sức đối với đồng bào, còn đối với địch thì các chiến sĩ ta là sư tử, là thiên thần. Lính Mỹ cao bằng rưỡi, nặng bằng hai anh giải phóng, vậy mà lính vẫn khiếp sợ anh giải phóng nhất là trong những trận đánh giáp lá cà, quân cách mạng vừa xung phong vừa hét, lưỡi lê đầu súng. Chúng đã quên mất chữ «Sáchli» miệt thị mà chúng quen dùng hồi 1965. Chúng bảo nhau tránh đánh gần với quân giải phóng; nhưng tránh đánh gần sao được cũng như ở xứ Việt-nam làm sao tránh nắng và tránh mưa?

Dân tộc và cách mạng Việt-nam sản sinh ra hàng triệu hàng triệu chiến sĩ giải phóng ưu tú. Quân giải phóng miền Nam là đứa em anh hùng của Quân đội nhân dân Việt-nam do Hồ Chủ tịch sáng lập và giáo dục.

Tiếng nói của chiến trường suốt 30 tháng từ giữa năm 1965 rất hùng hồn: «Mỹ thua đã rõ ràng». Mỹ thất bại chẳng những về chiến thuật và chiến dịch, mà thất bại cả về chiến lược. Mỹ thất bại chẳng những về quân sự mà cả về chính trị, chính trị ở Việt-nam, trên toàn thế giới và cả tại nước Mỹ. Mỹ thua vì đã lao vào một cuộc chiến tranh phi nghĩa trong thời đại thực dân tan rã và đế quốc suy tàn, vì hậu phương của nó lung lay, vì sự chỉ đạo chiến lược chiến thuật của nó tồi, đặc biệt là vì nó sai lầm lớn trong việc lựa chọn đối tượng

xâm lược. Trái lại, Việt-nam thắng vì ta có quyết tâm cao, có chỉ đạo chiến lược chiến thuật giỏi, vì ta có chính nghĩa sáng ngời, vì thời đại lịch sử có lợi cho chiến tranh giải phóng, vì chiến sĩ Việt-nam ưu tú tuyệt vời.

Từ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, Tết 1968, những yếu tố làm cho quân Mỹ thua, ta thắng đều nhanh chóng phát triển trên hướng tất yếu của lịch sử.

10 tháng 9 năm 1968

TỪ CHƯƠNG TRÌNH MƯỜI ĐIỂM ĐẾN CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT-NAM

BÙI ĐÌNH THIANH

20-12-1960 — 20-12-1968.

Tám năm đã qua từ ngày Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam ra đời, đánh dấu một sự chuyển biến căn bản trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Từ những cuộc đồng khởi nhóm lên ngọn lửa tiến công đầu tiên ở Bến-tre trong tháng 1-1960 đến những đợt tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam từ đầu xuân 1968 đến nay, cách mạng miền Nam luôn luôn ở thế chủ động tiến công địch, lực lượng tiến công địch ngày càng mạnh, tốc độ tiến công địch ngày càng cao, hiệu lực tiến công địch ngày càng lớn. Trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc chống những thế lực phản động từ xưa đến nay, hiếm có một phong trào cách mạng gian khổ, quyết liệt nhưng cũng rất sáng tạo và đầy thắng lợi rực rỡ, toàn diện như cách mạng miền Nam trong cuộc đọ sức với đế quốc Mỹ, kẻ thù tàn bạo

và xảo quyệt nhất hiện nay của toàn thể nhân loại tiến bộ.

Những thắng lợi rực rỡ, toàn diện và đầy sáng tạo đó trước hết là kết quả của những đường lối chính xác của cách mạng miền Nam thể hiện trong bản chương trình 10 điểm do Mặt trận dân tộc giải phóng nêu lên khi mới ra đời, và sau đó, qua thực tiễn của 7 năm đấu tranh, đã được đúc kết, hoàn chỉnh trong bản Cương lĩnh chính trị nổi tiếng của Mặt trận được công bố hồi đầu tháng 9-1967.

Mục đích của bài này nhằm nghiên cứu trên những nét lớn con đường phát triển thắng lợi của cách mạng miền Nam từ những ngày đồng khởi năm 1960 cho đến nay, con đường thắng lợi đã được vạch ra từ chương trình 10 điểm, và hiện nay đã bước vào một thời kỳ mới đầy triển vọng tốt đẹp dưới ánh sáng của bản Cương lĩnh chính trị.

I — SỰ THÀNH CÔNG RỰC RỠ CỦA ĐƯỜNG LỐI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Trong lịch sử lâu đời của dân tộc ta, mỗi lần đất nước lâm nguy trước nạn ngoại xâm là một lần nổi bật lên sự đoàn kết vĩ đại của nhân dân. Sự đoàn kết đó là nguồn gốc của sức mạnh vô địch giúp cho nhân dân ta chiến thắng được mọi kẻ thù hung ác, đồng thời nó cũng là cái gốc của trí thông minh, lòng dũng cảm, của tinh thần quyết chiến, quyết thắng, những phẩm chất tốt đẹp đã tạo nên cốt cách của con người Việt-nam. Suốt trong thời kỳ từ sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 đến cuối năm 1959, đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đã tiến hành cuộc «chiến tranh một phía» hòng dùng bạo lực thiết lập

một căn cứ quân sự và một thuộc địa kiểu mới ở miền Nam Việt-nam nhưng chúng đã vấp phải sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Cách mạng miền Nam tuy có phải trải qua những ngày vô cùng gian khổ, đen tối nhưng các thế lực bạo tàn vẫn không thể nào khuất phục nổi nhân dân miền Nam đã được rèn luyện, thử thách từ khởi nghĩa Nam-kỳ, qua Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến chống Pháp, chưa nói đến việc trở lại lịch sử xa hơn nữa trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược vào những năm giữa thế kỷ 19.

Trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc, hiếm có một tình hình như ở miền Nam Việt-

nam, nơi mà các lực lượng cách mạng có thể chuyển sang thế tiến công khi kẻ thù đang sử dụng bộ máy thống trị của chúng vào việc khủng bố, tàn sát nhân dân ở mức độ khốc liệt nhất.

Điều đó hoàn toàn không phải là một sự ngẫu nhiên mà có nhiều nguyên nhân sâu xa. Trước hết là, sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, về mặt tư tưởng, nhân dân miền Nam vẫn tự xem mình như người chiến thắng, vì lợi ích cách mạng lâu dài của dân tộc phải tạm thời giao cho kẻ địch quản lý miền Nam. Còn quân thù thì trái lại, ở vào trạng thái tâm lý kẻ chiến bại. Đê-vít Han-bóc-xtam, phóng viên của tạp chí Mỹ *Thời đại*, trong quyển *Ngập giữa vùng lầy*, đã thuật lại lời than thở của một tên cố vấn cao cấp Mỹ trong quân đội Diệm như sau : « Khó khăn của cuộc chiến tranh này là ở chỗ khắp các nơi trong nước, kẻ thù của chúng ta đều có những chính trị viên đã chiến đấu liên 20 năm cho cách mạng và lúc nào cũng ở vào thế thắng, còn chúng ta, để chống lại, thì không có gì hơn là những người được Pháp hoặc Mỹ huấn luyện và bao giờ cũng chiến đấu ở phía thua » (1).

Nguyên nhân thứ hai là trong cuối thời kỳ từ 1954 đến 1959, mặc dù Mỹ — Diệm cố sức tìm mọi cách « chặt đầu » phong trào cách mạng nhưng chúng không thực hiện được ý định thâm độc đó.

Trong suốt thời kỳ đó, cách mạng miền Nam tuy có bị tổn thất nhưng không hề bị mất phương hướng hoạt động. Đó là một điều hết sức quan trọng.

Cách mạng miền Nam đã kịp thời chuyển vào thế thủ nhưng vẫn không ngừng giữ vững liên hệ với quần chúng, phản công địch với các hình thức vận động quần chúng tiến hành đấu tranh kinh tế và chính trị, hợp pháp và không hợp pháp, dựa vào quần chúng cách mạng để bảo vệ thực lực cách mạng, chờ một thời cơ thuận lợi.

Chính vì có tư tưởng của những người chiến thắng, có phương hướng hành động cách mạng rõ ràng và duy nhất đúng đắn trong thời kỳ đó nên mới có những phong trào đấu tranh liên tục, sôi nổi của các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam, trước hết là của công nhân và nông dân, suốt từ 1954 đến 1959.

Trong 5 năm liền, phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam diễn ra không dứt, từ phong trào bảo vệ hòa bình Sài-gòn — Chợ lớn ít ngày sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký, phong trào đấu tranh của công nhân đòi cải thiện đời sống và chế độ làm việc, chống

đuổi thợ, chống bọn bù nhìn đưa tay sai vào nắm các nghiệp đoàn, phong trào nông dân chống cải cách điền địa lừa bịp, bảo vệ những quyền lợi ruộng đất đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, chống việc thành lập các trại tập trung trá hình mang tên « khu dinh điền », « khu trừ mật », đến phong trào của nhân dân lao động các thành thị chống cướp đất, đuổi nhà, chống thuế má nặng nề, phong trào trong giới trí thức, văn nghệ sĩ và sinh viên đòi tự do sáng tác, tự do báo chí, đòi dùng tiếng Việt trong các trường đại học và phong trào đòi tự do của các dân tộc ở Tây-nguyên.

Đặc điểm của những phong trào đấu tranh đó là sự kết hợp những khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống với những khẩu hiệu chống tổ cộng và trả thù những người kháng chiến, chống viện trợ Mỹ, đòi lập lại quan hệ bình thường Nam Bắc và hiệp thương thống nhất đất nước.

Những phong trào đấu tranh đó có tác dụng như những dòng nước xuôi ngày đêm xói vào gốc chế độ Mỹ — Diệm, làm cho rễ cái, rễ con của nó ngày càng bật ra khỏi đất. Khi Mỹ — Diệm đẩy sự tàn bạo của chúng đến mức cao nhất thì cũng là lúc chúng đã làm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng nhất. Trái lại, quần chúng cách mạng, sau nhiều năm vật lộn quyết liệt với quân thù đã đi đến giai đoạn không thể sống như trước nữa và nung nấu một tinh thần sẵn sàng nổi dậy.

Lúc này, chỉ cần một hiệu lệnh phát ra, một ngọn cờ giương lên. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam ngày 20-12-1960 chính là một tất yếu lịch sử phù hợp với tình hình cách mạng đã có điều kiện để chuyển sang một giai đoạn mới, phù hợp với nguyện vọng và ý chí cách mạng của nhân dân.

Bản tuyên ngôn cũng như chương trình hành động của Mặt trận đã đánh giá rất cao ý nghĩa chiến lược của vấn đề đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh nhằm đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ. « Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và

(1) Đê-vít Han-bóc-xtam (David Halberstam) — *En plein bourbier* (Ngập giữa vùng lầy). Nhà xuất bản Buchet Chastel. Paris. 1966, trang 110.

thân sĩ yêu nước không phân biệt xu hướng chính trị, đề đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc» (Tuyên ngôn của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam). Chính vì có những lực lượng đoàn kết của các tầng lớp nhân dân đã đấu tranh liên tục chống Mỹ—Diệm nên khi có lời hiệu triệu và ngọn cờ lãnh đạo của Mặt trận giương lên, những lực lượng đó đã nhanh chóng đi vào tổ chức và tập hợp trong hàng ngũ của Mặt trận. Hơn một năm sau khi ra đời, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đã tập hợp vào hàng ngũ của mình hàng triệu người ở nông thôn cũng như ở thành thị. Hàng chục tổ chức chính trị, quân sự, tôn giáo đã gia nhập Mặt trận, trong đó có: (1)

— Nhóm « những người đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập của Tổ quốc Việt-nam » của những binh sĩ yêu nước trong quân đội miền Nam (thành lập ngày 4-1-1961).

— Nhóm « binh sĩ trở về với nhân dân đấu tranh chống Mỹ—Diệm ».

— Hội liên hiệp sinh viên, học sinh giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 9-1-1961).

— Đảng dân chủ miền Nam Việt-nam, đảng của giai cấp tư sản dân tộc ở miền Nam (thành lập ngày 31-1-1961).

— « Giải phóng quân miền Nam Việt-nam » (thành lập ngày 15-2-1961).

— Hội phụ nữ giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 8-3-1961).

— Hội chấn hưng đạo đức của Phật giáo Hòa-hảo (thành lập ngày 30-3-1961).

— Nhóm công thương gia yêu nước ở miền Nam (thành lập ngày 31-3-1961).

— Hội Lực hòa phật tử miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 8-4-1961).

— Hội nông dân giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 24-4-1961).

— Hội liên hiệp thanh niên giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 24-4-1961).

— Hội những người công giáo yêu nước kính Chúa (thành lập tháng 4-1961).

— Hội Cao đài Tiên thiên.

— Hội lao động giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 1-5-1961).

— Phong trào dân tộc tự trị Tây-nguyên (thành lập ngày 19-5-1961).

— Hội những người kháng chiến cũ ở miền Nam Việt-nam (gia nhập Mặt trận dân tộc giải phóng ngày 1-7-1961).

— Đảng xã hội cấp tiến, đảng của những người trí thức yêu nước (thành lập ngày 1-7-1961).

— Hội văn nghệ giải phóng miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 15-7-1961).

— Hội các nhà báo yêu nước và dân chủ miền Nam Việt-nam (thành lập ngày 11-11-1961).

— Đảng nhân dân cách mạng Việt-nam, đảng của những người theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin, có một vai trò rất quan trọng trong Mặt trận dân tộc giải phóng (thành lập ngày 1-1-1962).

— Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng Việt-nam (thành lập ngày 1-1-1962).

Tất cả các tổ chức nói trên đã có mặt tại Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam lần thứ nhất ngày 16-2-1962. Đại hội là một cái mốc đánh dấu sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào cách mạng miền Nam với khối đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố và mở rộng.

Sau Đại hội, Mặt trận đã lãnh đạo các tổ chức của mình tập trung sức mạnh vào nhiệm vụ trung tâm là đánh đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Trong cuộc đấu tranh này, đội ngũ cách mạng ngày càng được tôi luyện, lực lượng cách mạng ngày càng đông đảo trong đó các lực lượng công nhân, nông dân, Đảng nhân dân cách mạng, Quân giải phóng, đồng bào các dân tộc là lực lượng xung kích liên tục phát huy mạnh mẽ năng lực chiến đấu của mình.

Tháng 5-1963, khi chĩa mũi nhọn của bạo lực phản cách mạng vào việc đàn áp những người theo đạo Phật ở miền Nam, Mỹ—Diệm đã đổ thêm dầu vào lửa của cuộc đấu tranh chống lại chúng đang sôi sục. Với việc thành lập các « Ủy ban bảo vệ Phật giáo », Mặt trận dân tộc giải phóng đã kêu gọi toàn thể nhân dân miền Nam đoàn kết với những người theo đạo Phật kiên trì đấu tranh, và chính do sự hỗ trợ mạnh mẽ của Mặt trận, một cuộc đấu tranh có màu sắc tôn giáo đã nhanh chóng chuyển thành một cuộc đấu tranh chính trị sâu rộng của toàn dân đồn chế độ Ngô Đình Diệm đến một tình trạng khủng hoảng cao độ và làm cho nó đổ sụp với cuộc đảo chính quân sự ngày 1-11-1963. Đó là một thắng lợi vô cùng to lớn của cách mạng miền Nam. « Còn hình

(1) Theo thứ tự ngày thành lập.

ảnh nào nói lên đầy đủ hơn sự thay đổi cán cân lực lượng ở miền Nam Việt-nam có lợi cho những người yêu nước bằng cuộc đảo chánh ấy. Giữa lúc chúng ta phấn khởi vì mình đã vượt qua chặng đường thử thách khốc liệt nhất, chẳng những an toàn mà còn thêm sung sức, thì kẻ thù của chúng ta đã phải nổ súng vào nhau, giết chóc lẫn nhau. Sự khủng hoảng nội bộ nghiêm trọng đã xô đẩy đế quốc Mỹ đến hành động phiêu lưu ấy và từ đó, tình thế của bọn cướp nước và bán nước không phải sáng sủa lên mà càng tối hơn bao giờ hết» (1).

Đánh giá một cách sâu sắc những thắng lợi to lớn và toàn diện mà cách mạng miền Nam đã giành được sau hai năm ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng và tích cực thực hiện chương trình 10 điểm, Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam lần thứ hai ngày 1-1-1964 đã nhấn mạnh đến nhân tố đoàn kết thống nhất: «Điều rõ rệt nhất là trong nhiều năm qua, những âm mưu chia rẽ dân tộc ta của đế quốc Mỹ và bọn tay sai đều thất bại nhục nhã. Nhân dân miền Nam biết rằng sức mạnh của mình xuất phát từ sự đoàn kết nhất trí. Cả khối dân tộc gắn bó với nhau là một phép màu có thể trừ khử được tất cả bọn bàng môn tà đạo» (2). Đại hội cũng đã đặc biệt biểu dương hạt nhân của khối đoàn kết vững chắc đó là Đảng nhân dân cách mạng Việt-nam: «Đảng nhân dân cách mạng Việt-nam, chính đảng kiên cường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giữ vai trò đặc biệt to lớn trong sự nghiệp thống nhất dân tộc cũng như trong công cuộc kháng chiến cứu nước» (3).

Tại đại hội này, bên cạnh những tổ chức đã có từ trước, hàng ngũ của Mặt trận đã được mở rộng thêm với sự tham gia của các tổ chức «Củng cố hòa bình chung sống» của tin đồ Cao-dài Tây-ninh do đạo nhân Lê Văn Bội và thiếu tá Huỳnh Thanh Mừng dẫn đầu, «Quân đội Cao-dài kháng chiến», «Các lực lượng vũ trang yêu nước» do trung tá Võ Văn Môn đứng đầu, «Đoàn đại biểu các quân nhân tham gia đảo chánh ngày 11-11-1960» với đại úy Phan Lạc Tuyên, trung úy Nguyễn Công Minh, thiếu úy Thái Trần Trọng Nghĩa, «Ban vận động thành lập Hội liên hiệp Hoa kiều». Tình hình đó nói lên sự phát triển nhanh chóng về đội ngũ và tính phong phú, nhiều vẻ về hình thức tổ chức của Mặt trận.

Trong khoảng thời gian từ sau khi Diệm đổ đến trước mùa thu 1967, việc thực hiện chương trình hành động 10 điểm, dựa trên sức mạnh đoàn kết của nhân dân miền Nam

đã đập tan chiến lược «chiến tranh đặc biệt» và bước đầu đánh bại «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mỹ. Đó là một tình hình rất mới, có những thuận lợi vô cùng to lớn đòi hỏi cách mạng miền Nam tiến lên với những bước nhảy vọt nhằm giành lấy những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Trước tình hình đó, trong tháng 8-1967, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã chủ động và kịp thời họp đại hội bất thường vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng của thời kỳ mới thể hiện cô đúc trong bản Cương lĩnh chính trị, một mẫu mực của sự kết hợp tài tình những nguyên tắc danh thép của chiến lược cách mạng với những sách lược mềm dẻo, căn cứ vào tình hình thực tế của miền Nam. Cương lĩnh chính trị một lần nữa nhấn mạnh những nhân tố thắng lợi chủ yếu của cách mạng miền Nam là «đường lối và chính sách đúng đắn của Mặt trận và sức mạnh đoàn kết của nhân dân ta là vô địch».

Cương lĩnh vạch rõ đối tượng và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới:

«Kẻ thù nguy hại nhất của nhân dân ta hiện nay là đế quốc Mỹ xâm lược và ngụy quyền tay sai bán nước.

Nhiệm vụ và mục tiêu cứu nước của nhân dân miền Nam Việt-nam ta hiện nay là: đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng rãi, xây dựng miền Nam Việt-nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Sức mạnh bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trên đây là đại đoàn kết dân tộc. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam luôn luôn chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong nhân dân, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo, các nhân sĩ yêu nước, tất cả mọi người và mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ, không phân biệt xu hướng chính trị, để cùng chống đế quốc Mỹ và tay sai, giành lại các quyền dân tộc thiêng liêng và xây dựng nước nhà. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam sẵn sàng đón mời các lực lượng và cá nhân chống Mỹ và yêu nước hãy gia nhập Mặt trận để cùng nhau gánh vác

(1) Báo cáo chính trị tại Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam lần thứ hai. Nhà xuất bản Sự thật. Hà-nội, 1964, trang 6—7.

(2), (3) Như trên, trang 33, 35.

nghĩa vụ chung. Lực lượng nào, vì lẽ này hoặc lẽ khác, không tham gia Mặt trận thì Mặt trận đề nghị thực hiện liên hiệp hành động để chống kẻ thù chung là bọn xâm lược Mỹ và tay sai của chúng».

Chỉ 5 tháng sau khi Mặt trận dân tộc giải phóng hợp đại hội bất thường, tình hình miền Nam đã diễn ra theo đúng như nhận định của bản Cương lĩnh chính trị. Những ngày đầu xuân năm 1968 đã mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt.

Điều đáng chú ý là trong cao trào cách mạng của đầu xuân 1968, hàng ngũ chiến đấu của nhân dân miền Nam một lần nữa lại được mở rộng thêm. Ngày 31-1-1968, khi cuộc tổng tiến công và nổi dậy nổ ra trên khắp các thành thị, thị xã, thị trấn và các vùng nông thôn ở miền Nam còn tạm thời bị địch kiểm soát thì cũng là lúc xuất hiện một tổ chức yêu nước mới: Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam. Trong tiếng súng tổng tiến công và khí thế nổi dậy đồng loạt, Ủy ban lãnh đạo toàn quốc Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam đã ra lời kêu gọi nhân dân vùng lên làm cách mạng, giành chính quyền về tay mình. Tiếp theo đó, ngày 20-4-1968, tại một địa điểm ngay sát Sài-gòn — Chợ-lớn đang rực lửa chiến đấu, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam đã họp hội nghị đại biểu, thông qua bản Tuyên ngôn cứu nước và chương trình hành động, trong đó nêu rõ lập trường của Liên minh: «Đoàn kết mọi lực lượng và cá nhân yêu nước, kiên quyết chống ngoại xâm, đánh đổ toàn bộ chế độ bù nhìn Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, giành độc lập, dân chủ và hòa bình».

Sau khi giành lại chủ quyền dân tộc, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam sẽ luôn luôn đoàn kết với các lực lượng và cá nhân yêu nước, hàn gắn những vết thương chiến tranh, kiến thiết đất nước, xây dựng một quốc gia có độc lập, chủ quyền, dân chủ, hòa bình, trung lập và thịnh vượng». Thái độ của Liên minh đối với ngọn cờ lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam rất rõ ràng, đúng đắn: «Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam, một lực lượng yêu nước đã có những cống hiến to lớn trong sự nghiệp động viên, tổ chức và lãnh đạo cuộc chiến đấu chống ngoại xâm trong những năm qua không thể vắng mặt

trong việc giải quyết mọi vấn đề ở miền Nam Việt-nam. Chúng tôi chủ trương hợp sức, bàn bạc với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam để cùng nhau giành lại độc lập dân tộc, lập lại hòa bình và kiến thiết đất nước, đem lại đời sống tự do và hạnh phúc cho toàn dân».

Trong bản tuyên bố, ngày 1-5-1968, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam nêu rõ: «Trung thành với chính sách đại đoàn kết dân tộc trước sau như một của mình, sẵn sàng liên hiệp hành động với mọi lực lượng và cá nhân yêu nước, chống Mỹ và tay sai để cùng nhau chống kẻ thù chung, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam rất vui mừng với việc ra đời của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam. Mặt trận tuyên bố ủng hộ lập trường chính trị, chương trình hành động của Liên minh, sẵn sàng liên hiệp hành động với Liên minh trong sự nghiệp đoàn kết chiến đấu, giành độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, đem lại đời sống tự do và hạnh phúc cho toàn dân, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc».

Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam mới ra đời đã được các tầng lớp nhân dân yêu nước ở các thành thị miền Nam nhiệt liệt hoan nghênh. Mỗi tầng lớp, mỗi cá nhân tham gia Liên minh với những nét khác nhau, nhưng có một nét lớn nhất, chung nhất nổi lên là ý thức dân tộc đã thể hiện hết sức mạnh mẽ trước cái họa xâm lăng của đế quốc Mỹ. Thượng tọa Thích Đôn Hậu, Phó chủ tịch Liên minh giải thích lý do vì sao mình tham gia Liên minh: «Trước hiện tình điêu linh của đất nước, thì dầu người tu hành tuổi tác như tôi cũng không thể ngồi yên trong tu viện được nữa. Trong thực tế, vận mạng của Phật giáo và của dân tộc không thể tách rời nhau. Song song với sự đàn áp Phật giáo, các tập đoàn bạo quyền tay sai đã ngang nhiên phần bới dân tộc, bán rẻ miền Nam Việt-nam cho Hoa-kỳ». Và giáo sư Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tổng thư ký Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình thành phố Huế đã nói lên những suy nghĩ của mình: «Vốn là con đẻ của chủ nghĩa phát-xít Mỹ phục vụ một cách đắc lực chính sách xâm lược của Mỹ, chế độ tay sai Mỹ ở miền Nam đã biến thị một sự khinh miệt sâu sắc đối với văn hóa, đặc biệt là văn hóa dân tộc. Chế độ ấy đã tìm mọi cách kìm hãm khả năng sáng tạo và tiêu diệt khát vọng phụng sự dân tộc của những người làm văn hóa ở miền Nam. Hậu quả của chính

Sách nô lệ văn hóa ấy là suốt 14 năm thống trị của nó, chế độ miền Nam đã không đóng góp được một cái gì có giá trị cho nền văn hóa dân tộc, ngoài một mớ hỗn độn ngoại lai đồi trụy vốn là những căn bã thừa thãi của nền văn hóa sa đọa kiểu Mỹ. Chính tình trạng văn hóa nô dịch ấy đã đưa nhận thức của một số đồng anh em trong hàng ngũ chúng tôi đến trước một tấn thảm kịch lớn đang đe dọa vận mệnh dân tộc : thảm kịch mất nước ».

Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam ra đời rất đúng lúc. Điều cần nhấn mạnh ở đây là Liên minh đó chỉ có thể ra đời sau 7 năm hoạt động mạnh mẽ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, sau gần 14 năm đấu tranh liên tục, bền bỉ của nhân dân các thành thị miền Nam, trong đó nổi bật lên vai trò tiên phong và tác dụng quyết định của giai cấp công nhân.

Sự tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân trong hàng ngũ của Mặt trận dân tộc giải phóng và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam chứng tỏ dưới là cờ của những tổ chức yêu nước đó, có chỗ đứng cho bất cứ một ai còn một chút lương tri và tinh thần dân tộc. Đó là một đòn rất mạnh giáng vào chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ.

Lịch sử các cuộc xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc trên thế giới nói chung và đối với Việt-nam nói riêng đã chỉ rõ : bọn đế quốc rất sợ sự thành lập các mặt trận dân tộc thống nhất vì chúng biết rằng đó là một trong những nguyên nhân chính làm thất bại những âm mưu và kế hoạch xâm lược của chúng.

Một sự thật lịch sử khác cũng hết sức rõ ràng là trong thời đại hiện nay, chỉ có một mặt trận dân tộc thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng mới có khả năng đưa cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đến chỗ giành được những thắng lợi triệt để. Bọn đế quốc không phải không biết điều đó. Chúng rất sợ giai cấp công nhân nắm ngọn cờ dân tộc và dân chủ. Rút kinh nghiệm về những thất bại liên tiếp trong âm mưu ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc đang tiến lên như vũ bão, chúng ra sức tìm mọi cách đối lập cách mạng giải phóng dân tộc với những người cộng sản, cố xây dựng thành « lý luận » cho cái thuyết phản động này. « Cần thiết phải thuyết phục các dân tộc rằng kẻ thù của họ là chủ nghĩa cộng sản chứ không phải là chủ nghĩa thực dân... , rằng thực chất nội dung cuộc đấu tranh không phải là giữa chủ nghĩa dân tộc châu Á

chống lại phương Tây mà là cuộc đấu tranh của chủ nghĩa dân tộc châu Á chống lại chủ nghĩa cộng sản » (1). Trong một quyển sách của Viện nghiên cứu quan hệ quốc tế của Mỹ, các tác giả đã viết : « Cuộc tiến công về tâm lý của chúng ta phải nhấn mạnh sự xung đột giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân tộc » (2).

Ở Việt-nam, từ bọn thực dân Pháp trước kia đến bọn xâm lược Mỹ hiện nay, chúng đã ra sức thực hiện cái thuyết đó nhưng đều không có hiệu quả. Trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược (1945 — 1954), tướng Lơ-cơ-léc đã đi đến kết luận : « Chủ nghĩa chống cộng là một đòn bẩy không có điểm tựa chừng nào chúng ta chưa giải quyết được vấn đề dân tộc ».

Còn trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống bọn xâm lược Mỹ hiện nay, thì chính thượng nghị sĩ Mỹ Phun-bơ-rai đã phải thú nhận : « Quan điểm của Mỹ về cách mạng bị chi phối bởi một vấn đề đơn giản nhưng cho tới nay vẫn không thể khắc phục nổi : Chúng ta có thái độ thù địch với chủ nghĩa cộng sản, đồng thời lại đồng tình với chủ nghĩa dân tộc và khi chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân tộc gắn liền với nhau thì chúng ta đâm ra bối rối, thất vọng, căm tức, hấp tấp, vội vã và bất nhất. Trong trường hợp cách mạng Cu-ba và chiến tranh ở Việt-nam, trong đó có chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân tộc liên kết chặt chẽ với nhau, Mỹ đã vấp phải những vấn đề tiến thoái lưỡng nan hết sức gay go trong việc vạch chính sách và những thất bại đau đớn trong việc thực hiện » (3).

Từ chương trình 10 điểm đến Cương lĩnh chính trị, thực tiễn của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam chứng tỏ đường lối đoàn kết toàn dân, chống Mỹ, cứu nước, giải phóng dân tộc của Mặt trận dân tộc giải phóng đã kế thừa một cách xuất sắc và phát triển lên một bước mới đường lối xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất của cách mạng Việt-nam

(1) F. Low — *Struggle for Asia* (Cuộc đấu tranh giành châu Á). Luân-đôn. 1955, tr.132, 159.

(2) R. Strausz Hupé, W. Kintner, S. Possony — *A forward strategy for America* (Một chiến lược tiên phong cho nước Mỹ). Nữu-ước. 1965, tr. 275.

(3) Trích chương 3 — « Nước Mỹ và cách mạng » của quyển *The arrogance of power* (Sự ngang ngược của quyền uy) của W. Fulbright. Bản dịch của Việt-nam thông tấn xã.

nói chung và cách mạng miền Nam nói riêng trong gần 40 năm qua.

Gần 40 năm nay, trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, dân tộc Việt-nam đã chuyển sự tin nhiệm và tình cảm của mình cho giai cấp công nhân Việt-nam và đội tiền phong của nó, và thực tế lịch sử đã tỏ rõ giai cấp công nhân Việt-nam rất xứng đáng với sự tin nhiệm và tình cảm đó. Giai cấp công nhân Việt-nam đã nhận thức ngày càng rõ ràng, chính xác cũng như đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ hữu cơ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Trong gần 40 năm qua, giai cấp công nhân Việt-nam luôn luôn dũng cảm, kiên quyết, chủ động gương cao ngọn cờ dân tộc và dân chủ, luôn luôn sáng tạo ra những hình thức mới, những biện pháp mới về chính trị và tổ chức để nắm vững ngọn cờ đó. Ngọn cờ dân tộc và dân chủ ở trong tay giai cấp công nhân, đó là điều bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam,

Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt-nam đã được ghi vào lịch sử, nối tiếp nhiều tổ chức quang vinh khác trong đường lối đoàn kết dân tộc của giai cấp công nhân Việt-nam: Đồng-dương phản đế đồng minh (1930 — 1931), Mặt trận dân chủ (1936 — 1939), Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế (cuối 1939), Mặt trận Việt-minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận Tổ quốc Việt-nam (1955).

Đường lối đoàn kết toàn dân, chống Mỹ, cứu nước, giải phóng dân tộc của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam càng làm sáng tỏ một kinh nghiệm lớn của cách mạng Việt-nam. « Kinh nghiệm cách mạng nước ta là Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi thì tốt; nhưng điều cốt yếu là Mặt trận phải có Cương lĩnh chính trị rõ ràng và phải thực hiện được sự thống nhất hành động giữa các thành viên của Mặt trận để thực hiện cương lĩnh đó: Mặt trận phải dựa trên cơ sở liên minh công nông vững chắc và phải do đảng mác-xít lê-nin-nít lãnh đạo chặt chẽ. Có như thế thắng lợi của cách mạng mới được bảo đảm » (1).

II — SỰ QUYẾT TÂM ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ VÀ BÈ LŨ TAY SAI CỦA CHÚNG

Theo dõi tình hình phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam từ khi Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời và công bố chương trình hành động cho đến nay, chúng ta thấy nổi bật lên sự quyết tâm của nhân dân miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ và bọn tay sai.

Cuộc « đồng khởi » đầu tiên ở Bến-tre ngày 17-1-1960 nổ ra với những khẩu hiệu:

— Đánh phải đánh tới tấp!

— Phát triển phải phát triển hết khả năng, không hạn chế.

— Khi sóng gió nổi lên, thuyền phải mạnh dạn căng buồm lướt sóng.

Những khẩu hiệu nói trên đã nêu bật tinh thần triệt để cách mạng, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của những người cách mạng miền Nam. Phong trào « đồng khởi » mang sâu sắc ý nghĩa tinh thần tiến công cách mạng của nhân dân miền Nam vững tin ở năng lực chiến đấu của bản thân mình để tự giải phóng.

Quyết tâm của nhân dân miền Nam trước hết thể hiện tập trung trong tư tưởng chiến đấu đến cùng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, cho độc lập, tự do của đất nước.

« Không có gì quý hơn độc lập, tự do », « Nước Việt-nam là một, dân tộc Việt-nam là một », đó là những chân lý sáng ngời, những nguyên tắc cao nhất chỉ đạo mọi đường lối, chính sách, hướng dẫn mọi tư tưởng, tình cảm và hành động cách mạng của nhân dân miền Nam. Chương trình 10 điểm đã nêu rõ quyết tâm của Mặt trận dân tộc giải phóng là « Vì quyền lợi tối cao của Tổ quốc, quyết phấn đấu đến cùng cho những nguyện vọng chính đáng của nhân dân ». Những nguyện vọng chính đáng đó là: « Phải hòa bình! Phải độc lập! Phải dân chủ! Phải cơm no áo ấm! Phải hòa bình thống nhất Tổ quốc! »

Kịp đến khi đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, Ủy ban trung ương lâm thời Mặt trận dân tộc giải phóng đã ra bản tuyên bố ngày 17-1-1962 xác định rõ: « Mặt trận kiên quyết chống mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của đế quốc Mỹ nhằm vũ trang xâm lược miền Nam Việt-nam, tuyên bố rằng nếu đế quốc

(1) Trường Chinh — *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi con đường Các Mác đã vạch ra*. Nhà xuất bản Sự thật. 1968, trang 74 — 75.

Mỹ điên cuồng thực hiện âm mưu vũ trang xâm lược của chúng thì nhân dân miền Nam sẽ dùng mọi biện pháp chiến đấu đến cùng, nhất định sẽ quét sạch bọn xâm lược ra khỏi đất nước và nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng». Tại Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng lần thứ hai (tháng 1-1964), khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi to lớn, đây để quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng đến trước sự thất bại rõ ràng của cuộc chiến tranh đặc biệt, một lần nữa, Mặt trận dân tộc giải phóng khẳng định lập trường của mình: «Chúng ta kiên quyết dùng đấu tranh vũ trang chống lại kẻ thù, kiên quyết kháng chiến và kháng chiến đến cùng... Dù tình hình chiến đấu của chúng ta vẫn còn nhiều gay go và phức tạp, mục tiêu của chúng ta là với bất kỳ giá nào, cũng phải giải phóng cho được miền Nam Việt-nam. Phải xây dựng cho được một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ».

Tháng 3-1965, khi đế quốc Mỹ tăng cường việc đưa quân đội của chúng và một số nước chư hầu vào miền Nam trước nguy cơ tan rã hoàn toàn của nguy quân và nguy quyền miền Nam, đồng thời bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Mặt trận dân tộc giải phóng đã ra bản tuyên bố nổi tiếng ngày 22-3-1965 trong đó nêu rõ: «Nhân dân miền Nam và các lực lượng vũ trang của mình quyết không đời nào buông lỏng vũ khí khi những mục tiêu cơ bản của nhân dân miền Nam Việt-nam tức là độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập chưa thực hiện được». Bản tuyên bố kêu gọi quân và dân miền Nam «đánh, đánh mạnh, đánh thật mạnh, đánh thật trúng vào đầu bọn giặc Mỹ và tay sai, quyết giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc».

Tư tưởng quyết tâm chiến đấu đến cùng để giành độc lập, tự do đã được nêu bật lên trong Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng: «Trải qua hơn 20 năm chiến tranh, đồng bào miền Nam ta thiết tha được sống hòa bình và xây dựng lại đất nước bị tàn phá.

Nhưng đế quốc Mỹ chà đạp lên nguyện vọng chính đáng ấy. Cho nên, nhân dân ta phải đánh Mỹ để giành lấy hòa bình trong độc lập.

Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Chỉ có độc lập thật sự mới có hòa bình chân chính! Kẻ thù của dân tộc ta tàn bạo và ngoan cố. Nhưng toàn dân ta quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai. Đế quốc Mỹ chưa chịu chấm dứt chiến tranh x

lược, chưa rút hết quân đội Mỹ và quân đội các nước chư hầu ra khỏi nước ta, để việc nội bộ của miền Nam Việt-nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài, thì nhân dân ta quyết chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn. Cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam Việt-nam lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi».

Tư tưởng đó cũng được quán triệt sâu sắc trong 14 chính sách lớn của cương lĩnh. Những chính sách đó là những đòn tiên công cách mạng nhằm vào đế quốc Mỹ bạo tàn và nguy quyền tay sai của chúng!

«— Xóa bỏ chế độ thuộc địa trá hình do đế quốc Mỹ đặt ra ở miền Nam Việt-nam: đánh đổ nguy quyền bù nhìn tay sai của Mỹ; không thừa nhận quốc hội bù nhìn do đế quốc Mỹ và tay sai nặn ra; bãi bỏ hiến pháp và mọi luật lệ phản dân tộc, phản dân chủ của đế quốc Mỹ và nguy quyền.

— Thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc và dân chủ bao gồm những người tiêu biểu nhất của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái yêu nước và dân chủ, các nhân sĩ yêu nước, các lực lượng đã góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

— Xóa bỏ chính sách nô dịch và lũng đoạn kinh tế của đế quốc Mỹ. Tịch thu tài sản của đế quốc Mỹ và của bọn ác ôn ngoan cố tay sai của chúng để làm tài sản cho Nhà nước.

— Tịch thu ruộng đất của đế quốc Mỹ và của bọn địa chủ ác ôn ngoan cố tay sai của Mỹ, đem chia cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất.

— Bài trừ văn hóa, giáo dục nô dịch, đòi truy theo kiểu Mỹ đang tác hại đến truyền thống văn hóa tốt đẹp lâu đời của dân tộc ta.

— Chăm lo việc xây dựng các lực lượng vũ trang giải phóng. Ra sức nâng cao chất lượng, tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang giải phóng để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chiến thắng quân xâm lược Mỹ, quân chư hầu và quân nguy, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn» (Trích Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam).

Nhìn vào diễn biến cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam trong suốt 8 năm qua, chúng ta thấy rất rõ ràng ý chí chiến đấu của các lực lượng vũ trang giải phóng và của nhân dân không ngừng được bồi dưỡng và tăng cường. Tinh thần quyết tâm càng cao, thắng lợi giành được càng lớn, thắng lợi càng lớn càng cổ vũ và nâng cao tinh thần quyết tâm.

Con đường chiến đấu và chiến thắng của nhân dân miền Nam từ 1960 đến nay đã được đánh dấu bằng nhiều cột mốc vẻ vang thể hiện tinh thần quyết tâm cao độ đó.

Chiến thắng mở màn Tua Hai (Tây-ninh) cuối năm 1959, đầu năm 1960 đã động viên, cổ vũ rất mạnh phong trào đấu tranh kết hợp hai hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị vừa mới bắt đầu. Từ đó đến nay, những chiến thắng của quân và dân miền Nam không ngừng diễn ra ngày càng liên tục, dồn dập, đều khắp, to lớn và toàn diện. Mỗi bước ngoặt cổ leo thêm một nấc thang của cuộc chiến tranh xâm lược, đế quốc Mỹ lại vấp phải một quyết tâm mới, một sức mạnh mới của quân và dân miền Nam, lại phải chịu nhận một thất bại mới đau đớn, thảm hại hơn. Chỉ hơn một năm sau khi đế quốc Mỹ thực hiện kế hoạch Xta-lây—Tay-lơ trong khuôn khổ chiến lược «chiến tranh đặc biệt», chiến thắng vang dội Ấp Bắc (đầu tháng 1-1963) đã diễn ra, báo hiệu sự thất bại không thể tránh khỏi của cái loại chiến tranh nằm trong chiến lược «phản ứng linh hoạt» được các nhà chiến lược và nghiên cứu lý luận khoa học quân sự tư sản đề cao như một sự sáng tạo lớn.

Tiếp theo đó là chiến thắng Bình-giã (Bà-rịa) tháng 12-1964. Nếu như ở Ấp Bắc đế quốc Mỹ bắt đầu thấy là chúng khó có thể thắng được thì đến Bình-giã, chúng càng cảm thấy có thể thua trong «chiến tranh đặc biệt». Từ Ấp Bắc đến Bình-giã, thất bại của đế quốc Mỹ đã nhanh lại càng diễn ra nhanh hơn từ Bình-giã đến Ba-gia, sông Bè (tháng 5-1965). Với sự phá sản của chiến lược «chiến tranh đặc biệt» đã xuất hiện một bước ngoặt căn bản trong sự so sánh lực lượng giữa cách mạng miền Nam và đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai.

Thế thắng, thế chủ động, thế tiến công của cách mạng miền Nam được xác định vững chắc. Trái lại, đế quốc Mỹ đã bị sa lầy trong thế thua, thế bị động, thế phòng ngự và không có cách nào ra thoát khỏi tình trạng đó.

Cách mạng miền Nam đã nhận thức hết sức đúng đắn và kịp thời thế trận đó, đã chuẩn bị kỹ càng tư tưởng và bồi dưỡng quyết tâm của các lực lượng vũ trang giải phóng và nhân dân để sẵn sàng tiếp tục tiến công địch nên khi đế quốc Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam, chuyển cuộc chiến tranh đặc biệt thành chiến tranh cục bộ, chúng đã bị ngay những đòn phủ đầu ác liệt ở Núi Thành, Vạn-tường, Đà-nẵng, Chu-lai, Pơ-lây-me... Quyết tâm của quân và dân miền Nam đánh thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai đã được nhân lên gấp bội qua cuộc

độ sức quyết liệt trong hai mùa khô 1965—1966 và 1966—1967.

Với những lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh to lớn được tung vào chiến trường miền Nam, bọn xâm lược Mỹ đã mở nhiều chiến dịch quy mô lớn hòng thực hiện chiến lược phản công dồn các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam lùi lại thế phòng ngự, nhưng thực tế đã diễn ra hoàn toàn trái với ý muốn của chúng. Hai mùa khô phản công chiến lược đã đem lại cho bọn cướp nước và bán nước những kết quả thật là bi đát, thất bại của mùa khô sau lại nặng nề hơn thất bại của mùa khô trước.

Với những thất bại đó, đế quốc Mỹ ở vào một tình trạng có thể xem như là bị kích : chúng thua không phải vì thiếu quân, thiếu vũ khí mà là trong điều kiện đã sử dụng cực kỳ xa xỉ các lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh. Quá trình xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam trong nhiều năm qua đã diễn biến theo hình thái : thất bại, —tăng quân, tăng phương tiện chiến tranh, tăng đồ-la, —thất bại mới nặng hơn. Trong thực tế, thất bại trong giai đoạn đầu của chiến lược «chiến tranh cục bộ» còn diễn ra nhanh hơn thất bại của chiến lược «chiến tranh đặc biệt». Trong khi đó thì sức mạnh của quân và dân miền Nam, cả về vũ trang và chính trị đã phát triển vượt bậc, tinh thần quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai bán nước càng được củng cố vững chắc hơn bao giờ hết. Sức mạnh chiến đấu vĩ đại và tinh thần quyết tâm gang thép đó thể hiện tập trung và nổi bật nhất trong phong trào thi đua giết giặc lập công của quân và dân miền Nam. Từ phong trào thi đua Ấp Bắc đến phong trào thi đua quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại đã làm sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân miền Nam mà những biểu hiện đẹp đẽ nhất đã kết tinh lại trong hai đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua, dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam (tháng 5-1965 và tháng 9-1967). Bản báo cáo của ông Trần Quốc Vinh, thay mặt bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam tại đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua lần thứ hai đã đặc biệt nhấn mạnh đến tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân miền Nam : «Đại hội chúng ta hôm nay chính là hình ảnh thu nhỏ lại của ý chí và quyết tâm chiến thắng đế quốc Mỹ của toàn dân ta : thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu làm nô lệ. Những ngày sống nô lệ tủi nhục đã làm cho nhân dân ta thấm thía và

vô cùng thiết tha với độc lập, tự do của đất nước, và chính vì thế mà đã kiên quyết, bền bỉ khắc phục mọi khó khăn, ác liệt, thiếu thốn, dẻo dai chiến đấu suốt hơn 20 năm qua».

Chính giữa lúc quân thù ở vào một tình trạng thê và lực đều đã sa sút nghiêm trọng, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam đã phát triển một bước nhảy vọt, đã chuyển sang một thời kỳ mới, thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt. Vào những ngày đầu xuân 1968 hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng :

« Các tầng lớp nhân dân trong các thành thị và các vùng tạm thời bị địch kiểm soát, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, chính kiến, tín ngưỡng, đồng bào các dân tộc, hãy đoàn kết đứng lên vũ trang khởi nghĩa, ai có súng dùng súng, ai có dao dùng dao, quyết phối hợp cùng các lực lượng quân sự cách mạng đập tan bộ máy ngụy quyền, chấm dứt kiếp sống nô lệ, giành lấy quyền làm chủ, giành lấy hòa bình, độc lập, tự do và cơm áo », toàn thể miền Nam đã anh dũng xông lên trong một khí thế cách mạng mạnh như bão táp. Các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng, các lực lượng chính trị của quần chúng nông thôn tiến vào các đô thị, các lực lượng yêu nước và cách mạng nổi dậy từ ngay trong lòng các thành thị đã phối hợp chặt chẽ với nhau tạo thành một sức mạnh áp đảo kẻ thù, đưa cuộc chiến tranh cách mạng vào đến tim, gan, đầu não của bọn cướp nước và bán nước.

Qua 9 tháng liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, quân và dân miền Nam đã giết, làm bị thương và bắt sống hơn nửa triệu tên địch (trong đó có gần 18 vạn quân Mỹ và chư hầu), bắn rơi và phá hủy hơn 8.000 máy bay các loại, phá hủy hơn 10.000 xe quân sự (có hơn 6.000 xe tăng và xe bọc thép), bắn chìm và bắn cháy hơn 700 tàu, xuống chiến đấu, phá hủy hơn 1.000 khẩu pháo, hơn 600 kho tàng, san bằng hơn 1.400 đồn bốt (tính đến tháng 9-1968).

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt có ý nghĩa chiến lược toàn diện, tạo nên một thế chiến lược mới, một thời cơ mới, đưa vào cuộc chiến đấu nhiều lực lượng mới và mở ra một cục diện mới của cuộc chiến tranh trong đó cách mạng miền Nam đang tiến lên giành những thắng lợi quyết định. Thắng lợi đó cũng làm đảo lộn thế chiến lược của đế quốc Mỹ, làm lung lay tận gốc cơ sở chủ nghĩa thực dân mới và ý chí xâm lược của chúng. Rõ ràng là ý chí xâm lược của tên đầu sỏ trong thế giới tư bản đã không thể nào chọi lại quyết tâm sắt đá của

cả một dân tộc chiến đấu vì độc lập, tự do.

Một điều đáng cho chúng ta suy nghĩ là từ đầu mà quân và dân miền Nam có một tinh thần quyết tâm cao như thế? Đây không phải là ý chí luận của chủ nghĩa duy tâm, cũng không phải là cái gì thần bí. Tinh thần quyết tâm đó trước hết bắt nguồn từ một lòng tự hào dân tộc rất mạnh mẽ, lại có thêm một sự giác ngộ cách mạng hết sức sâu sắc. Ở đây, tinh thần kiên quyết cách mạng có thể được phát huy đến cao độ vì nó dựa trên đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn khoa học. Tiền đề của đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn, khoa học dựa trên sự hiểu biết đầy đủ, sâu sắc ta và địch, sự đánh giá chính xác lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng. Trong mấy chục năm phải liên tục đương đầu với chủ nghĩa đế quốc, hết Nhật, Pháp, lại đến Mỹ, điều đó đã giúp cho cách mạng miền Nam có nhiều kinh nghiệm quý báu, ngày càng hiểu biết và nắm vững lực lượng tiềm tàng vô tận của bản thân mình, ngày càng đánh giá đúng đắn chủ nghĩa đế quốc.

Hiểu biết và đánh giá đúng chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, kẻ thù số một của loài người, có một tầm quan trọng về chiến lược trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay. Tất cả sự phô trương sức mạnh của tên chúa trùm trong thế giới tư bản đã không làm nổi cách mạng miền Nam lóa mắt. Với cách nhìn khoa học, biện chứng, nắm vững bản chất của chủ nghĩa đế quốc và những kinh nghiệm của gần 40 năm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cách mạng miền Nam đã phân tích một cách khoa học những chỗ mạnh tạm thời và những chỗ yếu căn bản của kẻ thù để từ đó đi đến khẳng định : phải đánh và có thể đánh thắng đế quốc Mỹ, cả về mặt quân sự. Lúc khởi đầu cuộc chiến đấu, loài người tiến bộ không tránh khỏi lo lắng cho nhân dân miền Nam trước một kẻ thù nhìn bề ngoài có một sức mạnh quân sự và kinh tế vô cùng hùng hậu. Nhưng một sự thật kỳ diệu đã xảy ra, nhân dân miền Nam càng đánh, càng mạnh, càng liên tục thắng lớn, tiến công dồn dập. Đến nay, sự bất lực của khối lực lượng vật chất, kỹ thuật đồ sộ của đế quốc Mỹ đã quá rõ ràng và chính bản thân bọn xâm lược đã bắt đầu hoang mang, nghi ngờ hiệu quả của cái mà chúng vẫn thường lớn tiếng khoe khoang là « sức mạnh không thể tưởng tượng được của lực lượng quân sự Hoa-kỳ ». Một trong những đặc điểm

nổi bật của lịch sử dân tộc Việt-nam là tính nhân dân đã thể hiện rất sắc nét và rất sớm trải qua hàng mấy chục thế kỷ đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Nhưng chưa bao giờ tính nhân dân lại biểu hiện triệt để rực rỡ, tuyệt vời như trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Cách đây gần 50 năm, tại đại hội toàn Nga lần thứ hai của các tổ chức cộng sản thuộc các dân tộc phương Đông, Lê-nin đã vạch ra triển vọng các cuộc chiến tranh cách mạng do các dân tộc bị thống trị buộc phải tiến hành chống lại chủ nghĩa đế quốc như sau:

«Mặc dù họ còn yếu, mặc dù bọn người châu Âu đi áp bức có vẻ bất khả chiến thắng khi chúng đem dùng vào cuộc đấu tranh mọi cái kỹ diệu về kỹ thuật và nghệ thuật quân sự, nhưng cuộc chiến tranh cách mạng do các dân tộc bị áp bức đang tiến hành, nếu quả thật đi đến thức tỉnh hàng triệu người lao động và bị bóc lột, thì cuộc chiến tranh đó sẽ đưa lại rất nhiều khả năng, rất nhiều cái kỳ lạ đến nỗi làm cho sự giải phóng các dân tộc phương Đông ngày nay hoàn toàn có thể thực hiện được trong thực tiễn». Lời liên đoàn của Lê-nin ngày nay đã thành sự thật trên đất nước Việt-nam anh hùng. Với việc thực hành chiến lược tiến công cách mạng, tiến công toàn diện cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, kết hợp chặt chẽ lực lượng quân sự với lực lượng chính trị, đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kết hợp công kích bằng quân sự với khởi nghĩa của quần chúng ở cả ba vùng đồng bằng, rừng núi và thành thị, đánh địch bằng cả quân sự, chính trị và binh vận, cách mạng miền Nam nói riêng và cách mạng Việt-nam nói chung đang nâng cuộc chiến tranh nhân dân lên một đỉnh cao. Quyết tâm và tài trí của nhân dân ta đang từng bước làm cho chính sách dựa trên thế mạnh và chiến lược toàn cầu phản động của đế quốc Mỹ bị phá sản, đang đánh bại khoa học và nghệ thuật quân sự cũng như mọi kế hoạch điên cuồng mở rộng chiến tranh của chúng.

III — SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÀY Càng VỮNG MẠNH CỦA CHÍNH QUYỀN DÂN TỘC DÂN CHỦ

Nghiên cứu kỹ chương trình 10 điểm và nhất là Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng, chúng ta thấy rất rõ nội dung của những văn kiện lịch sử đó không những vạch ra đường lối kháng chiến chống

Quyết tâm sắt đá của nhân dân miền Nam một lần nữa, lại được thể hiện trong bản tuyên bố của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng ngày 3-11-1968 về giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt-nam. Trước những thất bại hết sức nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam và phá hoại miền Bắc, ngày 1-11-1968, đế quốc Mỹ đã buộc phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân và pháo binh trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, buộc phải nói chuyện chính thức với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam tại Pa-ri.

Trước tình hình đó, ngày 3-11-1968, Hồ Chủ tịch đã ra lời kêu gọi lịch sử nhân dân toàn quốc và vạch rõ:

«Nhiệm vụ của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi.

Đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng, dưới ngọn cờ vẻ vang của Mặt trận dân tộc giải phóng, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, kiên quyết tiến lên, giành lấy thắng lợi hoàn toàn».

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, trong bản tuyên bố ngày 3-11-1968, sau khi nêu rõ lập trường của mình đối với giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt-nam, Mặt trận dân tộc giải phóng đã động viên nhân dân miền Nam: «Hãy phát cao cờ chiến thắng, dũng mãnh xông lên, phát huy khí thế liên tục tiến công và liên tục nổi dậy, đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, đánh đổ bọn việt gian bán nước, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành vẻ vang nghĩa vụ thiêng liêng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, góp phần giữ gìn hòa bình ở châu Á và thế giới».

Mỹ, mà còn vạch ra đường lối xây dựng toàn diện chế độ xã hội của miền Nam.

Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng nêu rõ:

«Nhân dân miền Nam Việt-nam quyết

chiến thắng giặc Mỹ xâm lược và tay sai, đem hết tinh thần và lực lượng của mình để xây dựng một chế độ chính trị bảo đảm độc lập, chủ quyền của dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân, hàn gắn những vết thương chiến tranh, thanh toán những tệ nạn xã hội do chế độ Mỹ—ngụy để lại, khôi phục đời sống bình thường và xây dựng miền Nam Việt-nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh».

Hai mặt «chống và xây» gắn bó rất chặt chẽ với nhau trong chương trình 10 điểm cũng như trong 14 chính sách lớn của Cương lĩnh chính trị. Có thể nói một cách khái quát là tất cả những điểm cụ thể và những chính sách lớn được nêu lên trong chương trình 10 điểm và trong Cương lĩnh chính trị cuối cùng đều nhằm mục đích: đập tan bộ máy thống trị thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân. Suốt tám năm qua, nhân dân miền Nam đã kiên trì và dũng cảm xây dựng từng bước chính quyền dân tộc dân chủ của mình ngày càng vững mạnh. Quá trình xây dựng chính quyền dân tộc dân chủ ở miền Nam trong tám năm qua là quá trình liên tục đánh bại mọi kế hoạch «bình định», gom dân lập «ấp chiến lược», mọi chương trình cải cách «lừa bịp» của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, là quá trình không ngừng củng cố và mở rộng vùng giải phóng, không ngừng tăng cường giáo dục cho nhân dân về ý thức làm chủ và sáng tạo ra nhiều biện pháp về chính trị về tổ chức để giữ vững quyền làm chủ. Những khẩu hiệu như «ba bám» (bộ đội và du kích bám địch, dân bám đất, cán bộ bám dân) và «Một tác không đi, một ly không rời» một mặt nói lên tinh thần kiên quyết chiến đấu, nhưng một mặt khác cũng tỏ rõ tinh cảm và ý chí của quân và dân miền Nam tha thiết gắn bó vận mệnh của mình với chính quyền dân tộc dân chủ đã đỡ bao nhiêu xương máu mới giành được.

Ngay từ những ngày đồng khởi năm 1960, sau khi đã vùng lên phá thế kìm kẹp của địch ở nhiều vùng rộng lớn của nông thôn Nam-bộ và rừng núi miền Nam Trung-bộ, nhân dân đã phần khởi bắt tay vào việc tổ chức bộ máy để tự quản lý đời sống của mình.

Bốn năm sau ngày đồng khởi, nhân dân miền Nam «đã củng cố và mở rộng một vùng giải phóng chạy từ Tây-nguyên đến lưu vực sông Cửu-long. Hơn phần nửa dân số và hơn 2/3 diện tích đất đai toàn miền Nam đã được giải phóng. Vùng giải phóng nằm trên những vùng trù phú đông dân, hoặc có địa thế rất

vững chắc lẫn vào sát thị xã, thị trấn» (Báo cáo chính trị tại Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam lần thứ hai).

Trong vùng giải phóng, các ủy ban nhân dân tự quản và các ủy ban phong trào dân tộc tự trị (ở Tây-nguyên và các vùng núi các tỉnh Liên khu 5 cũ) ra sức xây dựng chính quyền của mình ngày càng vững mạnh. Các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng được thực hiện. Một thắng lợi nổi bật làm cơ sở vững chắc cho việc củng cố vùng giải phóng và xây dựng chính quyền ở nông thôn là việc thi hành chính sách ruộng đất của Mặt trận đã giao vào tay nông dân 2 triệu héc-ta ruộng đất. Phần khởi trước quyền lợi cơ bản được giải quyết, nông dân miền Nam càng đầy mạnh sản xuất để cải thiện đời sống và đóng góp nhiều hơn cho cuộc chiến tranh yêu nước. Nền kinh tế quốc dân gồm nhiều ngành bắt đầu hình thành. Giáo dục phát triển rất nhanh. Hàng vạn người theo học các lớp bổ túc văn hóa. Các trường phổ thông cấp I, cấp II đã nhận hàng nửa triệu học sinh. Trong những điều kiện hết sức khó khăn, nhân dân vùng giải phóng đã ra sức xây dựng ngành y tế. Các trạm xá và nhà hộ sinh được mở khắp các thôn, xã.

Báo chí phát triển từ trung ương đến địa phương — Xưởng phim Giải phóng đã sản xuất nhiều bộ phim có giá trị ghi lại những hình ảnh sinh động trong cuộc sống chiến đấu và sản xuất anh dũng, gian khổ của nhân dân miền Nam. Nền văn học nghệ thuật cách mạng đang tiến những bước vững vàng với hình thức dân tộc và nội dung yêu nước, dân chủ theo đúng hướng phục vụ công, nông, binh. Tiêu biểu cho nền văn học, nghệ thuật đó là những tác phẩm xuất sắc được giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu (1961 — 1965).

Một thành tựu xuất sắc của vùng giải phóng là sự phát triển văn hóa của các dân tộc ít người. 17 dân tộc đã có chữ viết riêng, có báo chí bằng tiếng dân tộc và có cả trường học dạy bằng tiếng dân tộc.

Những thắng lợi hết sức to lớn nói trên đã được đánh giá một cách tổng hợp trong bản Cương lĩnh chính trị: «Vùng giải phóng không ngừng được mở rộng, đến nay đã chiếm bốn phần năm đất đai với hai phần ba dân số miền Nam. Trong vùng giải phóng, chính quyền dân tộc và dân chủ đang hình thành và cuộc sống mới đang nảy nở».

Trên cơ sở của những thắng lợi đó và trước tình hình mới, «Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam chủ trương động viên các tầng lớp nhân dân ở các thành thị và vùng

nông thôn bị địch tạm thời kiểm soát đoàn kết đấu tranh bằng mọi hình thức để phá thể kim kẹp của giặc Mỹ và tay sai, phá các “phường” và “ấp chiến lược”, đòi tự do dân chủ và chủ quyền dân tộc, đòi cải thiện dân sinh, chống bắt lính, bắt xấu, chống văn hóa nô dịch và đòi truy, tiến lên cùng toàn dân đánh đổ ách thống trị của chúng, giành chính quyền.

Đồng thời, Mặt trận chủ trương động viên các tầng lớp nhân dân vùng giải phóng đoàn kết chặt chẽ, xây dựng chế độ nhân dân tự quản, thực hiện từng bước chính quyền dân tộc và dân chủ ở địa phương, xây dựng căn cứ địa; ra sức sản xuất và chiến đấu chống Mỹ, cứu nước; tiếp tục giải quyết tốt vấn đề ruộng đất; xây dựng kinh tế và văn hóa mới của vùng giải phóng, bồi dưỡng sức dân để chi viện cho tiền tuyến và kháng chiến đến toàn thắng.

Sự thực hiện những chủ trương chính xác đó đã đưa việc xây dựng chính quyền dân tộc dân chủ ở miền Nam đến một bước phát triển mới có tính chất nhảy vọt. Trong cao trào tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, khẩu hiệu “phá thể kim kẹp, đập tan bộ máy thống trị của địch, giành chính quyền về tay nhân dân” đã động viên hàng triệu người ở trong các vùng còn tạm thời bị địch kiểm soát hùng dũng xông lên giành quyền làm chủ. Đã từ hàng chục năm nay, ngụy quyền Sài-gòn tay sai của Mỹ luôn luôn phải đối phó với những đòn tiến công của nhân dân miền Nam làm tan rã từng mảng hàng ngũ của nó, nhưng chưa bao giờ cuộc tiến công lại nổ ra một cách đều khắp dữ dội với một khí thế áp đảo ngay tại những trung tâm đầu não của chúng như trong thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy. Từ lâu, trái tim của nhân dân yêu nước của các thành thị miền Nam, trước hết là công nhân và những người lao động đã thuộc về cách mạng, bọn bù nhìn chỉ còn giữ được một cái vẻ bề ngoài cho cái gọi là chính quyền của chúng. Nhưng đã đến lúc ngay cả cái vỏ bề ngoài đó, chúng cũng không giữ nổi nữa. Nhân dân các thành thị đã vùng lên, đã công khai và trực diện đánh vào bộ máy thống trị, đàn áp của chúng. Những chiến thắng to lớn về quân sự đã tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghĩa của quần chúng và ngược lại, khởi nghĩa của quần chúng thắng lợi càng làm cho những đợt tiến công quân sự phát huy hiệu quả. Hàng ngàn, hàng vạn tên cảnh sát, mật vụ, thám báo, ác ôn, biệt động, hàng trăm đội “bình định”, hàng trăm cơ quan các loại của ngụy quyền, từ cấp quận, cấp tỉnh cho đến cả những thành phố lớn nhất là Sài-gòn — Chợ-lớn, Huế, Đà-nẵng đã bị tiêu diệt làm cho hệ

thống ngụy quyền bị suy sụp, tinh thần tan rã, hoạt động tê liệt.

Một thời kỳ mới trong đời sống của nhân dân các thành thị miền Nam đã bắt đầu. Những cơ sở chính quyền bước đầu được thiết lập tại các thành thị miền Nam dưới những hình thức thích hợp và với mức độ khác nhau tùy theo tình hình từng nơi chắc chắn sẽ ngày càng phát triển cùng với những thắng lợi về quân sự và chính trị ngày càng to lớn và cuối cùng sẽ góp phần làm sụp đổ hoàn toàn bộ máy thống trị của bè lũ bù nhìn.

Một thắng lợi khác hết sức nổi bật là trên đà tổng tiến công và nổi dậy, đi đôi với việc mở rộng và củng cố vùng giải phóng, thực hiện quyền làm chủ của mình, nhân dân miền Nam đã sôi nổi bắt tay vào việc thiết lập chính quyền cách mạng trên hầu hết 44 tỉnh toàn miền Nam.

Tại miền Trung Trung-bộ, ở Quảng-trị, tính đến tháng 7-1968, đã có 20 xã trong 2 huyện bầu cử xong Ủy ban nhân dân cách mạng ở Thừa-thiên, 29 xã trong 5 huyện bầu cử xong Ủy ban nhân dân cách mạng, 5 quận thuộc Quảng-trị, Thừa-thiên đã thành lập xong chính quyền cách mạng cấp huyện. Đặc biệt Quảng-trị — Thừa-thiên — Huế đã có Ủy ban nhân dân cách mạng cấp khu thành lập ngày 14-2-1968. Ở Quảng-nam: hầu hết số xã trong huyện đã bầu cử xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Ở Quảng-ngãi: 107 xã trong số 159 xã của toàn tỉnh đã bầu xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng cấp huyện. Tại Tây-nguyên, ở Công-tum: Các Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng đã lần lượt ra mắt đồng bào. Sau đó, 6 quận trong tỉnh đã thành lập xong chính quyền cách mạng cấp quận.

Ở Gia-lai, nhân dân đã bầu cử xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng các cấp (xã, huyện, tỉnh) trong một thời gian ngắn.

Ở Đắc-lắc, nhân dân đã bầu xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng ở 30 xã trong 6 huyện.

Tại miền Đông Nam-bộ, hai tỉnh Bình-long và Phước-long đã hoàn thành việc thành lập chính quyền nhân dân giải phóng xã. Tại miền Trung Nam-bộ, đồng bào vùng giải phóng cũ và mới đã thành lập xong 177 Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã. Tại miền Tây Nam-bộ, đã có 9 quận và 85 xã bầu xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng.

Đặc biệt tỉnh Cà-mau đã thành lập xong chính quyền nhân dân ở cấp xã (40 trong tổng số 46 xã), cấp huyện và cấp tỉnh. Việc thiết lập chính quyền cách mạng ở miền Nam trong thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Nó nói lên sự lớn mạnh vượt bậc của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, nguyện vọng tha thiết và ý chí sắt đá của nhân dân miền Nam quyết xây dựng thành công chính quyền của mình để sử dụng nó như một vũ khí có hiệu lực quyết định trong cuộc chiến đấu nhằm đạt được những mục tiêu mà Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng đã đề ra.

Được hun đúc và tôi luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng, chính quyền đó được sự tin yêu và ủng hộ của nhân dân. Chính quyền đó đúng là chính quyền của nhân dân mà người đại biểu chân chính là Mặt trận dân tộc giải phóng.

Mặc dầu bề ngoài ra sức xuyên tạc, nhưng bên trong, đế quốc Mỹ rất sợ Mặt trận dân tộc giải phóng vì chúng thừa biết không thể nào có một bè lũ tay sai do chúng dựng nên mà lại có thể đem so sánh với Mặt trận dân tộc giải phóng bất cứ về mặt nào, nhất là về mặt tín nhiệm đối với nhân dân. Cơ sở xã hội của bè lũ Thiệu — Kỳ mỏng manh hơn bao giờ hết. Chỗ đứng của chúng đang sụt lở nhanh chóng chưa từng thấy. Nếu đế quốc Mỹ còn một chút nào ảo tưởng về bọn tôi tớ của chúng thì những đợt tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trong năm 1968 đã buộc chúng phải căng óc và mở mắt ra để nhận lấy một sự thật : giờ cuối cùng của bọn bán nước sắp đến, không có gì có thể cứu chúng khỏi bị diệt vong.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam có đầy đủ chức năng của một Nhà nước, điều đó còn được thể hiện rõ rệt qua những quan hệ đối ngoại của Mặt trận. Với sự giáo dục của Mặt trận, nhân dân miền Nam nhận thức sâu sắc rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của mình chẳng những là trách nhiệm đối với dân tộc mà còn là một nghĩa vụ quốc tế đối với phong trào cách mạng trên toàn thế giới. Cương lĩnh chính trị của Mặt trận nhấn mạnh : « Trong khi chiến đấu cho những quyền dân tộc thiêng liêng của mình, nhân dân miền Nam Việt-nam tích cực góp phần làm nghĩa vụ quốc tế. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam Việt-nam là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn thế giới.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam nguyện đứng trong khối đoàn kết các dân tộc Đông-dương để chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam, Căm-pu-chia và Lào.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam nguyện tích cực tham gia cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ».

Đường lối đối ngoại đó là sự khái quát những kết quả hoạt động đối ngoại của Mặt trận trong những năm qua và phát triển lên một bước cao hơn trước tình hình mới.

Tám năm trước đây, khi mới ra 'dời, bản Tuyên ngôn của Mặt trận đã khẳng định sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân miền Nam nhất định sẽ giành được sự ủng hộ to lớn của nhân dân thế giới. Ngày nay, sự thật đã chứng minh điều đó. Nếu như năm 1961 chỉ mới có một đoàn đại biểu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đi thăm hữu nghị các nước và tham dự các hội nghị quốc tế thì ngày nay, hàng năm, ít nhất cũng có mấy chục đoàn đại biểu của Mặt trận đi thăm các nước và tham dự những hội nghị quốc tế quan trọng. Những phái đoàn thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã được đặt ở tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và ở nhiều nước châu Á và châu Phi. Tiếng nói chính nghĩa của Mặt trận dân tộc giải phóng ngày càng vang lên mạnh mẽ ở khắp các châu, giới thiệu cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân miền Nam, tố cáo và lên án đế quốc Mỹ xâm lược, kêu gọi sự đoàn kết quốc tế nhằm thành lập một Mặt trận thống nhất của nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Với những hoạt động tích cực, phong phú, nhiều vẻ của Mặt trận dân tộc giải phóng trên trường quốc tế và nhất là với những thắng lợi ngày càng to lớn mà quân và dân miền Nam đã giành được trong thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy, vai trò và uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng ngày càng được đề cao. Nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ, ngày càng nhận rõ Mặt trận dân tộc giải phóng thật sự là người đại diện chân chính và có thẩm

quyền của nhân dân miền Nam, tiếng nói chính thức của Mặt trận không thể thiếu

được đối với bất kỳ một giải pháp nào được đề ra nhằm giải quyết vấn đề miền Nam.

Từ chương trình 10 điểm đến Cương lĩnh chính trị, thực tiễn của tám năm qua đã cho thấy rõ tình hình cách mạng miền Nam phát triển rất nhanh, nhất là từ khi bắt đầu thời kỳ tổng tiến công và nổi dậy. Tình hình đó đã làm đảo lộn mọi âm mưu và tính toán của đế quốc Mỹ xâm lược. Quy luật phát triển của xã hội trong những thời kỳ cách mạng với tốc độ một ngày bằng 20 năm đang phát huy mạnh mẽ tác dụng ở miền Nam. Cách mạng miền Nam chưa hết khó khăn do bản chất ngoan cố, tàn bạo và xảo quyệt của đế quốc Mỹ gây nên nhưng tính chất của những khó khăn đó khác xa với những khó khăn mà cách mạng miền Nam đã trải qua trước

những ngày đồng khởi. Ngày nay, lực lượng quân sự và chính trị của cách mạng miền Nam rất hùng mạnh, đường lối lãnh đạo cách mạng rất vững vàng, sáng tạo, lại có sự ủng hộ triệt để, tuyệt đối của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình và giúp đỡ to lớn của phe xã hội chủ nghĩa và của cả loài người tiến bộ nên tiền đồ của cách mạng miền Nam rất xán lạn, vẻ vang. Dưới ngọn cờ đoàn kết và chiến đấu của Mặt trận dân tộc giải phóng và dưới ánh sáng của Cương lĩnh chính trị, cách mạng miền Nam đang hùng dũng tiến lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình : giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước.

Đề kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận...

(Tiếp theo trang 1)

trong tám chín năm đấu tranh cực kỳ gian khổ nhưng cũng cực kỳ anh dũng và vẻ vang.

Ngày 20 tháng 12 năm nay là ngày kỷ niệm năm thứ tám ngày Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời. Ngày đó đánh dấu một bước tiến mới của nhân dân miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc.

Trong khi chờ đợi những tác phẩm nghiên cứu đầy đủ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu

nước vĩ đại của quân và dân miền Nam về tất cả các phương diện của giới sử học miền Bắc, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số tháng 11 năm 1968 đăng một số luận văn nghiên cứu bước đầu một cách tổng hợp cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế v.v... để góp một phần nhỏ mọn vào việc kỷ niệm ngày lịch sử của dân tộc nói chung, của đồng bào miền Nam nói riêng : **Ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam 20 tháng 12 năm 1960 — 1968.**

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

TỪ NỀN KINH TẾ SUY SỤP ĐẾN... BẾ TẮC

(hay là sự thất bại của đế quốc Mỹ trong việc sử dụng kinh tế miền Nam Việt-nam làm hậu cần tại chỗ)

THANH BÌNH

TRONG vô số vấn đề thuộc lĩnh vực chỉ đạo chiến tranh xâm lược của thực dân Mỹ thì một trong những vấn đề có tầm quan trọng lớn là việc sử dụng hậu cần tại chỗ. Sử dụng hậu cần tại chỗ, đối với Hoa-thịnh-đốn, bao hàm trước hết việc lôi cuốn kinh tế miền Nam phục vụ cho nhu cầu chiến tranh thực dân kiểu mới của Mỹ.

Từ 3 năm nay, cuộc chiến tranh cục bộ, tàn khốc phi nghĩa, đã ngốn của nước Mỹ hàng năm trên dưới 30 tỷ đô-la, hàng tỷ tấn hàng các loại (1).

Với khối lượng hàng lớn như vậy ném vào miền Nam, hay nói đúng hơn với lực lượng kinh tế tài chính hùng mạnh của nó, đế quốc Mỹ tưởng rằng kinh tế miền Nam, nhờ đó sẽ ổn định, do đó và từ đó — theo cái lô-gích

kiểu Mỹ ấy — sẽ là cơ sở vững chắc cho bộ máy chiến tranh xâm lược khổng lồ của Mỹ.

Khốn nỗi, thực tế đời sống kinh tế miền Nam lại khác hẳn cái mà giới cầm quyền Mỹ mong muốn; còn đi xa hơn thế, điều mà Nhà trắng không lường tới được: sự rối loạn chưa từng thấy trong đời sống kinh tế miền Nam.

Sự trái ngược cơ bản, oái oăm, phũ phàng như một cái bóng đen đang bao trùm lên xã hội miền Nam, xã hội bị thu hẹp lại chỉ còn 1/5 đất đai mà Mỹ ngay có thể tạm thời kiểm soát.

Cái gì đã làm cho những con cá mập thực dụng chủ nghĩa ở bên kia đại dương, có trong tay hàng ngàn máy tính điện tử tinh thể — loại máy tính hiện đại nhất — không tìm ra giải pháp cho tình trạng quái dị trên đây? Cái bí ẩn hay cái ẩn số đó nằm ở đâu?

I. DƯỚI NHỮNG ÁP LỰC CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, QUÂN SỰ, NỀN SẢN XUẤT MIỀN NAM BỊ ĐẨY VÀO TÌNH TRẠNG ĐÌNH TRỆ

Miền Nam Việt-nam, đúng hơn là Nam-bộ, vốn là một xứ sản xuất chủ yếu về nông nghiệp, nổi tiếng là vựa thóc của Đông-dương, đã có thời kỳ đứng hàng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu lúa gạo. Vào những năm 40 của thế kỷ này, miền Nam bán ra thị trường thế giới 1,2 triệu tấn, chiếm 60 — 70% tổng ngạch xuất khẩu.

Không khỏi kinh ngạc khi người ta nhìn vào tỷ trọng xuất khẩu gạo trong những năm gần đây. Toàn bộ số gạo xuất trong 8 năm (1954 — 1961) chỉ có 925.762 T. Như vậy gạo xuất của cả 8 năm chưa đuổi kịp một năm trước đây.

Điều làm cho người ta kinh ngạc hơn nữa là từ năm 1962, miền Nam ngừng xuất gạo. Không xuất được sản phẩm nông nghiệp chủ

yếu này, không phải vì vấn đề thị trường, mà là không có gì để bán. Nó báo hiệu thời đại « hoàng kim » của kinh tế nông nghiệp miền Nam kết thúc, đặt kinh tế miền Nam vào tình trạng nguy ngập.

Kinh ngạc hơn cả là miền Nam phải nhập gạo với khối lượng ngày càng lớn: 40.000T năm 1964; 70.000T năm 1965; 450.000T năm 1966 và 1.000.000T năm 1967. Cái hậu quả đường như kỳ lạ đó là ở sự vận động của nền sản xuất lúa gạo miền Nam, sự vận động thực

(1) Chỉ trong 2 năm 1965 — 1966, qua những số liệu công khai của Mỹ, thì Hoa-thịnh-đốn, đã đưa vào miền Nam 1.991.000 tấn hàng các loại.

lùi về sản xuất theo một đường xoáy tròn ốc, điểm trung tâm của nó là việc nhập 1 triệu tấn, xấp xỉ với năm xuất cao nhất.

Khảo sát bước đi của nền nông nghiệp miền Nam, người ta không thể không trở lại từ ngày mà miền Nam bị đặt vào quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Năm 1955, sau một năm Hoa-thịnh-đốn khai sinh ra nó, Ngô Đình Diệm, tên bù nhìn đầu tiên trong bọn bù nhìn, trong bản diễn văn, đọc tại đập Đồng-cam (9 - 55), bằng một giọng vô sỉ nói:

« Nếu chúng ta tăng cường sản xuất lúa gạo, chúng ta sẽ vấp phải một vấn đề nan giải: sự khó khăn về tiêu thụ ». Tiếp đó, Vũ Văn Thái, giám đốc ngân sách và viện trợ của ngụy quyền Sài-gòn, trắng trợn tuyên bố:

« Phải gấp rút giảm đến mức tối đa sản xuất lúa gạo ». Phải chăng gạo miền Nam không còn thị trường tiêu thụ? Câu trả lời nằm ngay trong bản báo cáo của tiểu ban lương nông quốc tế, (12-1956) thuộc Liên hiệp quốc:

« Từ năm 1954, những quốc gia thiếu lương thực đã phải nhập trên 4,5 triệu tấn (đặc biệt châu Á nhập: 3,6 triệu tấn; và năm 1956 nhập 5,6 triệu tấn (châu Á: 4 triệu tấn) ».

Giữa lúc nhu cầu về lương thực đang là vấn đề nóng hổi trên thị trường quốc tế, việc dựng lên một cách giả tạo một hiện tượng kinh tế: thiếu thị trường tiêu thụ để đi đến chỗ hạ thấp sản xuất lúa gạo đến mức tối đa, thì đó là một sự xuyên tạc một hiện tượng kinh tế; hơn cả sự xuyên tạc, là sự vi phạm ngay vấn đề cơ bản của kinh tế tức vấn đề sản xuất, sự vi phạm đang đầy cả Mỹ lẫn bọn bộ hạ của nó vào cái ngõ cụt ở miền Nam.

Nếu như ở đây yếu tố tắc nghẽn lưu thông lúa gạo trên thị trường thế giới do bọn xuân ngọc có môn bài ở dinh Độc lập lý giải như là nguyên nhân trực tiếp, để giam hãm nền sản xuất lúa gạo miền Nam vào tình trạng tẻ sản xuất giản đơn, đã bị loại ngay từ hiệp đầu ra ngoài vòng chiến đấu, thì vấn đề còn lại là ở đâu?

Hãy nhường lời cho tờ *Thời báo Mỹ* (*Times*):

« Chính sách của cơ quan viện trợ Mỹ không lợi cho nền sản xuất lúa gạo miền Nam. Vì Mỹ đã trở thành một nước xuất khẩu gạo quan trọng » (1). Chính sách của cơ quan viện trợ Mỹ không lợi cho sản xuất lúa gạo miền Nam như thế nào? Người ta biết rằng chương trình « lương thực phục vụ hòa bình », từ hồi mồ ma chính phủ Ken-ơ-di đã được coi như một công cụ lợi hại về ngoại giao của Hoa-thịnh-đốn để thâm nhập vào các nước thiếu lương thực. Từ năm 1959 đến năm 1961,

5 bản hiệp ước tay đôi ký kết giữa Mỹ và Diệm chỉ là việc hợp pháp hóa những thủ đoạn quen thuộc của những con cáo già ở nhà trắng mà một trong những mục tiêu là nhằm kìm hãm sản xuất lúa gạo miền Nam. Và điều đó, tạo cho Hoa-thịnh-đốn điều kiện chiếm ưu thế tuyệt đối trên thị trường lương thực: Về khối lượng hàng cũng như về giá cả, phù hợp với khát vọng của Mỹ về kinh tế cũng như về chính trị.

Nội dung của vấn đề tuy rất đơn giản, nhưng bọn thừa hành chính sách của Mỹ ở Sài-gòn khi thực hiện lại phải che giấu sự thật, bằng cách gán một sự kiện kinh tế vốn không có trong thực tế như trên đã nói cho sản xuất lúa gạo và dựa vào sự bịa đặt đó làm điểm xuất phát để kết liễu thị trường quốc tế cổ truyền của lúa gạo miền Nam. Một trong nhiều vấn đề ảnh hưởng đến tình trạng giảm sút sản xuất nông nghiệp miền Nam là từ năm 1955 đến năm 1960, Sài-gòn phải nhập 6 tỷ đồng lúa mì, đường và sữa. Đi theo con đường mà Nhà trắng đã vạch ra, thật không có gì ngạc nhiên khi người ta thấy ngân khoản dành cho nông nghiệp của ngụy quyền Sài-gòn chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong toàn bộ ngân sách: 0,85% năm 1957; 1,10% năm 1958; và 1,2% năm 1959.

Một vấn đề lớn khác gọi là cải cách điền địa mới thoát nhìn tưởng như không liên quan đến tình trạng suy đồi sản xuất lúa gạo miền Nam, trong thực tế, là đòn đánh mạnh vào sản xuất. Cải gọi là cải cách điền địa, diễn ra từ năm 1955 chẳng những nhằm tước đoạt ruộng đất của nông dân đã thu được từ trong cuộc chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp, mà còn đồng thời nhằm khôi phục lại những thế lực phong kiến lỗi thời làm cơ sở xã hội ở nông thôn cho chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ.

Cướp đoạt ruộng đất của nông dân tức là tách rời ruộng đất, tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp ra khỏi người sản xuất, có nghĩa là đánh ngay vào nông dân, người sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp; và điều đó gây ra cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt, quyết liệt làm chuyển động nông thôn.

Đi đôi với chính sách cải cách điền địa phản động ấy là hàng loạt các biện pháp thâm độc khác: « dinh điền », « khu trừ mật », « ấp chiến lược », « ấp tân sinh », nhằm phân tán lực lượng của nông dân, hòng đè bẹp sức phản kháng của nông dân. Cùng với những biện pháp đó là các tổ chức « hợp tác xã », « hiệp

(1) *Thời báo* số ra ngày 13-9-1958.

hội nông dân », « nông tín cuộc » mọc ra như nấm để không chế, bóp nặn nông dân cực kỳ tàn nhẫn.

Vấp phải sức đấu tranh mãnh liệt của nông dân, cuộc cải cách điền địa đã phá sản. Ngày nay, trước nguy cơ đó, Thiệu Kỳ núp dưới danh nghĩa « chương trình kiến thiết nông thôn » tiến hành một cách tuyệt vọng âm mưu chống nông dân. Những tên địa chủ phản động, theo sau lưôi lê của Mỹ — nguy, trở về nông thôn, nuôi ảo tưởng chiếm lại ruộng đất và thu tô.

Từ năm 1960, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng, cuộc đấu tranh yêu nước vĩ đại của nhân dân miền Nam phát triển như vũ bão, thu hẹp vùng Mỹ nguy kiểm soát vùng giải phóng rộng đến 4/5 đất đai với hơn 10 triệu dân. Trên một diện tích hai triệu héc-ta ruộng đất, tức 3/4 diện tích ruộng đất trồng trọt mà nông dân đã giành được, đang sản xuất cho cuộc kháng chiến thần thánh chống xâm lược của thực dân Mỹ và tay sai (1).

Một yếu tố làm đảo lộn quá trình sản xuất nông nghiệp, hủy hoại lực lượng sản xuất là sự phá hoại của quân đội Mỹ — nguy. Dựa vào sắt, thép, lửa, với những thủ đoạn cực kỳ tàn bạo, man rợ « giết sạch, đốt sạch, phá sạch », các cuộc hành quân hàng sư đoàn Mỹ — nguy, liên tiếp diễn ra ở khắp nông thôn miền Nam. Cái gọi là « chiến tranh lúa gạo » đánh vào nông dân vào sản xuất nông nghiệp, nguồn sống của nông dân, tiến hành trên một quy mô rộng lớn. Theo những số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1963 đến năm 1966, số lúa gạo bị đốt cộng đã trên 200.000t; 1,5 triệu héc-ta ruộng đất bị phá hủy bởi bom đạn và các chất độc hóa học; 22.000 trâu bò, sức kéo chủ yếu trong nông nghiệp — vốn đã thiếu nghiêm trọng — bị giết hại.

Trong khi sản xuất lúa gạo ở miền Nam bị hủy hoại thì ở bên kia đại dương, Hoa-thịnh-đốn khuyến khích bọn tư bản trồng lúa tăng thêm diện tích trồng trọt. Chỉ trong 3 tháng 7,8,9 năm 1965, việc xuất gạo vào miền Nam đã mang lại cho các công ty sản xuất lúa gạo Mỹ 41 triệu đô-la lãi. Từ đó, Mỹ bán ra ngoài 3/5 số gạo sản xuất (2), nghiêm nhiên trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới (3), sau khi gạt lúa gạo miền Nam, đổi thủ lợi hại của nó, ra khỏi thị trường quốc tế, còn đẩy vào tình trạng phải nhập gạo Mỹ với khối lượng ngày càng lớn.

Sau lúa gạo, cao-su là sản phẩm trọng yếu thứ hai về xuất khẩu. Nam-bộ sản xuất hàng năm trên dưới 70.000t, nhưng 90% lại thuộc về tư bản Pháp. Do số vốn đầu tư quan trọng

(khoảng 1 tỷ đồng miền Nam vào những năm 1955 — 1958) và việc áp dụng kỹ thuật trồng trọt mới v.v... sản xuất cao-su trong những năm 1958 — 61 đã vượt xa năm 1940. Từ chỗ chiếm 14% đến 60% giá trị hàng xuất khẩu, cao-su trở thành nguồn thu chủ yếu về ngoại tệ của chính quyền bù nhìn. Tuy nhiên, từ năm 1963, sản lượng các đồn điền cao-su đã bắt đầu giảm sút. Năm 1964, sản lượng giảm 2.000t so với năm 1963; năm 1965 sụt 18% so với năm 1964; năm 1966 sụt 21,2% so với năm 1965. Do đó số cao-su xuất khẩu năm 1965 giảm 50% so với năm 1963. Sự giảm sút đó là do phần lớn các đồn điền cao-su đã trở thành bãi chiến trường của Mỹ — nguy.

Các ngành sản xuất khác dậm chân tại chỗ :

Tình trạng các ngành sản xuất vật chất khác : Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp cũng không có gì sáng sủa hơn. Ngay từ khi miền Nam bị biến thành cái chợ tràn đầy hàng hóa Mỹ, thì một sự cạnh tranh gay gắt đã nổ ra giữa hàng nhập và hàng nội địa và điều đó ảnh hưởng rất lớn tới nền sản xuất dân tộc. Hàng càng nhiều, càng gây ra sự chen lấn đối với sản xuất dân tộc, khối hàng nhập lại đặc biệt lớn từ khi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Mỹ tiến hành ở miền Nam. Trong khói lửa của cuộc chiến tranh tàn bạo đó, vô số thợ chuyên nghiệp, bị bọn bù nhìn Sài-gòn cưỡng bức đi làm bia đỡ đạn cho Mỹ — nguy, hoặc phải làm việc cho các công ty Mỹ chuyên về các công trình quân sự : đường chiến lược, quân cảng, sân bay v.v... (riêng hai công ty R.M.K — B.R.J hút tới 52.000 thợ). Trong khi lực lượng lao động bị xáo trộn, điện lại thiếu, giá điện quá cao (Sài-gòn thiếu 20.000kw, tức 1/4 số nhu cầu, và 1kw đắt hơn 20 lần so với Nhật-bản) thì làm thế nào mà sản xuất không bị gián đoạn ?

Bị uy hiếp nặng nề nhất là ngành dệt và ngành đường, hai ngành sản xuất cổ truyền ở miền Nam. Vào năm 1957, ngành dệt là ngành phát triển nhất lên tới 12.958 khung dệt (7.500 khung tay và 5.568 khung máy). Mười năm sau (tháng 6-1967), hai phần ba số khung đó bị tê liệt. Như mọi người đều biết, miền Nam chẳng những nhập thiết bị máy móc mà còn nhập cả nguyên liệu. Riêng nguyên liệu dệt nhập của Mỹ trong 3 năm trở lại đây

(1) Giải quyết được vấn đề ruộng đất, điều đó làm thay đổi quan hệ giai cấp ở nông thôn : cổ nông không còn ; trung nông cũ và mới chiếm 60% v.v...

(2) (3) Theo báo *New York Times* (ngày 21-2-66 và báo *Wall street* tháng 12-1966).

đất gấp đôi so với nguyên liệu nhập của Ấn-độ. Đặc biệt trong năm 1966, việc nhập 57 triệu mét vải (hơn hai lần so với năm 1964 — 65), làm cho 2.000 khung ngừng hoạt động, ném ra vĩa hè hàng ngàn thợ và thợ thủ công, và 30 triệu mét vải không tiêu thụ được, mặc dù bán dưới giá chính thức. Đến ngay cả những sản phẩm của các xí nghiệp dệt hiện đại: Vinatexco, Vimytex, Scinova, có vốn của tư bản Mỹ và đồng minh cũng không bán được. Khối lượng hàng ứ đọng khá lớn: 900t sợi 20/1, 30/1; 100t 6/61, 10/1 và 7,5 triệu mét vải.

Vừa bị các chính sách của Mỹ — nguy làm trở ngại, vừa bị chiến tranh xâm lược tàn phá, nông nghiệp không sao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp. Do thiếu nguyên liệu, do sự chênh lệch về giá cả giữa đường nhập và đường nội, ngành sản xuất đường dân tộc hầu như không còn hoạt động. Thị trường miền Nam tràn ngập đường Mỹ.

II. SỰ RỐI LOẠN TRONG CÁC NGÀNH KINH TẾ, TÀI CHÍNH NHẬP SIÊU NGHIÊM TRỌNG

Đặc điểm nổi bật của ngoại thương miền Nam là tình trạng nhập siêu nặng nề và kéo dài. Trước năm 1962, giá trị hàng xuất khẩu — chủ yếu là nông sản chưa bao giờ vượt quá 3 tỷ đồng miền Nam, trong khi ấy thì giá trị hàng nhập lại gấp 3 lần hàng xuất.

Ngày nay, miền Nam hầu như không còn gì để xuất, trái lại chẳng những phải nhập nguyên liệu, vật phẩm tiêu dùng mà còn phải nhập cả lương thực, thực phẩm. Rõ ràng sự suy đồi về sản xuất lúa gạo, cùng với lúa gạo là cao-su và các sản phẩm khác đã ảnh hưởng lớn tới đời sống của nhân dân, tới vận mệnh nền kinh tế miền Nam.

Nếu như sự chênh lệch về cán cân ngoại thương là nguy cơ đe dọa nền độc lập của bất cứ nơi nào nhập siêu, thì ở đây việc không còn hàng để xuất, nói lên sự suy sụp nghiêm trọng của sản xuất, sự lệ thuộc hơn bao giờ hết của kinh tế miền Nam vào viện trợ Mỹ. Ngay từ năm 1952, thượng nghị sĩ Mỹ M. Men-phin đã phải thừa nhận:

«Người ta không thể chối cãi được sự kiện là sau nhiều năm viện trợ rất lớn cho Nam Việt-nam thì sự lệ thuộc của xứ này vào viện trợ tăng lên chứ không phải giảm đi» (1).

Cách đây không lâu, L. Ô Bơ nguyên chủ tịch những người Pháp xuất khẩu gạo ở Đông-dương, nêu ra một giải pháp:

«Nếu miền Nam lấy lại được mức xuất khẩu gạo khoảng 1,2 triệu tấn thì điều đó sẽ

Giống như việc vi phạm quy luật vật lý mà sức tác động mù quáng đập tan ngay khi nó đụng vào bất cứ vật nào, thì ở đây các chính sách kinh tế, chính trị... của Mỹ — nguy, nhất là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, trên thực tế đã gây ra những tai họa không lường được đối với nền sản xuất miền Nam, đối với toàn bộ hoạt động của kinh tế miền Nam. «Không lúc nào bằng lúc này — từ *Chấn hưng kinh tế*, (xuất bản ở Sài-gòn số ra ngày 6-6-68) than thở — thảm họa chiến tranh gây ra sự cực khổ cơ hàn trong dân chúng, phá phần lớn cơ sở sản xuất, tạo tình trạng xáo trộn trong xã hội, làm tê liệt các ngành sinh hoạt trong công thương, gây khó khăn đến tột độ cho công cuộc tiếp tế và kiểm soát giá cả».

Khi mà sản xuất, động lực của đời sống kinh tế bị hãm vào tình trạng đình đốn, thì hoạt động của các ngành kinh tế khác sẽ như thế nào?

xóa bỏ được tình trạng nhập siêu nặng nề của ngoại thương».

Trong điều kiện hiện nay của miền Nam, thì làm thế nào mà có thể có một số gạo lớn như thế để xuất khẩu, nhất là khu vực mà nguy quyền Sài-gòn còn tạm thời kiểm soát như trên đã nói chỉ còn 1/5 diện tích đất đai? Năm 1966, không kể 450.000 tấn gạo và dụng cụ chiến tranh đưa vào miền Nam, giá trị hàng nhập đã lên tới 47.813 triệu đồng, gấp 4 lần so với năm 1965, trong khi ấy giá trị hàng xuất lại chỉ có 5,5%.

Nhìn vào cơ cấu nhập cảng người ta thấy hàng tiêu dùng và nông phẩm chiếm đến 62%. Trong 47.813 triệu đồng hàng nhập thì 24% là xe cộ (phần lớn là xe du lịch), 13% hàng dệt (2/3 là vải tổng hợp), 13% thực phẩm, 12% các hàng tiêu dùng (tủ ướp lạnh, điều hòa nhiệt độ, đài thu thanh...) v.v...

Rất rõ ràng là trong khung cảnh mà sự chênh lệch về cán cân ngoại thương đã đến đỉnh cao của nó, thì bọn quái vật ở Sài-gòn, không hy vọng gì ở sản xuất nội địa, chỉ còn trông mong vào viện trợ. Hiện tượng vốn không bình thường này bắt nguồn từ chỗ miền Nam nhập hàng không phải do ngoại tệ của nó mà là nhập hàng trong khuôn khổ viện trợ thương mại hóa Mỹ, do đô-la Mỹ đài thọ. Nói cách khác là có nhập được nhiều hàng

(1) *New York times* 18-3-1962.

viện trợ, thì bọn bù nhìn ở miền Nam mới sử dụng được nhiều viện trợ. Càng nhập nhiều hàng, nền sản xuất nội lại càng bị bóp nghẹt, rút cục lấy đâu ra hàng xuất. Như vậy, cán cân ngoại thương càng chênh lệch, kinh tế miền Nam do đó càng bị cái thông lọng viện trợ Mỹ xiết chặt.

Thông thường, sự bù đắp lỗ hổng trong cán cân ngoại thương miền Nam khoảng từ 300 đến 400 triệu đô-la; nhưng trong tình hình mà nền sản xuất bị hạ thấp đến thế, sự chi phí cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ phình ra rất lớn do gánh nặng ghê gớm của trên 50 vạn quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, thì nền tài chính, tiền tệ của ngụy quyền không thể không bị đặt trước những vấn đề gai góc và phức tạp.

Tiền bị phá giá, lạm phát bành trướng, thuế khóa nặng nề.

Một trong những nét tiêu biểu của đời sống kinh tế miền Nam (vùng Mỹ, ngụy còn tạm thời kiểm soát) là nạn lạm phát đang từ nước phi trở thành nước phi như gió, theo lối nói của báo chí Mỹ thì nạn lạm phát đang đe dọa «xé cái xã hội nhỏ yếu miền Nam ra từng mảnh nhỏ».

Cơn lốc của nạn lạm phát, hiềm như không phải bắt nguồn từ sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán quốc tế (sự thiếu hụt do viện trợ Mỹ bù đắp). Trước hết, nó phát sinh từ chỗ chi quá nhiều cho cuộc chiến tranh mà đế quốc Mỹ đang tiến hành ở miền Nam. Việc chi quá nhiều ấy như ai nấy đều biết biểu hiện ở chỗ tăng lên không ngừng của ngân sách. Nếu như so với ngân sách năm 1955 là 8,9 tỷ đồng miền Nam thì năm 1961 năm đầu của cuộc chiến tranh đặc biệt lên tới 16,6 tỷ; năm 1965, năm đầu của cuộc chiến tranh cục bộ tăng lên 46 tỷ và đến năm 1967 vọt lên 75 tỷ (theo dự toán). Như vậy trong vòng 13 năm (1955—1967) ngân sách tăng 8,5 lần; trong 7 năm (1961—1967) tăng 4,6 lần, và trong 3 năm (1965—1967), tăng 1,6 lần.

Trong khi số thu cho ngân sách (bao gồm cả nguồn thu vì viện trợ) không sao bù nổi số chi quá lớn đó. Số thu trong 3 năm (1965—1967) là 120,5 tỷ (viện trợ Mỹ 61 tỷ, tính ra tiền miền Nam, thuế 59,5 tỷ) trung bình hàng năm thu 40 tỷ. Riêng năm 1967, số thu chỉ bằng 2/3 số chi. Số thiếu hụt ngân sách trong 7 năm (1961—1967) đã lên tới 81 tỷ (trong 5 năm 1961—1965 hụt: 46 tỷ (1), năm 1966: 17 tỷ, năm 1967: 18 tỷ).

Đứng trước tình trạng đặc biệt nghiêm

trọng về tài chính: nguồn ngoại tệ khô kiệt (ngoại tệ do ngoại thương mang về tụt xuống gần con số khoảng 5,5%), viện trợ Mỹ cũng chỉ bù được 1/5 ngân sách, ngân thu bằng thuế—dù đã tăng thuế đến mức cao nhất đang bị hẹp lại (số dân còn có thể kiểm soát chỉ còn 1/4), ngụy quyền Sài-gòn chỉ còn cách phát hành thêm tiền giấy, một thứ giấy tiền không có bảo đảm bằng hàng hóa hay vàng.

Do đó khối lượng tiền giấy ban hành ở miền Nam, qua số liệu công khai, từ 24,7 tỷ (tháng 12-1964) tăng lên 41,2 tỷ (tháng 9-1965), 59 tỷ (tháng 10-1966). Theo Âu Trường Thanh, Cựu tổng ủy kinh tế thì năm 1965 lạm phát đã trên dưới 28 tỷ, tới cuối năm 1966 sẽ lên tới 75 tỷ (2). Như vậy theo sự tính toán, số tiền lạm phát sẽ bằng toàn bộ số tiền dành cho ngân sách năm 1967.

Nguy cơ lớn thứ hai làm tăng thêm tình trạng vốn hiềm nghèo của nền tài chính, tiền tệ miền Nam, là việc Hoa-thịnh-đốn ném quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu vào cuộc phiêu lưu quân sự ở miền Nam. Từ cuối tháng 8 năm 1965, ngụy quyền hàng tháng phải bỏ ra 1,2 tỷ đồng đổi lấy *đô-la đỏ*, một thứ quân phiếu không có giá trị trên thị trường chứng khoán quốc tế, với tỉ giá chính thức 1 *đô-la đỏ* ăn 118đ. Riêng 5 tháng cuối năm 1965, chính quyền bù nhìn phải đưa ra 6 tỷ đổi lấy *đô-la đỏ*. Số quân viễn chinh Mỹ năm 1966 tăng gấp 2 lần so với năm 1965 và năm 1967 tăng 3 lần so với năm 1965, số tiền đem đổi lấy *đô-la đỏ*, tăng lên tương ứng: từ 6 tỷ lên 28,8 tỷ rồi 43,2 tỷ. Số tiền đổi lấy *đô-la đỏ* trong 3 năm (8-1965—1967) lên tới 78 tỷ.

Rốt cuộc, sự thiếu hụt về ngân sách trong 3 năm (1965—1967) khoảng 57 tỷ đòi hỏi phải bù bằng số tiền giấy in thêm ra, và số tiền 78 tỷ đổi *đô-la đỏ*, làm cho khối lượng tiền giấy ném vào lưu thông đã tăng lên lại phình ra khủng khiếp.

Đó là chưa kể hàng năm phái đoàn quân sự Mỹ phải chi trên dưới 24 tỷ, bọn lính chư hầu đánh thuê, chuyên gia của phe Mỹ cũng phải bỏ tiền ra tiêu. Trong khi ấy, lính Mỹ lợi dụng sự chênh lệch giữa tỷ giá hối đoái chính thức và hối đoái tự do gây ra sự rối loạn trên thị trường hối đoái: 1 *đô-la đỏ* đổi lấy 125—130 có khi 140đ và 1 *đô-la xanh* đổi lấy 170—175đ (tỷ giá chính thức là 135đ). Tóm lại, sự chi phí quá lớn cho ngân sách, đặc biệt là việc quân viễn chinh Mỹ ồ ạt kéo vào miền

(1) Riêng năm 1965 số thiếu hụt về ngân sách lên tới 22 tỷ.

(2) Đài Sài-gòn ngày 16-5-1966.

Nam đã trở thành nguy cơ trực tiếp, chủ yếu gây ra nạn lạm phát trầm trọng, sự khủng hoảng về tiền tệ ở miền Nam.

Nhận xét về nguy cơ của nạn lạm phát ở miền Nam, tạp chí Mỹ *Phước-tuyn (Fortunes)* số ra tháng 2-1966 viết:

« Các quan chức Mỹ và Việt-nam sợ rằng nạn lạm phát có thể phá hoại chính phủ (nguy quyền) ngay trong khi tình hình quân sự đã chuyển hướng tốt hơn ».

Khốn nỗi đội quân viễn chinh Mỹ từ ngày nhảy vào miền Nam, không tiến được một tấc đất nào, thua hết trận này đến trận khác, do đó từ 45 vạn năm 1967 đã tăng lên trên 50 vạn năm 1968. Thua trận, tăng quân, tăng quân đưa đến tăng lạm phát. Lạm phát không ngừng bành trướng làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn xã hội, đe dọa sự tồn tại của chính quyền bù nhìn trụ cột của chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ.

Trước tai họa ghê gớm của nạn lạm phát lan rộng, mùa hạ năm 1966, chính quyền bù nhìn đưa ra một loạt biện pháp gọi là những biện pháp kinh tế tài chính 18-6-1966, hy vọng có thể ổn định tình hình sau một thời gian 3 tháng (!). Dưới đây là 4 điểm chính của những biện pháp « nổi tiếng » đó:

1. Tăng lương cho công chức, quân nhân.
2. Ấn định lại hối suất cho đồng bạc Việt-nam là 80đ cho mỗi mỹ kim kể từ ngày 18-6-1966. Bãi bỏ thị trường tự do, chế độ 5/7 và quỹ đặc biệt đổi mỹ kim của quân nhân Mỹ.
3. Bán vàng cho tất cả các tiệm kim hoàn.
4. Hợp lý hóa đề đi đến chỗ giải tỏa mọi sự kiềm chế trong hoạt động thương mại và kỹ nghệ...

Trước hết, hãy xem xét cái gọi là ấn định cái hối suất cho đồng tiền miền Nam. Như mọi người đều biết, ngay từ năm 1955, Mỹ — nguy đã ấn định hối suất chính thức 35đ ăn một đô-la. Hối suất đó ngay từ khi ra đời đã không dựa vào một cơ sở thực tế nào, do đó bên cạnh hối suất đó, một hối suất khác xuất hiện trong khuôn khổ « thị trường tự do có hạn chế », cụ thể là 72—75đ ăn một đô-la, dành cho việc thanh toán tiền điều trị của Mỹ và đồng minh...

Bảy năm sau (tháng 12-1961), chính quyền Diệm ấn định lại hối suất dưới danh nghĩa sắc thuế 5/7. Theo ấn định này, mỗi đô-la sử dụng vào việc nhập hàng hay chi tiêu ở ngoài nước, ngoài hối suất 35đ, phải chịu thêm 25đ thuế v.v... Thế là hối suất đồng tiền miền Nam từ 35đ đi đến 60đ đối với 1 đô-la, nói cụ thể hơn là 60đ miền Nam ăn một đô-la, tuy rằng về *danh nghĩa* nó vẫn giữ hối suất chính thức 35đ ăn một đô-la. Tóm lại đồng tiền

miền Nam bị *phá giá* 71,42% so với đồng đô-la. Đó là *lần phá giá thứ nhất*.

Và sáu năm sau, (tháng 6-1966) chính quyền bù nhìn một lần nữa ấn định trên *danh nghĩa* hối suất đồng miền Nam: 80đ ăn một đô-la. Trên thực tế, hối suất 60đ một đô-la đã không còn tồn tại từ tháng 8-1965, ngày mà nó buộc phải chấp nhận tỷ giá chính thức 118đ 1 *đô-la đỏ* và 135đ một *đô-la xanh*. Như vậy không phải là từ hối suất 60 đến 80đ, mà là 118đ đối với 1 *đô-la đỏ* và 135đ đối với *đô-la xanh*. Rốt cuộc, cái gọi là ấn định lại hối suất tiền tệ chỉ là sự *phá giá lần thứ hai đối với đồng tiền miền Nam* (về *danh nghĩa* là 128,5% so với hối suất 60đ). Sự phá giá thực tế của đồng miền Nam là 99,6% đối với *đô-la đỏ* và 125% đối với *đô-la xanh*. Như trên, người ta đã thấy, tỷ giá đồng miền Nam đối với *đô-la đỏ* và *đô-la xanh* đã giữ được từ tháng 8-1965. Tuy thế, những biện pháp ấn định lại hối suất, lại chỉ công bố sau gần một năm (tháng 6-1966), tức là chỉ hợp pháp hóa « một việc đã rồi sau gần một năm ». Việc phá giá một lần nữa đồng tiền miền Nam trên *danh nghĩa*, cũng giống như lần phá giá trước, mang hình thức « ấn định lại hối suất », nhằm đánh lừa trực quan của công chúng để che đậy cho việc móc túi đại quy mô nhân dân.

Lạm phát nặng nề, đồng tiền miền Nam bị phá giá, thị sự rối loạn về thị trường hối đoái là điều không tránh khỏi. Không những lính Mỹ lợi dụng sự chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá tự do của đồng đô-la, mà người ta còn vét đô-la xanh mua vàng ở Hồng-kông, đem bán lại ở miền Nam. Như vậy là tiền miền Nam mua đô-la, đô-la mua vàng, vàng đem bán lại để mua đô-la..., cái vòng chu chuyển ấy, diễn ra và tái diễn không ngừng. Ở đây sức mạnh đô-la của Mỹ, chẳng những đã tỏ ra không có hiệu trước sự rối rắm của tiền tệ trên thị trường miền Nam, mà bản thân nó cũng bị thu hút ngay vào quỹ đạo lưu thông tiền tệ ở đó.

Sau ngày 18-6-1966, giá một đô-la xanh trên thị trường tự do, từ 175đ lên 218đ. Trước tình hình như thế thì biện pháp bán vàng giữ vai trò như thế nào? Chính quyền bù nhìn có vàng hay có ngoại tệ để nhập vàng, đem bán cho dân chúng không? Về vấn đề này, Nguyễn Cao Kỳ buộc phải thừa nhận:

« Số ngoại tệ sở hữu năm 1962 là 200 triệu mỹ kim, nếu không kể vàng và số ngoại tệ sở hữu hiện nay là 85 triệu mỹ kim thì chỉ đủ chi vàng trong sáu, bảy tháng » (1).

(1) Đài Sài-gòn ngày 19-6-65.

Thế nhưng đề đánh lạc hướng dư luận, về việc không có vàng bán, bọn bù nhìn tung ra dư luận « bán vàng nhiều thì người ta sẽ tìm cách đưa vàng sang các nước lân cận ». Phần nộ trước sự quất quéo, bóp méo sự thật, báo *Tia sáng* lột trần cái thủ đoạn đã thành cổ tặc đó của chính quyền Sài-gòn, mặc dầu như thế có trái ý bọn bù nhìn thế nào đi nữa : « Chính phủ (ngụy quyền) có đủ ngoại tệ để nhập vàng tự do không? Có đủ vàng để bán không? Khi đồng bạc Việt-nam (miền Nam) vững giá thì không ai đào tẩu vốn ra ngoại quốc. Nên nhận rằng khi tình hình suy sụp về mọi mặt kinh tế, tài chánh, chánh trị, quân sự thì đến ngai cũng sẽ đào tẩu. Còn như cứ để tình trạng này tiếp diễn... thì đồng bạc càng ngày càng lâm vào nạn lạm phát, phá giá. Bạc Việt-nam (miền Nam) có thể sụt giá đến 200 hay hơn nữa đối với đô-la Mỹ » (1).

Phải nói là đa số trường hợp chuyển vàng ra nước ngoài thường xảy ra đối với bọn bù nhìn khi nó đánh hơi thấy tình hình nguy ngập đe dọa sự tồn vong của nó. Trên một góc độ nào đó, việc bán vàng tự do cho dân chúng lại là mưu mẹo rút vàng ở công khổ hay vàng nhập, để bọn bù nhìn thông qua tay chân, dưới hình thức mua bán, chuyển vốn ra nước ngoài.

Nếu việc bán vàng tự do theo giá quy định chính thức : 10.500đ một lượng được thực hiện, thì vì sao giá vàng sau ngày 18-6-1966 lại từ 9.780đ lên 23.000đ, tức tăng gấp đôi so với giá chính thức? Nhìn vào hai trong bốn biện pháp kinh tế tài chính « trừ danh » ấy, người ta không thể không đặt ra câu hỏi : những biện pháp còn lại có đi đến đâu không? Nhưng để hiểu rõ tác dụng « màu nhiệm » có thể « ổn định được tình hình trong 3 tháng » như đã rao trước, chúng ta tiếp tục theo dõi những biện pháp « bắt hủ » đó rồi hãy phán đoán.

Vậy thì cái sự giải tỏa mọi hoạt động thương mại và kỹ nghệ nhằm mục đích gì? Vì sao giải tỏa? Việc hủy bỏ sự kiểm chế trong thương mại, và kỹ nghệ không có gì khác hơn việc mở rộng hàng nhập cảng, coi đó như một sự tăng thêm hàng, do đó có thể tạo ra sự cân đối nào đó đứng giữa tiền và hàng, nhằm chống đỡ nạn lạm phát ghê sợ đối với Mỹ — ngụy. Việc mở rộng hàng nhập cảng không chỉ thuần túy với thương nghiệp mà bao gồm cả công nghiệp. Vì sao? Vì kỹ nghệ miền Nam như mọi người đã biết vẫn là một thứ kỹ nghệ gia công, chẳng những phải mua của ngoại quốc thiết bị máy móc, mà còn cả nguyên liệu bằng cách qua các hãng trung gian nhập cảng, không trực tiếp đến các cơ sở sản xuất, điều đó làm cho giá

hàng nguyên liệu nhập cao lên, sản phẩm nội hóa do đó cũng quá cao so với hàng ngoại. Tuy nhiên, việc nhập nhiều hàng vào miền Nam cũng không đơn giản. Trước hết, đối ngay với bản thân thương gia vẫn quen lối buôn bán theo từng đợt tháo khoán ngoại tệ định kỳ, nay đứng trước việc nhập không còn hạn chế như trước không khỏi lúng túng : các thứ thuế quan, thuế môn bài tăng lên, cùng với các thứ thuế đó, họ phải thỏa mãn đòi hỏi về số tiền ký quỹ lớn ; do đó họ lâm vào tình trạng thiếu vốn. Riêng số tiền thuế đánh vào trên 40 loại hàng nhập đã mang lại cho ngụy quyền 5 tỷ đồng thì rõ ràng như thế giá hàng nhập cao lên. Ngoài ra, nạn kẹt cảng, giải tỏa các cảng cũng vẫn là vấn đề nan giải, ảnh hưởng đến giá hàng. Hàng ngày, khoảng 30 tàu không được cập bến, do đó các hãng tàu đòi thêm 10% cước phí chuyên chở và 50% tiền kẹt bến. Số hàng bị ứ đọng ở các cảng, bị hư hỏng mất mát khá lớn 20% — 50% tổng số hàng nhập. Do tất cả những yếu tố đó, giá hàng nhập lại càng cao.

Giá hàng nhập càng cao thì việc tiêu thụ lại không dễ dàng, sự cân đối giữa tiền và hàng, dựa vào hàng viện trợ, càng khó thực hiện, và như vậy nạn lạm phát vẫn hoành hành trong khi hàng nhập bị ứ đọng. Vì vậy, báo *Chính luận* đã đi đến kết luận :

« Để giữ vững giá cả hàng hóa, người ta nghĩ đến việc tăng số lượng. Nhưng trong hiện tình của đất nước, việc tăng số lượng hàng hóa để thu kịp mức giá tăng của khối bạc lưu hành hoặc để quân bình nền kinh tế chỉ là một ước mơ, một ảo mộng...

Đa số đồng bào không làm ra tiền, không còn sức mua. Nạn ứ đọng dẫn đến khủng hoảng thừa chưa lường nổi hậu quả thì giá tiền công nghệ lại lên tiếng kêu cứu » (2).

Và bây giờ đây, thì không còn nghi ngờ gì nữa biện pháp giải trừ mọi hoạt động thương mại và kỹ nghệ lại làm mai một ngay các hoạt động thương mại và kỹ nghệ. Mỗi bước tiến mới của hàng Mỹ nhập vào miền Nam, đồng thời cũng là một bước tiến mới của tình trạng ứ đọng hàng, một bước tiến mới của sự chèn lấn nền sản xuất dân tộc ngược lại với mục tiêu của sự cân đối giữa tiền và hàng mà việc tăng cường khối lượng hàng viện trợ đặt ra cho nó. Sự thiếu hụt trầm trọng của

(1) *Tia sáng* số ra ngày 24-6-1966.

(2) *Chính luận* số ra ngày 29-4 và 14-11-1966.

yêu sách, việc chi tiêu ghê gớm của đội quân viễn chinh Mỹ, đồng tiền miền Nam bị phá giá nặng nề, nạn lạm phát bành trướng dẫn đến một biến đổi ! giá cả tăng lên vùn vụt.

Qua những số liệu thống kê về chỉ số giá cả công khai của chính quyền bù nhìn, bao giờ cũng thấp hơn thực tế — thì 3 tháng đầu năm 1965 giá cả tăng 44%, lên 62,4% 3 tháng cuối năm, so với cùng thời gian đó của năm 1962, như vậy tăng trung bình 42% trong 6 tháng.

Một tháng sau khi biện pháp kinh tế 18/6 ra đời, giá cả lại vọt lên : thịt tăng 70%, cá tươi 80%, cá khô 81%, rau muống 100%.

Nếu so cùng với thời gian này năm 1965, thì giá cả tăng gấp 2,3 lần, có thứ 4,5 lần : gạo tăng gấp đôi, thịt lợn, cá, gà, vịt v.v... tăng gấp 3, xe hơi gấp 5.

Chính tình hình đó đã đưa hãng A. B. đến nhận xét :

“Giá sinh hoạt ở Nam Việt-nam, một nhân tố lớn trong cuộc chiến tranh chính trị ở đây đã tăng lên và có thể có nguy cơ không khác phục nổi. Trong vòng 5 tháng trở lại, đây giá sinh hoạt đã tăng từ 22 đến 24% và nguy cơ thật sự sẽ diễn ra trong 6 tháng cuối năm 1967”.

Một yếu tố khác, không kém quan trọng, tham gia vào việc tăng giá sinh hoạt là việc tăng thuế. Bản thân việc tăng thuế đặt chính quyền bù nhìn trước một mâu thuẫn ; không tăng thuế thì không thu được tiền về cho ngân sách, mặt khác tăng thuế lại tăng thêm giá cả vốn đã quá cao lại cao vọt lên.

Trong quý hai năm 1965, thuế hàng tiêu dùng tăng 33%, thuế hàng nhập trong năm 1966 tăng 27%, và năm 1967, theo dự toán, sẽ tăng lên 55%, so với năm 1966.

Đã đến mức độ mà việc tăng thuế trở thành đối lập gay gắt với sức mua của nhân dân, do đó đối lập với việc tiêu thụ hàng hóa, để ra tình trạng ứ đọng hàng hóa : hàng nội cũng như hàng ngoại, gây ra phản ứng trong nhân dân và ngay cả trong nội bộ nguy quyền.

Bản thuyết trình của trưởng ban kinh tế đô thành Sài-gòn trong khóa họp tháng 4 năm 1966 đã nói lên phản ứng dây chuyền đó :

« Tổng trưởng kinh tế đã ký nghị định tăng thuế nhập cảng cho tất cả các hàng hóa nhập (bao gồm cả lương thực, thực phẩm T.B.) nên vật giá tăng một cách kinh khủng. Giá mọi

vật phẩm đã lên không thể hạ xuống được. Có thể nói việc tăng thuế đã gây quá nhiều hoang mang cho dân chúng mọi giới về phương diện tâm lý cũng như vật chất. Nạn chợ đen, nạn chuyển ngân bất hợp pháp, nạn khan hiếm giả tạo đều do sự hoang mang và mất tin tưởng về giá trị đồng bạc ».

Vậy thì biện pháp tăng lương cho binh sĩ và công chức đã mang lại kết quả gì ? Sức mua của những người này nhờ đó có thể được tăng lên để tiêu thụ hàng Mỹ nhập không ?

Lá thư của một nhóm binh sĩ gửi Nguyễn Cao Kỳ, đã tổng kết biện pháp đó ra khỏi “cái hầm trú ẩn cuối cùng” của 4 biện pháp “màu nhiệm” ấy, biện pháp mà cả Hoa-thịnh-đốn lẫn Sài-gòn đều đâm ra thất vọng !

« Đồng bạc sụt giá, vật giá leo thang thì sự tăng lương nho nhỏ, tối đa 30% trung bình tính theo tổng số lương chung, chừng mỗi đầu người 1.500 đến 3.000đ, liệu có thể bảo đảm mua sắm những vật dụng nhu thiết không? » (1). Và từ thất vọng đi đến lo âu :

« Đó là sự bất mãn về nạn lạm phát tệ hại đè nặng một cách tàn ác lên những người dân nghèo. Đó là sự bất mãn vì tình trạng tham nhũng công khai đang lan tràn mà nạn nhân khốn khổ của tình trạng này là những người nghèo đói. Đó cũng là làn sóng bất mãn về những sự tàn bạo và đau thương cùng cực của chiến tranh. Cuối cùng, nhưng không phải kém nghiêm trọng là sự bất mãn về sự có mặt của một đội quân lớn giàu có, là kẻ ngoại lai huyền hoang thuộc một nền văn hóa khác hẳn đến, sự có mặt ấy đè nặng lên nhân dân... »

Và vì quân đội của chúng ta có nhu cầu về hậu cần tiếp tế rất lớn, cho nên nó là một gánh nặng cho nền kinh tế nông thôn nghèo nàn lạc hậu của người Việt-nam. Tất cả những cái đó nuôi ghét chiến tranh trong nhân dân » (2).

Mối lo âu ấy không còn là một âm ảnh nữa, đã thành cơ sở chắc chắn. Một hiện thực mà hãng AP (1-6-67) buộc phải nêu ra :

« Người ta sợ rằng sự thất bại về kinh tế có thể mau chóng nhóm lại sự bất mãn của đông đảo dân chúng và dẫn đến việc công khai chống lại chính phủ quân sự trẻ tuổi Nguyễn Cao Kỳ ».

Dù thất vọng hay lo âu, ở đây tất cả đều bị đảo lộn. Há chẳng phải sức mạnh của đồng đô-la, khối lượng hàng khổng lồ của Mỹ ném

(1) Báo Dân liên ngày 24-6-66.

(2) Luận dân Nữ-uớc số ra 13-4-66.

(Xem tiếp trang 68)

Vài nét về quá trình đấu tranh chống thực dân và tay sai trên lĩnh vực văn hóa của nhân dân ta trong 30 năm đầu thế kỷ XX

NGUYỄN ANH

DÂN tộc ta có một nền văn hóa lâu đời. Chế độ phong kiến tri tri đã làm cho nền văn hóa đó phát triển chậm. Vào khoảng giữa thế kỷ XIX đã có những nhà nho thức thời đề nghị một số biện pháp cải cách, trong đó có mặt văn hóa, nhưng vua quan nhà Nguyễn bảo thủ, phản động đều cự tuyệt. Đến khi thực dân Pháp xâm lược, triều đình đầu hàng lừng bước, nhân dân ta đã cùng với các sĩ phu văn thân đứng lên đánh giặc giữ nước. Phong trào Cần vương cũng bị lắng xuống vào những năm cuối thế kỷ XIX. Thực dân Pháp chiếm được toàn bộ nước ta. Tiếp theo súng đạn, chúng dùng đến văn hóa để « chinh phục tâm hồn » người dân bị mất nước. Trong tình hình mới, một số sĩ phu phong kiến tiếp thu tư tưởng mới, đứng lên tìm con đường cứu nước mới. Các sĩ phu đặc biệt chú ý đến vấn đề tư tưởng và văn hóa, sử dụng nó để giải quyết nhiệm vụ chính trị.

Từ đây, trên mặt trận văn hóa, cuộc đấu tranh giữa ta và địch đã diễn ra gay gắt. Cũng từ đây, vấn đề văn hóa, nói rõ hơn vấn đề tư tưởng và văn hóa, đã được các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ và các thế hệ yêu nước kế tiếp đặt ở một vị trí quan trọng trong toàn bộ cuộc đấu tranh chống thực dân và tay sai để cứu nước,

Vấn đề văn hóa là một vấn đề rộng lớn, có

nội dung khá phong phú. Hoạt động văn hóa rất rộng rãi và phức tạp. Ở bài này chúng tôi chỉ mới có thể đề cập đến những hoạt động chủ yếu có liên hệ chặt chẽ nhất và trực tiếp phục vụ nhiệm vụ đấu tranh chính trị. Chúng tôi hy vọng từ đây rút ra được một số nét cơ bản nhằm nêu lên truyền thống đấu tranh của nhân dân ta trong lãnh vực tư tưởng và văn hóa, dẫn tới nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa lịch sử và tầm quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa do nhân dân ta đang tiến hành ở miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, chúng tôi hy vọng ôn lại quá trình cũ để hiểu biết sâu sắc hơn tính chất phản động, âm mưu thâm độc của văn hóa Mỹ, nguy đang tồn tại trên một nửa nước ta; đồng thời cũng thấy được ý nghĩa lớn lao của cuộc đấu tranh chống văn hóa nô dịch, xây dựng một nền văn hóa mới trong toàn bộ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam hiện nay.

Chúng tôi hạn chế vấn đề trong khoảng thời gian từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến trước ngày Đảng cộng sản Đông-dương ra đời và lãnh đạo cách mạng. Căn cứ vào tình hình lịch sử, chúng tôi tạm chia ra làm hai giai đoạn ngắn : Giai đoạn 1 từ đầu thế kỷ đến cuối đại chiến lần thứ nhất, giai đoạn 2 từ sau đại chiến I đến trước năm 1930.

I – GIAI ĐOẠN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN HẾT ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI LẦN THỨ I

Không phải đợi đến khi chiếm xong được toàn bộ lãnh thổ, thực dân Pháp mới đầu tư văn hóa vào nước ta. Các trường thông ngôn, trường học của bọn cha cố thiên chúa giáo;

các tờ *Gia định-báo*, *Phan-yên báo* ở Nam-kỳ; bọn Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Diệp Văn Cương... là những tổ chức, những công cụ, những tay sai văn hóa nô dịch của thực

dân từ nửa cuối thế kỷ XIX. Cùng với sự có mặt của văn hóa nô dịch, cuộc đấu tranh cho một nền văn hóa dân tộc độc lập đã xuất hiện.

Nhưng, cho đến những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp mới rảnh tay để hoạt động mạnh về văn hóa. Một loạt những tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở văn hóa giáo dục được chúng dựng lên trong một thời gian ngắn để tìm hiểu, thăm dò, chuẩn bị cho kế hoạch khai thác thuộc địa: Trường quốc tử giám (1896), Trường hậu bổ (1897), trường Viễn Đông bác cổ (1898), Viện vi trùng học ở Nha-trang (1896), ở Sài-gòn (1897), ở Hà-nội (1900), Sở thiên văn (1898), Sở địa lý (1899), Sở địa chất (1896), Sở kiểm lâm (1901), Sở thú y (1897), Viện nghiên cứu nông nghiệp và kỹ nghệ Sài-gòn (1898), Viện nghiên cứu hóa học và nông nghiệp Hà-nội (1899), Nhà hát lớn Hà-nội (1901) v.v...

Song song với việc thành lập những tổ chức trên, về giáo dục chúng tiến hành cải tổ: Thành lập trường học mới, cải cách chương trình, đưa văn hóa thực dân vào nhà trường. Vừa cải tổ giáo dục chúng lại vừa cố ý duy trì lối học và thi cử cũ để giữ học sinh đắm đuối trong mộng văn chương cử nghiệp xa lạ với thực tế.

Từ nhà trường của thực dân, ngoài những tên tay sai văn hóa lớp trước chúng ta thấy xuất hiện một lớp mới như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh v.v... Bọn này được thực dân chuẩn bị cho đủ lòng cánh để nhảy ra vũ đài văn hóa khi cần thiết. Bên cạnh đó, một loạt những quan lại phong kiến đầu hàng như kiêu Hoàng Cao Khải, lúc này cũng xuất hiện trong trường văn hóa, cũng viết sách, làm báo, diễn thuyết này nọ để trở tài khuyển mã.

Về báo chí, luật báo chí năm 1881 của Pháp áp dụng ở Nam- kỳ và sắc lệnh ngày 30-12-1898 về báo chí của Đu-me (Paul Doumer) có bổ sung sửa đổi, nói chung chỉ dành cho báo tiếng Pháp. Chủ nhiệm báo phải là người Pháp hay có quốc tịch Pháp. Paul Doumer chủ trương nắm chặt báo chí ở Đông-dương trong tay khi y qui định: «Việc lưu hành một tờ báo hay một xuất bản phẩm định kỳ xuất bản ở nước ngoài, bất cứ bằng tiếng gì đều có thể bị đình chỉ do nghị định của Toàn quyền.

«Không một tờ báo tiếng Việt, tiếng Trung-hoa, hay một thứ tiếng nước ngoài nào khác ngoài tiếng Pháp có thể được xuất bản, nếu không được giấy phép của quan toàn quyền. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được» (1).

Vì vậy, trong những năm đầu thế kỷ, ngoài

báo tiếng Pháp, chúng ta thấy một số báo tiếng Việt xuất hiện lại do người Pháp chủ trương như: *Nông cổ minh đàm* ở Sài-gòn (1901) do ca-na-va-gi-ô (Paul Canavaggio) chủ trương; tờ *Đại Việt quan báo* ở Hà-nội (1905) do Babut làm chủ nhiệm, báo này sau đổi ra *Đại Việt tân báo* rồi *Đại Việt công báo*; tờ *Lục tỉnh tân văn* (1905) do giô-ten (Pierre Jeutel) mở; tờ *Nam trung nhật báo* ở Nam- kỳ do Snây-đe (Schneiger) sáng lập. Nói chung các báo này đều đăng những tin tức làm cầu cống đường sá, tuyên truyền cho công cuộc mở mang, «khai hóa» của thực dân, hoặc đăng những thông tư, chỉ thị, quyết định bổ nhiệm thuyền chuyển quan lại. Trong số đó có những tờ là báo chính thức của nhà nước như *Đại Việt quan báo*, *Nam Trung nhật báo* có những tờ nói xa nói gần một vài vấn đề chính trị như *Lục tỉnh tân văn*. Có tờ chủ trương cổ động doanh nghiệp tư bản như tờ *Nông cổ minh đàm*, nhưng cũng chỉ là ngồi uống trà mà bàn chuyện nông công thương cổ. Có tờ cũng đả động đến văn chương học thuật Âu Tây như *Đại Việt tân báo* nhưng còn rất thô sơ.

Báo chí lúc này tuy còn ấu trĩ, nhưng nhìn chung, phần lớn đều là công cụ văn hóa dưới hình thức mới, một cái loa tuyên truyền đặc lực cho thực dân trong một xã hội mà báo chí hầu như còn vắng vẻ.

Ngoài báo chí, trường học, chúng ta còn thấy xuất hiện một số xuất bản phẩm dưới hình thức sách dạy tiếng Pháp, sách giáo khoa và có những cuộc diễn thuyết trong các kỳ họp này nọ của thực dân và tay sai để «giáo hóa» để «huấn thị» cho dân chúng.

Một mặt nắm chặt báo chí, biến nó thành công cụ truyền bá tư tưởng nô dịch, mặt khác Đu-me còn nghiêm trị việc bán, phân phối hoặc triển lãm những hình vẽ, bức họa làm thương tổn đến uy tín của nhà cầm quyền ở Đông-dương, không kể của người Âu hay người Việt chủ trương (2).

Nói tóm lại trong những năm đầu thế kỷ, bằng những hoạt động văn hóa, thực dân Pháp đã thực hiện một âm mưu thâm độc như một tên thực dân đã viết: «Đề không phải là vô ích, những thắng lợi bằng vũ khí của chúng ta phải được kể tục bằng những

(1) Sắc lệnh ngày 30-12-1898 về báo chí — Xin xem toàn văn trong *Le régime de la presse en Indochine* của H. Litolf — Imprimerie EO. Hà-nội 1939.

(2) Sắc lệnh về báo chí ngày 30-12-1898 — Sách đã dẫn.

thắng lợi của văn minh tiến bộ đối với tình trạng hôn mê của xứ Viễn Đông" (1). Mặt khác, chúng tìm cách ngăn chặn không cho ảnh hưởng văn hóa tiến bộ ở ngoài tràn vào nước ta.

Trên mặt trận văn hóa, thực dân Pháp không phải không thu được một số kết quả nhất định. Trước đây «tàu đồng súng lớn» của chúng đã làm cho không ít người yếu bóng vía phải khiếp sợ; đến bây giờ, ảnh hưởng «văn minh» của chúng ồ ạt tràn vào đã làm cho nhiều người phải hoa mắt, cúi đầu khâm phục. Từ chỗ khâm phục chúng, đến chỗ không tin tưởng ở mình, và dẫn đến tư tưởng cam tâm «theo thầy», «học thầy», làm nô lệ cho «thầy Đại Pháp». Trước âm mưu thâm độc của thực dân, nền văn hóa lâu đời của dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng. Cái tồn tại, được khôi phục lại là những căn bã lạc hậu phản động, không có ích lợi gì cho nhân dân. Họa «diệt chủng», «cả một dân tộc biến thành nô lệ» đã đặt ra trước mắt. Trong tình hình đó, các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỷ XX đã khua chuông gióng trống, xông vào lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, đề phát cao ngọn cờ cứu nước cứu dân.

A — Hoạt động trên lĩnh vực văn hóa của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ

Câu nói bất hủ của liệt sĩ Nguyễn Trung Trực trước khi bị địch sát hại: «Bao giờ nước Nam hết cỏ mới hết người Nam đánh Tây» đã được lịch sử xác nhận. Thế hệ các sĩ phu cần vương chưa qua hẳn, các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX lại tiếp tục vùng dậy. Trong sự nghiệp cứu nước, thời gian và kinh nghiệm lịch sử đã để lại cho lớp người sau những nét phong phú và tiến bộ hơn.

Thật thế, với các sĩ phu đầu thế kỷ, nhà vua và chế độ quân chủ đã dần dần không còn là mục tiêu bảo vệ của họ nữa. Quan niệm «dân là của nước, nước là của dân» đã từng bước hình thành trong tư tưởng họ với một quốc gia độc lập theo chính thể tư sản đại nghị hay ít ra cũng là quân chủ lập hiến. Bên cạnh chủ trương tập hợp lực lượng vũ trang chống Pháp, các sĩ phu còn đặc biệt chú ý đến vấn đề văn hóa; chọn con đường đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, kết hợp với nhiệm vụ đấu tranh chính trị.

Xuất phát từ những điều kiện thực tế của lịch sử nước ta lúc bấy giờ, các sĩ phu đã đi tìm một con đường cứu nước mới.

Nước Việt-nam với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu đã có những chuyển biến lớn từ

cơ cấu vì sự thâm nhập của kinh tế tư bản bao gồm thương nghiệp, công nghiệp trong những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nhà vua và chế độ phong kiến đã trở thành một chướng ngại lớn đối với sự phát triển của lịch sử. Về mặt tư tưởng, cả một xã hội như còn ngái ngủ trong bệnh hoạn. Khoa học, học thuật của nước nhà vốn đã tri triệ lại đang bị hàng rào tư tưởng phong kiến hủ lậu phản động bủa vây từ phía. Nó dè dặt sự phát triển bên trong, ngăn cản sự tiếp thu ảnh hưởng tiến bộ từ bên ngoài. Trong tình hình đó, kẻ thù ở một chế độ xã hội phát triển hơn ta, đã tấn công ta bằng quân sự, lại đang tiến công ta bằng văn hóa.

Vấn đề là phải đánh thức mọi người dậy, phá bỏ cái cũ dọn đường cho cái mới phát triển, trên cơ sở đó quật bùng lên tinh thần yêu nước căm thù, bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tư tưởng kết đoàn để cứu nước. Các sĩ phu đã nhìn thấy và đánh giá cao tầm quan trọng của vấn đề tư tưởng và văn hóa. Các sĩ phu đã đi vào tư tưởng và văn hóa để giải quyết vấn đề chính trị.

Nói đến các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX chúng ta nhớ ngay đến những nhân vật tiêu biểu như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, nhóm Đông kinh nghĩa thực v.v...

Ở đây chúng tôi không có ý bàn đến mặt hoạt động chính trị cùng với những xu hướng khác nhau của các sĩ phu. Chúng tôi xét đến mặt chung nhất của các sĩ phu: đó là những hoạt động của họ trên lĩnh vực văn hóa nhằm mục đích chung là cứu nước.

Về mặt hình thức, chúng ta thấy các sĩ phu hoạt động dưới nhiều dạng mới mẻ: báo chí, diễn thuyết, thơ văn, trường học, xuất dương du học v.v...

Về mặt lý luận, có *Văn minh tân học sách*, viết năm 1905, được coi như là một đề án về văn hóa của các sĩ phu, mặc dù ở đây chưa phản ánh được đầy đủ các mặt hoạt động. Lấy *Văn minh tân học sách* làm cơ sở, bổ sung thêm những điểm rút ra từ các tài liệu văn thơ, từ những hoạt động cụ thể của các sĩ phu hồi đó, chúng ta sẽ dựng lên được 'thống quan điểm về văn hóa của các sĩ đầu thế kỷ XX.

Trước hết chúng ta thấy trong mặt ^{tr} tư tưởng và văn hóa, các sĩ phu đã đứ ^{ng}

(1) Paul Giran — «Psychologie ^{peuple} annamite» *Revue indochinoise* N° 1/5-1904.

trên lập trường dân tộc đề chiến đấu mặt đối mặt với quân thù.

Đề chống lại cái tru thế gọi là «văn minh» của một nước tư bản phát triển, các sĩ phu đã củng cố tinh thần và niềm tin của mọi người bằng cách dựa vào lịch sử quang vinh và sức mạnh tiềm tàng của dân tộc. *Văn minh tân học sách* đã viết: «Nước Đại Nam ta vốn là một nước lớn văn minh. Nói về vị trí thì ở vào giữa khoảng nhiệt đới và ôn đới. Đất tốt, khí hậu điều hòa, thóc lúa tiền nhiều, các nguồn lợi miền núi, miền biển lớn hơn cả thiên hạ. Dân trong nước làm ăn dễ dàng. Trái các triều đại, vua thánh, tôi hiền, cùng nhau làm cho thịnh vượng lên, rục rịch thêm, to tát ra» (1). Những hình ảnh «giải đất Nam bang», «ngàn năm nước cũ», «con rồng cháu tiên», «giống Hồng Lạc» v.v... tượng trưng cho một dân tộc có lịch sử lâu đời, có truyền thống rất đáng tự hào, đã được các sĩ phu nhắc đến nhiều.

Các sĩ phu đã tìm thấy ở lịch sử dân tộc một chỗ dựa vững chắc về tinh thần, một nguồn động viên, một niềm tự hào. Từ chỗ dựa vững chắc này, các sĩ phu tuy ở vào vị trí một người dân mất nước, đã cất cao đầu, nhìn thẳng vào kẻ thù, thét vào mặt chúng, khẳng định sức mạnh của dân tộc. Và cũng với chỗ dựa vững chắc này, các sĩ phu từ những ngày đen tối của lịch sử vẫn tin tưởng ở thắng lợi của nhân dân, tin tưởng rằng nước Việt-nam không thể mất được, dân Việt-nam không thể làm nô lệ được.

Mọi cố gắng trong lĩnh vực văn hóa của các sĩ phu đều nhằm mục đích «đạo giáo tử dân», cảnh tỉnh đồng bào, hô hào duy tân tự cường, yêu nước kết đoàn để cứu nước.

Muốn duy tân tự cường phải phá bỏ cái cũ để xây dựng cái mới; muốn tiếp thu tư tưởng tiến bộ, phải tẩy trừ tư tưởng lạc hậu bảo thủ; muốn truyền bá tư tưởng dân chủ phải đả phá tư tưởng quân chủ chuyên chế; muốn giáo dục tinh thần yêu nước căm thù phải vạch mặt quân cướp nước v.v... Đó là một loạt vấn đề được các sĩ phu đặt ra trong cuộc đấu tranh trên lãnh vực tư tưởng và văn hóa ở những năm đầu thế kỷ.

Nói đến văn hóa, không thể không nói đến giáo dục, một tổ chức có chức năng tuyên truyền và phổ biến văn hóa có hiệu lực nhất. Ngày ta đã biết thực dân Pháp vẫn duy trì giáo dục thi cử cũ, duy trì đạo thánh hiền hoặc nhân dân ta. Các sĩ phu đã tuyên truyền từ nền giáo dục phong kiến lạc hậu về những sách vở «thành hiền» đó.

(1) Châu trong bài «Xuất dương lưu

biệt xứ» đã tuyên bố dứt khoát: «*Hiền thành liêu nhiên tụng diệc si*» (sách vở thành hiền tẻ ngắt, đọc chỉ mù người). Phan Chu Trinh đã đánh giá rất đúng tác hại của thứ «văn chương bát cổ» của giáo dục thi cử phong kiến: «*Vạn dân nô lệ cường quyền hạ, Bát cổ văn chương túy mộng trung*» (Muôn dân nô lệ một đàn, văn chương bát cổ nồng nàn giấc say) (bài «Chí thành thông thánh»).

Trong khi so sánh văn hóa giáo dục của nước mình với nước người, *Văn minh tân học sách* thấy người ta có báo, sách, có diễn thuyết, thơ ca để phát huy chủ nghĩa yêu nước, yêu nòi, còn mình thì làm văn sách lại sợ tội «phạm húy», dâng thư sớ «phạm thượng», cấm bàn bạc; thơ văn thì văn hoa lòe loẹt, việc mở mang dân trí không nghĩ tới. Người ta cải cách giáo dục, học văn tự nước nhà, học tiếng nước ngoài, học khoa học tự nhiên, học thành tài mới sử dụng; còn mình thì học «sách Tàu», «học cổ nhân», thi cử chỉ chú trọng kinh nghĩa thơ phú.

Để xây dựng nền học thuật mới, các sĩ phu chủ trương dùng văn tự nước nhà, hiệu đính sách vở, sửa đổi phép thi.

Sử dụng chữ quốc ngữ là một chủ trương mạnh dạn và sáng suốt của các sĩ phu. Chúng ta đều biết rằng các nhà nho từ xưa chỉ thừa nhận chữ thành hiền — chữ nho. Ấy là chưa nói đến chữ quốc ngữ, có một lịch sử gắn liền với việc truyền giáo của bọn cha cố giáo thiệp, cho nên lúc đầu đã mấy ai thừa nhận. Thế mà sang đầu thế kỷ XX, vì lợi ích của dân tộc, vì tương lai của văn hóa học thuật nước nhà, vì nhiệm vụ chính trị trước mắt, các sĩ phu đã thấy được và đánh giá đúng tác dụng của chữ quốc ngữ. Và từ đó các sĩ phu đã «lao tâm khổ trí» để vun trồng và phổ biến chữ quốc ngữ trong dân chúng.

Trong chủ trương hiệu đính sách vở, các sĩ phu đã chú trọng đến vốn học thuật sẵn có của dân tộc. Về sách vở chúng ta đã từng có *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Việt sử ký* v.v... Các sĩ phu cho rằng các sách đó không những đủ cung cấp tình hình lịch sử nước nhà, mà còn cho người sau lấy đấy làm gương. Sách học, theo các sĩ phu nên có chọn lọc.

Các sĩ phu chủ trương bãi bỏ lối gò bó của thi cử cũ vì «nó chỉ làm cho người ta bó buộc

(1) «*Văn minh tân học sách*» bản dịch của Đặng Thai Mai in trong *Văn thơ cách mạng Việt-nam đầu thế kỷ XX*, xuất bản Văn hóa Hà-nội — 1961.

cái tính tự do, suy sùt tinh thần hăng hái, để chăm vào cái học vấn vô dụng mà thôi», và chủ trương cho « học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nề hà, không cần thế cách gì hết » (*Văn minh tân học sách*).

Các sĩ phu rất chú trọng đến giáo dục thực nghiệp, chủ trương « đón thầy giỏi, mua đồ mẫu », « chọn người khéo tay, nhanh trí khôn » cho theo học; chủ trọng khuyến khích, khen thưởng những phát minh mới trong công nghệ; đặt những người giỏi về các khoa cách trí, hóa học, khí học ở địa vị « vẻ vang sang trọng hơn cả những người đồ đại khoa » (*Văn minh tân học sách*).

Bất chấp gông cùm, đe dọa của thực dân, các sĩ phu đã biến những chủ trương trên thành hành động thực tế. Phong trào Đông-du do Phan Bội Châu khởi xướng trong những năm đầu thế kỷ đã được nhân dân khắp ba kỳ ủng hộ nhiệt liệt. Thanh niên sang Nhật có đến hàng trăm. Kẽ góp công tuyên truyền cổ động, người góp của, người xuất dương. Thực dân Pháp đã hoảng sợ phải bóp chết nó tận gốc bằng cách yêu cầu chính phủ Nhật trục xuất du học sinh Việt-nam.

Cùng với phong trào Đông-du, một phong trào dịch « tân thư » và đọc « tân thư » được nhiều người hưởng ứng. Phong trào mở trường học theo lối mới, mở đầu là Đông kinh nghĩa thực do một số sĩ phu chủ trương đã lan rộng ra nhiều nơi, nhất là ở Bắc-kỳ và miền Nam Trung-kỳ. Tài liệu giáo khoa, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy và thứ chữ dùng trong nhà trường đều cải cách theo lối mới. Nhà trường của các sĩ phu là nơi tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước kết đoàn, cổ động duy tân thực nghiệp. Thực dân Pháp đã sớm bóp chết nhà trường vì nó có hại cho nền đô hộ của chúng.

Chúng ta còn biết thêm các sĩ phu đã từng lập những thư viện chứa « tân thư » như ở vùng Quảng-nam. Ngoài ra báo chí là một hình thức hoạt động rất mới, cũng được các sĩ phu cổ động và thực hiện. *Đăng cổ tùng báo* đã là điển đàn của sĩ phu Đông kinh nghĩa thực. Và tất nhiên, tờ báo đầu tiên của những người yêu nước cũng sớm bị thực dân đóng cửa cùng với việc đàn áp những người đã khai sinh ra nó.

Chế độ phong kiến cùng với những phong tục tập quán hủ lậu của nó là chỗ dựa của thực dân. Các sĩ phu đã giáng những đòn sấm sét vào các phong tục tập quán đó, quét dọn các thói hư tục xấu, mở đường cho phong hóa nước nhà được tiến bộ lành mạnh.

Nho sĩ là những người « tai mắt » trong thời phong kiến. Chừng nào bọn hủ nho còn tồn tại,

họ vẫn làm « đầu têu » cho nhân dân đắm đuối trong các hủ tục. Cho nên hủ nho đã trở thành một đối tượng bị đả kích kịch liệt :

« Nhà nho hủ vẫn cậy mình khôn khéo,
Đem văn chương mà vênh vào với đời.
Năm ba câu bát cổ đông dài
Trừ cử nghiệp, chuyện ngoài chi nỗ biết.
Ai cạnh tranh, ai sinh tồn, ai thắng ưu, n à
ai bại liệt ?
Trên địa cầu nào biết những ai ai.
Chữ duy tân gác bỏ ngoài tai,
Những tập tễnh đua tài làm nô lệ »

(Bài hát khuyên nhà nho)

Ngoài bọn hủ nho, chúng ta còn thấy những kẻ du dương, mê tín, « những kẻ ham mê đàn sáo, đầu hồ, bài lá, cờ tướng, đồ thơ, đánh chữ, số tướng, địa lý, phù thủy, ngày ngày dốc cả trí khôn vào những thứ vô dụng, sống say chết mộng » đều được các sĩ phu điếm danh đến. Các sĩ phu đã kêu gọi những người còn « cạnh tranh nơi ăn chốn ngồi » ở đám thôn dân, những người đắm đuối « trong các cuộc chơi li bì », hoặc trong mộng khoa cử, hoặc rúc đầu chen chúc ở « đám quan trường » hãy mau mau tỉnh dậy.

Văn minh tân học sách so sánh dân ta với người Âu về tập quán thấy rằng người Âu họ mạo hiểm đi xa tìm phương trời, nguồn lợi, đất cát, thị trường mới lạ; còn ta thì « lia nhà mười dặm đã bụi ngủi những mưa gió hoa vàng, ở lữ thứ vài năm đã than thở quan hà đầu bạc ». Cho đến các biểu hiện bề ngoài tượng trưng cho con người hủ lậu bảo thủ như: thái độ qui lạy, áo lam bài ngà, búi tóc, ăn uống đình đám đều bị các sĩ phu kịch liệt đả kích.

Các sĩ phu chủ trương mọi người phải bắt tay vào cuộc sống thực tế, hãy chăm lo nghề nghiệp; phải sống hòa thuận, thương yêu nhau; phải biết đoàn kết và lo đến việc nước việc dân. Con gái cũng như con trai phải « yêu nước quên nhà », phải « đừng bạc trắng lòng đen, tham danh lợi nữ quên người một giống » (bài Mẹ khuyên con).

Thực hiện chủ trương trên, một số sĩ phu tuy đau đáu nhưng không ra làm quan, quên việc nhà, xả thân mình để lo việc nước. Một số lớn hoặc không đau đáu, hoặc từ quan về dịch tân thư, mở trường dạy học, thực hiện những cải cách ở nông thôn. Có sĩ phu đã lập các hội công thương, lập nông hội, mở gò trồng quế v.v... chứ không quay về với những nghề tương số, phù thủy, địa lý rất quen biết với các nhà nho.

Thực dân Pháp cũng không dễ yên cho các nhà nho thực hiện những cải cách phong tục tập quán. Cải tốc ngắn bị kết tội là giặc, mặc áo phục vào văn chỉ bị kết án, các hội công thương bị giải tán.

Thực dân Pháp chủ trương duy trì chế độ phong kiến, chúng không ngừng tìm mọi cách đề cao quân quyền, mặc dù ở Pháp vua Lu-i XVI đã bị giết cùng với sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ quân chủ từ cách mạng tư sản Pháp 1789. Phan Bội Châu trong « Hải ngoại huyết thư » đã nói rõ nước ta mất vì nhiều lý do, trong đó lý do thứ nhất là « vua chẳng biết gì dân ». Vua chỉ biết « ăn cơm ngự thiện bữa nghìn quan », chỉ hỏi han đến bọn « phùng quân du mị » bọn « kiêu nữ cung phi », còn đề mặc cho dân đói rét, bị bóc lột xơ xác. Giặc đến nhà vua phản trước. Đến năm 1912, Hoàng Trọng Mậu trong lời tuyên cáo của Việt-nam quang phục hội đã tuyên bố thẳng thắn :

« *Hại dân nào có ích gì*

Rời ra mất nước cũng vì có vua ».

Phan Chu Trinh là người đã giảng cho chế độ quân chủ những đòn mạnh mẽ như mọi người đã biết.

Tên tuổi những nhà tư tưởng thuộc phái Ánh sáng ở Pháp thế kỷ XVIII như : Vôn-te (Voltaire), triết gia kiêm văn sĩ trào phúng, người chủ trương hạn chế vương quyền ; Mông-te-ski-ơ (Montesquieu), tác giả (tập *Vạn pháp tinh lý* (Esprit des lois), người đã mô tả chế độ lý tưởng của Pháp là chế độ quân chủ lập hiến kiểu Anh ; Đê-đơ-rô (Diderot) trong nhóm Bách khoa đã kịch liệt công kích chế độ phong kiến ; Rút-xô (Rousseau) tác giả tập *Dân ước luận* (Contrat social), người chủ trương bình đẳng chính trị, cho rằng quyền lực tối cao dù ở đâu cũng đều thuộc về nhân dân ; v.v.... đều trở thành quen biết đối với các sĩ phu qua tân thư của Trung-quốc. Tư tưởng « dân là của nước, nước là của dân » đã được các sĩ phu gieo mầm trong dân chúng. Uy thế của nhà vua cùng với vương quyền đã bị các sĩ phu hạ bệ dần.

Cùng với việc duy trì chế độ phong kiến, thực dân và tay sai ra sức ca tụng chế độ « bảo hộ », ra sức đề cao vai trò « khai hóa », « gieo rắc văn minh » của thực dân Pháp. Theo chúng việc thực dân Pháp cai trị nước ta là một may mắn cho người Việt. Các sĩ phu đã không ngớt lời tố cáo cảnh nước mất nhà tan, tố cáo chính sách tàn bạo của thực dân và nỗi cơ cực của nhân dân ta. Điều đó có tác dụng lật ngược giọng lưỡi của thực dân và tay sai, khẳng định thực dân là kẻ cướp nước và nước ta đã mất, cần phải giành lại đất nước. Nội dung trên

toát ra ở hầu hết các bài thơ văn, sách báo, các buổi diễn thuyết, trong thư ngỏ của các sĩ phu đầu thế kỷ. Có khi nó được nêu lên một cách kín đáo với lời lẽ thâm thiết đau đớn ; có khi được bày tỏ công khai một cách phẫn uất, căm hờn.

Phan Chu Trinh trong bức thư gửi toàn quyền Beau (1906) đã tố cáo cái nhục, cái đau khổ, cái uất ức căm hờn của nhân dân ta dưới chế độ thực dân, và còn thách thức chúng bỏ tù người tố cáo. Lê Đại với lời lẽ thống thiết của bài « Chiêu hồn nước » :

« *Từ khi đá lở sóng cồn,*

Nước non tro đó, nào hồn ở đâu ? (1).

Với một giọng căm hờn, Nguyễn Phan Lãng đã tố cáo âm mưu thâm độc của thực dân Pháp trong bài « Thiết tiễn ca » :

« *Trời đất hỡi ! Dân ta khốn khổ,*

Đủ trăm đường, thuế nọ thuế kia.

Lưỡi vậy chài quét trăm bề

Róc xương, róc thịt còn gì nữa đâu ? »

Đặc sắc nhất là bài « Đề tỉnh quốc dân ca » viết năm 1906 đã khẳng định một cách dứt khoát :

« *Từ dị tộc mưu cầu bảo hộ*

Mở tri khôn chỉ độ một và

Non sông then với nước nhà

Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu »

Theo tác giả các công việc to lớn giặc chiếm giữ hết, người mình chỉ giữ các việc « cu li, bồi bếp ». Hàng trăm thứ thuế làm cho « thất thập cửu không, làm cho đau đớn khốn cùng không thôi ». Thực dân Pháp bắt dân đi đắp đường xẻ núi để đến nỗi « Họa diệt chủng bề thương bề sợ, Nòi giống ta biết có còn không » (Đề tỉnh quốc dân ca).

Trên đây chỉ là một vài dẫn chứng tiêu biểu. Dưới ngòi bút của các sĩ phu, một tình thần yêu nước thương nòi thiết tha, một nỗi đau đớn vì mất nước tan nhà được thể hiện khá rõ rệt. Lời lẽ của các sĩ phu đã có tác dụng vạch mặt bọn cướp nước, gieo vào lòng người một ý thức sâu sắc về giang sơn, nòi giống ; có tác dụng kích động và nuôi dưỡng tình thần yêu nước phục thù.

Nghiên cứu về hoạt động của các sĩ phu trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, ngoài những điểm tích cực trên không phải chúng ta thấy không có những hạn chế, những biểu hiện mơ hồ và lệch lạc trong nhận thức

(1) Bài này theo Đặng Thai Mai trong sách đã dẫn, trang 286, là của Nguyễn Quyền, nhưng theo cụ Hoa Bằng cho chúng tôi biết chắc chắn là của cụ Xứ Lê tức Lê Đại.

tư tưởng cũng như trong hành động. Nhưng những hạn chế ấy là điều không thể tránh được đối với các sĩ phu. Là đồ đệ của Khổng Mạnh đang thay hình đổi dạng, các sĩ phu chuyển mình từ ao tù của chế độ phong kiến sang một vùng trời mới của chế độ tư bản. Mặc dù vùng trời đó đã bắt đầu vẩn đục và bão táp trên phạm vi toàn thế giới, nhưng riêng ở nước ta, trong điều kiện lịch sử của những năm đầu thế kỷ, những tư tưởng tiến bộ của những nhà khai sáng không phải không rọi ra những tia sáng nhất định. Chúng ta chú trọng đến những mặt tích cực trong hoạt động của các sĩ phu; những biểu hiện tiêu cực của phong trào giúp chúng ta thấy rõ mức độ và tầm cao thấp mà các sĩ phu đang vươn tới.

Với các sĩ phu, nền văn hóa của dân tộc ta đã tiến một bước dài trong những năm đầu thế kỷ. Nó phát triển không phải chỉ về nội dung mà cả về hình thức. Kế thừa truyền thống văn hóa nghệ thuật của dân tộc, các sĩ phu đã nâng những hình thức thơ ca bình dân (lục bát, song thất lục bát, hát nói, v.v...) từ địa vị phụ thuộc lên một địa vị xứng đáng, phục vụ cho nhiệm vụ chính trị một cách đắc lực. Các sĩ phu đã làm phong phú thêm hoạt động văn hóa của dân tộc bằng cách tiếp thu những hình thức mới mẻ từ ngoài đưa vào như: báo chí, diễn thuyết, lập hội v.v...

Hoạt động của các sĩ phu đã làm rung động cả một xã hội đang ngái ngủ, tạo nên những nguy cơ cho nền đô hộ của thực dân Pháp. Thành tựu lớn lao của các sĩ phu trên lãnh vực tư tưởng và văn hóa đã có tác dụng tích cực làm cho phong trào cách mạng nước ta có một chuyển biến cơ bản về chất trong những năm đầu thế kỷ. Những hoạt động văn hóa của các sĩ phu đã dọn đường cho những hoạt động chống Pháp có nội dung mới xuất hiện trong những năm sau đó: những hoạt động của Việt-nam quang phục hội ở ngoài nước và trong nước trước đại chiến và trong đại chiến lần thứ nhất. Thực dân Pháp hoảng sợ, chúng đã dùng sức mạnh của kẻ thống trị để đàn áp phong trào một cách trắng trợn. Có người bị giết không cần xét hỏi chỉ vì dịch «tân thư» như tiến sĩ Trần Quý Cáp; có sĩ phu bị tù trong bản án có ghi thêm tội: «Ấu trang nhập văn chỉ, bất kính tiên thánh»; hoặc có người bị tù vì trong nhà có treo một tấm bản đồ. Sách báo bị tịch thu, cấm tàng trữ; trường học, hội buôn bị giải tán; quần chúng bị đàn áp.

Sau khi đàn áp phong trào, chiếm được trận địa văn hóa của các sĩ phu, bọn thực

dân và tay sai sử dụng ngay lĩnh vực này để thực hiện âm mưu đen tối của chúng.

B — Âm mưu, hành động của thực dân và tay sai trong lãnh vực văn hóa từ sau khi giành giật được trận địa của các sĩ phu cho đến hết đại chiến lần thứ nhất

Đàn áp được phong trào yêu nước đầu thế kỷ và đẩy lùi được các sĩ phu ra khỏi lãnh vực văn hóa công khai, thực dân Pháp vẫn chưa hết hoảng sợ. Diễn biến của mấy năm qua đã làm cho thực dân thấy một khát vọng lớn của xã hội Việt-nam là đổi mới, cải cách; một yêu cầu lớn của sĩ phu và nhân dân là học tập. Ngăn cản trào lưu đó là thất sách, sẽ vấp phải một phản ứng khá mạnh của nhiều tầng lớp. Do đó sau khi dập tắt được phong trào văn hóa có nội dung yêu nước, chúng cho «xả hơi» bằng cách sử dụng ngay trận địa vừa chiếm được, đẩy mạnh hoạt động văn hóa, nhưng lại lái nó vào con đường phục vụ cho bọn chúng.

Những con rối kiểu Hoàng Cao Khải, Nguyễn Văn Vĩnh được dịp nhảy lên diễn đàn, múa may theo cái dây điều khiển của tên đạo diễn thực dân Pháp.

Về giáo dục chúng tiếp tục những cải cách để chuyển nền giáo dục cũ sang nền giáo dục Pháp Việt. Chúng mở cửa một vài trường cao đẳng, phát triển một số trường lớp các cấp ở khắp 3 kỳ, tiến tới thủ tiêu nền giáo dục cũ và chế độ khoa cử (khoa thi hương cuối cùng của Bắc-kỳ vào năm 1915 và của Trung-kỳ vào năm 1918). Đội ngũ những người tân học đông dần. Bút lông lùi bước, nhường chỗ cho bút sắt hoạt động (1).

Về báo chí, chúng cho ra tờ *Đông-dương tạp chí* (1913). Năm 1915 Snay-de thành lập cái gọi là «thư viện truyền bá» gồm hai bộ phận: 1. *Đông-dương tạp chí*, 2. *Trung Bắc tân văn*, thời báo chính trị kinh tế gồm có 3 loại: loại 1 mỗi tuần 3 kỳ gọi là *Trung bắc tân văn* bằng chữ quốc ngữ; loại 2 mỗi tuần 2 kỳ gọi là *Công thị báo* bằng chữ nho; loại 3 mỗi tuần một kỳ gọi là *Pháp Việt công báo*, một thứ công báo bằng chữ nho và chữ quốc ngữ.

Về sách, chúng ta thấy từ năm 1910, Hoàng Cao Khải viết *Guồng sử Nam*, âm mưu vin vào lịch sử để chứng minh cho việc nước ta mất vào tay thực dân Pháp, phải dựa vào Pháp để sinh tồn là đúng với thời thế, là hợp với tình hình của lịch sử.

(1) Xem NCLS, số 98 bài «Vài nét về giáo dục ở V.N. từ khi Pháp xâm lược cho đến hết đại chiến thế giới lần thứ I» của Nguyễn Anh.

Con ngựa già này vẫn lải nhải với luận điệu đề cao nền quân chủ, ca tụng tên vua « công răn cần gà nhà » Gia-long, cổ động « hợp tác Pháp—Việt », tán dương « nước mẹ » trong các sách *Vịnh Nam sử* (1915), *Việt-nam nhân thần giám* (1915), *Tượng kỳ thi xa* (1916); trong các vở tuồng *Bình định song trung* (1916), *Tây Nam đắc bằng* (1916) của hần. Sách của hần có quyền dịch sang tiếng Pháp hay tiếng Việt, tuồng của hần đăng ở báo rồi trình diễn trong rạp tuồng ở Hà-nội.

Tiêu biểu cho hoạt động văn hóa của thực dân và tay sai lúc này là *Đông-dương tạp chí*. Ở đây tập trung một số lớn tay sai văn hóa đắc lực. Cũng ở đây, chủ trương và quan điểm văn hóa nô dịch phản động của chúng được thể hiện một cách tập trung và lộ liễu nhất. Cho nên tìm hiểu về văn hóa phản động tay sai trong thời kỳ này chúng tôi sẽ tập trung vào *Đông-dương tạp chí*. Nam phong tạp chí tuy xuất hiện vào cuối đại chiến I (tháng 7-1917) nhưng chúng tôi sẽ dành cho phần sau — giai đoạn có mặt của Nam phong từ đầu cho đến cuối.

Chiếm lĩnh được trận địa văn hóa, thực dân Pháp đã nhanh chóng biến trận địa này thành một cứ điểm để tấn công lại nhân dân ta. *Đông-dương tạp chí* là một pháo đài quan trọng của chúng.

Đông-dương tạp chí, một tờ tuần báo ra vào ngày thứ năm. Số đầu ra ngày 15-5-1913, do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Trên tờ báo này về Tây học có Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, về Hán học có các ông Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục v.v... Cũng trong tờ báo này Trần Trọng Kim đã xuất hiện với mục Nam sử và Luận lý dành cho bậc tiểu học; Phạm Quỳnh đã xuất hiện với một số bài dịch.

Trong lĩnh vực báo chí lúc này, một cơ quan ngôn luận lớn, một tờ báo chính thức được thực dân trợ cấp và nuôi dưỡng, một tờ báo « cầm trịch » mọi hoạt động văn hóa như *Đông-dương tạp chí*, tất nhiên giữ một vị trí quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. Chúng ta còn biết thêm *Đông-dương tạp chí* là cái nôi ấp ủ, là nơi tập dượt của những tác phẩm biên soạn hay dịch thuật được xuất bản sau này.

Vị trí độc quyền của nó trong thời kỳ non trẻ của nền quốc văn, thời kỳ bước đầu sử dụng và phổ biến rộng rãi của chữ quốc ngữ, đã khiến cho nhiều người trong giới học thức trước đây ngộ nhận giá trị và công lao của tờ báo, quên mất bản chất tay sai cực kỳ phản động của nó. Và cũng vì vậy nó đã lôi

kéo, tranh thủ được cảm tình của một số đồng nhà hoạt động văn hóa, giới thanh niên tân học lúc bấy giờ.

Sự cộng tác giữa hai phái Tây học và Hán học trong *Đông-dương tạp chí* đã nói lên chủ trương vừa tuyên truyền cho văn hóa Âu Tây vừa khai thác, duy trì văn hóa cũ Trung-hoa của tờ báo. Chúng ta thấy trong 4 năm hoạt động, *Đông-dương tạp chí* đã dịch và giới thiệu khá nhiều về văn hóa Pháp và Trung-hoa.

Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch các sách *Những người khốn khổ* của Huy-gô (Victor Hugo), *Ba người ngự lâm pháo thủ* của Đuy-ma (Dumas), *Mai nương lệ cốt* của Pê-rê-vốt (M. Pêrévost); các vở kịch *Miêng da lừa* của Ban-đắc (H. de Balzac), *Tư sản học đòi quý tộc*, *Bệnh tướng*, *Giả đạo đức* của Mô-li-ê (Molière), thơ ngụ ngôn của La-phông-ten (La Fontaine) v.v... Cả đến truyện dài *Gil Blas de Santillane* của Lơ-xa-giơ (Lesage) cũng được dịch và đăng liên tiếp làm nhiều kỳ trên *Đông-dương tạp chí*. Bên cạnh những truyện, kịch kể trên, chúng ta còn thấy lẻ tẻ những trích dịch các đoạn văn, bài thơ của một số tác gia như Bốt-xuy-ê (Bossuet), Sa-tô-bơ-ri-ăng (Chateaubriand), Pát-can (Pascal), Búp-phông (Buffon) v.v... phần lớn do đám tân học trong các trường thông ngôn dịch.

Về Hán văn chúng ta thấy có các sách *Tam quốc chí*, *Mặc tử*, *Liệt tử*, *Tĩnh sử*, *Song phụng kỳ duyên*, *Tài sinh duyên*, *Tây sương ký*, *Đông chu liệt quốc*, *Đại Nam liệt truyện* v.v... do Phan Kế Bính và Nguyễn Đỗ Mục dịch.

Ngoài các bài dịch thuật, *Đông-dương tạp chí* còn có một số bài luận thuyết đề ca ngợi công ơn khai hóa của thực dân, đề dăn dò khuyên nhủ mọi người phải trung thành với Đại Pháp; một số bài có tính cách giáo trình về chữ nho, chữ Pháp, sử ký, luân lý... và một phần đề đăng các quyết định nghị định, tin tức truyền chuyển bổ nhiệm quan lại và một ít tin tức thời sự.

Đúng ra ở *Đông-dương tạp chí* vẫn đề dịch thuật nổi bật hơn cả. Và đây là điểm mà trước kia người ta đã ca tụng « giá trị », « công lao » của *Đông-dương tạp chí*. Nhìn vào khối lượng dịch thuật của *Đông-dương tạp chí*, chúng ta thấy rõ ràng là một việc dịch thuật lung tung bừa bãi. Tuy có chọn lọc một số tác gia lớn, nhưng tùy tiện, gập đầu dịch dầy, không có giới thiệu phê bình gì cả. Ngoài ra *Đông-dương tạp chí* lại còn chạy theo thị hiếu của người đọc, « gãi vào chỗ ngứa » của đám thanh niên tân học để lôi kéo họ bằng cách dịch những bài thơ, đoạn văn nho nhỏ, hấp dẫn của một số thi sĩ, văn sĩ. Đặc biệt là *Đông-*

đương tạp chí chỉ chú trọng dịch các loại sách văn học của Pháp, không dă động đến những sách triết học. Âm mưu của *Đông-dương tạp chí* là dùng văn chương để ru ngủ tinh thần yêu nước của nhân dân, lôi kéo nhân dân ra khỏi ảnh hưởng tư tưởng tiến bộ của các sĩ phu, của cách mạng Tân-hội ở Trung-quốc. Có người đã nói *Đông-dương tạp chí* giới thiệu văn hóa phương Tây theo kiểu « ăn sống nuốt tươi » quả là xác đáng. *Đông-dương tạp chí*, bằng con đường giới thiệu văn hóa Tây phương, khai thác văn hóa Đông phương, đã mở đầu cho đường lối văn hóa « điều hòa Á Âu » của *Nam phong* sau này.

Nhưng điều quan trọng mà chúng ta cần biết không phải là dịch nhiều dịch ít, có hệ thống hay không, mà là họ dịch để làm gì và nhằm mục đích gì?

Bài « Phương châm » của Tân nam tử (tức Nguyễn Văn Vĩnh) đã khuyên mọi người nên « giữ lấy một chủ nghĩa » đó là: « May mà ta được thầy Đại Pháp thì cố mà giữ diết lấy thầy Đại Pháp. Chớ nghe chi mấy bọn hủ nho nói nhảm » (1). Hủ nho mà Nguyễn Văn Vĩnh nói đây là các sĩ phu yêu nước. Cũng trong bài này Nguyễn Văn Vĩnh đòi « bỏ rọ lẩn sông » các sĩ phu. Lời lẽ của Nguyễn Văn Vĩnh đã cho chúng ta thấy rõ mục đích hoạt động của *Đông-dương tạp chí*.

Dựa vào thực dân cướp được trận địa văn hóa, *Đông-dương tạp chí* chủ trương loại trừ ảnh hưởng của các sĩ phu trong quần chúng: « Ta phải đồng tâm mà đem văn chương học thuật, đem ân huệ văn minh mà khua sáo cho lấp những lời gây loạn (?). Ta phải làm cho tiếng pháo của bọn ngụy (âm chỉ các sĩ phu—N. A.) tịt ngòi không nổ được kịp tiếng chuông trống văn minh » (2).

Đông-dương tạp chí âm mưu chặn đứng ảnh hưởng của phong trào cách mạng, của tư tưởng tiến bộ qua Trung-quốc tràn vào nước ta. Chúng tự nhận gánh vác trách nhiệm « giáo hóa » để qua đó ca ngợi ân huệ công đức của thực dân. *Đông-dương tạp chí* viết: « Lang-sa sang đây mà ta lại phải nhờ có bọn Khang Lương mới biết được văn minh Đại Pháp, văn minh Âu châu. Bởi đó thành ra tiếng người Lang-sa thêm không dạy... ». « Bọn lũ Tây học ta phải dùng hết chước mà tỏ ra rằng không phải đồ bội nghĩa... Ta phải đem những điều hay ta đã học được mà cổ động cho đồng bào cùng được hưởng, khỏi phải qua mấy quyền sách Tàu mới biết được văn minh Đại Pháp mà lại biết sai » (3).

Chẳng úp mở gì nữa, đến *Đông-dương tạp*

chỉ số 3, bài « Phương châm » đề ra một chước: « ta phải cầu thân » và đề ra « chủ nghĩa Pháp Việt ». Quả là một tổ chức tay sai trắng trợn khá nguy hiểm trong lĩnh vực văn hóa.

Đông-dương tạp chí rất chú trọng đến việc phổ biến chữ quốc ngữ. So với các sĩ phu yêu nước, việc làm này giống nhau, nhưng mục đích lại khác nhau một trời một vực. Bài « Chủ nghĩa » ở *Đông-dương tạp chí* số 2 cũng thừa nhận « cổ động cho dân An-nam ai cũng dùng chữ quốc ngữ » là « một việc tối khẩn yếu của bản báo ». Nhưng ai cũng đọc được chữ quốc ngữ không phải là để mở mang trí khôn, duy tân, tự cường để cứu nước mà là để đọc được báo, để biết đến « những công việc hay của nhà nước », để « ai nấy cũng đã đủ biết bụng vì dân của nước Lang-sa ». Cướp nước người mà lại « vì dân » của nước bị mất ! Thật là quái gở cho giọng lưỡi của Nguyễn Văn Vĩnh.

Để thực hiện phương châm « cầu thân », Nguyễn Văn Vĩnh đề nghị thành lập câu lạc bộ để quan lại người Nam gần gũi người Pháp, học tập được văn minh của người Pháp. Ý còn dạy cho các nghị viên học ăn học nói trong các kỳ họp, nào là « đừng nói quá nhời », « đừng viển ý dân » mà hóa ra « lố » lắm vì « nhà nước bảo hộ nuôi dạy vô lòng cho dân ta học tập lấy cái nghề tự trị ấy, là nghề mà ta còn phải học trong mấy đời con cháu nữa mới làm được » (4).

Âm mưu và bản chất của cơ quan văn hóa lớn giữ địa vị chủ đạo trên diễn đàn văn hóa công khai hợp pháp lúc bấy giờ là như vậy đó. Phối hợp với những hoạt động của bọn tay sai như Hoàng Cao Khải chúng tôi đã nói ở trên, chúng tạo thành một cái loa tuyên truyền cho văn hóa thực dân một cách khá lộ bịch. Nó làm tay sai và lôi kéo người khác, đầu độc quần chúng một cách công nhiên, trắng trợn, như thái độ « ăn sống nuốt tươi » văn hóa Âu Tây của nó vậy.

Trong thời kỳ này bọn tay sai, mặc dù được thực dân hết sức giúp đỡ, cũng không thể chiếm độc quyền trên trận địa văn hóa. Chúng không tài nào ngăn chặn được tiếng nói của

(1) *Đông-dương tạp chí*, số 1 ngày 15-5-1913 bài « Phương châm ».

(2) *Đông-dương tạp chí*, số 2 ngày 22-5-1915 bài « Cần cáo ».

(3) *Đông-dương tạp chí*, số 2 ngày 22-5-1915 bài « Chủ nghĩa ».

(4) *Đông-dương tạp chí*, số 24 ngày 23-10-1913 bài Nghị viện.

các sĩ phu yêu nước. Chúng ta biết rằng lúc này những hoạt động văn hóa cách mạng yêu nước mất chỗ đứng ở trong nước và trên diễn đàn công khai, nhưng nó đã rút vào nhà tù, vào con đường bí mật và ở nước ngoài. Vào nhà tù các sĩ phu vẫn tiếp tục sáng tác thơ văn (1), tổ chức học tập. Trên con đường hoạt động, thành lập các tổ chức cách mạng ở nước ngoài, một số sĩ phu như Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Mai Lão Bạng, Hoàng Trọng Mậu v.v... vẫn dùng cây bút của mình để sáng tác các thể loại truyện, sử, thơ ca, lời kêu gọi v.v... để vận động cách mạng. Thành tựu văn hóa cách mạng từ nước ngoài, từ nhà tù được bí mật chuyển về nước, và được nhân

dân trân trọng, bí mật chuyển tay nhau đọc. Nhờ đó trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa tiếng nói của các sĩ phu vẫn tồn tại, ngấm ngấm đi vào quần chúng, mặc dù nó không được công khai rầm rộ như trước.

Trước quần chúng đã được giới sĩ phu yêu nước cảnh tỉnh, lối ăn nói trắng trợn như *Đông-dương tạp chí* dần dần mất tác dụng. Mặt khác, để tuyên truyền lừa bịp, động viên, vơ vét người và của ở nước ta cung cấp cho chiến tranh nhiều hơn nữa, thực dân Pháp cần đến một tổ chức văn hóa cao tay hơn. *Nam phong* ra đời thay cho *Đông-dương tạp chí*, tên tay sai Phạm Quỳnh nhảy lên sân khấu.

II — GIAI ĐOẠN TỪ SAU ĐẠI CHIẾN LẦN THỨ I ĐẾN TRƯỚC NĂM 1930

Khác với giai đoạn trước—giai đoạn giành giật ác liệt trên trận địa văn hóa—và tất nhiên kẻ giành được phải là kẻ nắm chính quyền. Ở giai đoạn này đấu tranh không kém phần gay gắt, nhưng lại diễn ra ở thế giằng co, cả hai cùng tồn tại. Quyết định cho tình hình này không phải do sự nhân nhượng của thực dân, mà là do lực lượng của ta.

Trên trường chính trị, ở giai đoạn này, trong nước, chúng ta thấy nhiều phong trào xuất hiện sôi nổi: Phong trào yêu nước đòi tự do dân chủ năm 1922—1926; sự xuất hiện của các tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản (1924—30), phong trào của tư sản và tiểu tư sản với sự ra đời của Việt-nam quốc dân Đảng (1927—1930). Làm chỗ dựa cho các phong trào trên có những cuộc đấu tranh liên tiếp của công nhân, nông dân, học sinh khắp ba kỳ nổi lên từ 1924. Ở ngoài nước, phong trào Ngũ tứ vận động của Trung-quốc (1919), sự thành lập Đảng cộng sản Pháp (1920) và sự thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc (1921), đặc biệt nhất là sự thành công vĩ đại của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), đã quật vào sinh hoạt chính trị và văn hóa ở nước ta một luồng sinh khí mới.

Trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, bên cạnh các sĩ phu vừa ra khỏi nhà tù, ở nước ngoài về, hoặc còn ở nước ngoài, tiếp tục hoạt động văn hóa, chúng ta còn thấy có mặt đông đảo thanh niên tân tiến với nhiều màu sắc chính trị khác nhau. Trên con đường hoạt động chính trị họ không xa rời trận địa văn hóa. Nổi bật nhất là từ giai đoạn này một quan điểm và đường lối văn hóa mới, tiến bộ

nhất, của giai cấp vô sản đã xuất hiện và giữ một địa vị quan trọng.

Không khí đấu tranh chính trị sôi nổi đã tạo thành một sức mạnh, trên cơ sở đó những đợt sóng đấu tranh văn hóa mang nhiều màu sắc thi nhau xuất hiện. Đề đối phó với tình thế mới, thực dân Pháp và tay sai cũng tổ ra quỷ quyết hơn, thâm độc hơn trong những hoạt động văn hóa.

A — Âm mưu và hoạt động văn hóa của thực dân và tay sai.

Từ sau đại chiến lần thứ I, song song với việc củng cố bộ máy chính quyền tay sai và đầu tư khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp lại đẩy mạnh hoạt động văn hóa hơn nữa. Toàn quyền Xa-rô (Albert Sarraut) chủ trương đường lối chính trị hợp tác (politique d'association) chứ không đồng hóa (politique d'assimilation) như một số tên thực dân cai trị trước. Xa-rô rất quan tâm đến văn hóa, hẳn rất có ý thức sử dụng văn hóa để phục vụ cho đường lối chính trị của hắn.

Về mặt giáo dục, chúng tiến hành một loạt cải cách và ban bố « Qui chế chung về giáo dục »; tổ chức một mạng lưới trường Pháp Việt đủ các cấp. Một số trường cao đẳng, đại học ra đời. Với tổ chức trường lớp mới, chúng thu hút được đông đảo thanh niên học sinh, cung cấp cho họ một số kiến thức về văn hóa, khoa học vừa đủ để giúp việc cho chúng (2).

(1) Xem Minh Viên—*Thi tù tùng thoại*.

(2) Xem *Nghiên cứu lịch sử* số 102 bài « Vai nét về giáo dục ở Việt-nam từ sau đại chiến I đến trước 1930 của Nguyễn Anh.

Về báo chí, sau đại chiến chúng có nói tay hơn; mãi tới năm 1927 chúng mới ban bố sắc lệnh về báo chí áp dụng ở Đông-dương trừ Nam-kỳ; chúng cho người Việt được phép mở tòa báo, nhưng chịu sự kiểm duyệt rất gay gắt, tuân theo những kỷ luật ngặt nghèo (1).

Về xuất bản sách, có các sách giáo khoa, trong đó có cuốn *Việt-nam sử lược* của Trần Trọng Kim, các sách của nhà xuất bản Âu Tây tư tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh, do tên thống sứ Bắc-kỳ René Robin thành lập, sách của Nam phong từng thư: phần lớn là sách dịch từ tiếng Pháp, những bài diễn thuyết, bài báo đã in ở *Đông-dương tạp chí* và *Nam phong tạp chí*.

Đề chỉ đạo đường lối văn hóa nô dịch trong thời kỳ này, chúng cho ra tờ *Nam phong* do Phạm Quỳnh làm chủ bút, tên chánh mặt tham Mác-ti (Marty) đỡ đầu. Xa-rô và Khải Định là ân nhân của tờ báo. Tạp chí *Nam phong* ra mỗi tháng một kỳ, in bằng chữ Việt, có phần nhữ Nho và phụ trương bằng chữ Pháp. Số đầu ra tháng 7-1917.

Đây là một tờ báo lớn, đội lốt hoạt động văn hóa học thuật để phổ biến quan điểm chính trị phản động, « cầm trịch » trong sinh hoạt tư tưởng và văn hóa của xã hội.

Theo vết của *Đông-dương tạp chí*, *Nam phong* cũng tập hợp những cây bút tân học và cựu học. Về Tây học có Phạm Quỳnh, Hàn học có Nguyễn Bá Trắc, tiếp đó là Lê Dư làm trụ cột. Xung quanh hai nhân vật này ta thấy một đội ngũ gồm: Dương Bá Trạc, Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục, Đông Hồ v.v...

Nếu như *Đông-dương tạp chí* tuyên truyền cho tư tưởng Âu Tây một cách thô bạo, đề ra « chủ nghĩa Pháp Việt » một cách ấu trĩ, ca tụng Pháp một cách trắng trợn, thì *Nam phong* tuy không ngoài nội dung trên, nhưng quỵ quỵệt, tinh vi hơn, có hệ thống hơn.

Cái quỵ quỵệt, tinh vi của *Nam phong* là ở chỗ nó thừa nhận tình trạng suy vi của xã hội hiện tại, thừa nhận dân tộc ta có một lịch sử vẻ vang, lâu đời và hiện nay đã mất về tay người Pháp. Nó có vẻ như nói lên một sự thật, dám nhìn thẳng vào sự thật, và hăm hở tìm phương cứu chữa sự thật đó. Nó tự nhận nhiệm vụ « giáo hóa » cho quốc dân, lo lắng cho tiền đồ của dân tộc bằng cách « bồi dưỡng quốc hồn » « bảo tồn quốc túy ».

Nam phong đã làm ông lang cho xã hội Việt-nam như thế nào?

Chúng ta hãy nghe mấy lời nói đầu của *Nam phong* do Phạm Quỳnh viết:

« Hiện nay cái công phu ấy (bồi dưỡng quốc hồn—N.A. chú thích) đã trễ nải lắm rồi, quốc dân đã sụt xuống mấy bậc trên cái thang đạo đức, mà cái thang trí thức cũng chưa từng thấy bước lên được bước nào. Phong tục đã thấy suy vi, nhân tình đã thấy kiêu bạc...

...« Không gì bằng...khéo điều hòa dung hợp cái học cũ của ta với cái học mới thời nay.

...« Ta phải hiểu rõ cái nghĩa vụ của ta đối với nước ta, đối với đại quốc [Pháp] đã nhận trách nhiệm bảo hộ cho ta...». Cũng trong bài báo này mục đích của tờ báo được nêu rõ:

« Cái mục đích của bản báo là muốn gây lấy một nền học mới để thay thế vào cái nhọc học cũ, cũng để xướng lên một cái tư trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân ta. Cái tinh cách của sự học văn mới cùng cái tư trào mới ấy là tổ thuật cái học văn tư tưởng của Thái Tây, nhất là của nước Đại Pháp, mà không quên cái quốc túy trong nước » (2).

Trong một bài khác Phạm Quỳnh đã nói rõ hơn đường lối văn hóa của *Nam Phong tạp chí*:

« Chúng tôi mong rằng hai cái (văn hóa Pháp và văn hóa Việt-nam—N.A. chú) sẽ hỗn hợp dung hòa với nhau mà đoàn kết thành một khối thiên nhiên, thực là cái cụ thể của nước Nam đã nhận được ánh sáng khi nóng của văn hóa nước Đại Pháp vậy » (3).

Họa theo một số tên thực dân Pháp, Phạm Quỳnh tìm hiểu về văn hóa cổ Hy—La và văn hóa Đông phương, cố nguy biện để chứng minh rằng có sự gần gũi, sự gặp gỡ giữa hai nền văn hóa đó: Chúng gần gũi về tập tục, tín ngưỡng, xã hội, văn chương v.v... chúng có chung một nguồn gốc. Điều đó dẫn đến chỗ người Pháp phải tôn trọng truyền thống của người Nam, phải tìm hiểu bảo vệ nó. Ngược lại người Nam vì có chung một nguồn gốc với văn hóa Pháp, nên phải thân thiện, hợp tác với người Pháp để xây dựng chung.

Đường lối văn hóa của *Nam phong* đã rõ ràng: Dung hòa văn hóa Đông Tây; văn hóa phải làm tròn nghĩa vụ với thực dân Pháp.

(1) Sắc lệnh báo chí này in toàn văn trong *Le régime de la presse en indochine*, sách đã dẫn.

(2) *Nam phong* số 3 tháng 9-1917 bài « Mấy lời nói đầu » của Phạm Quỳnh.

(3) *Nam phong* số 3 tháng 9-1917 bài « Trường Đại học » của Phạm Quỳnh.

Đường lối văn hóa nhất quán của *Nam phong* dưới khẩu hiệu « tổng hợp Á Âu » « điều hòa tân cựu » đã làm nền tảng cho đường lối chính trị « Pháp Việt đề huệ », « Hợp tác Pháp Nam » của chủ nghĩa cải lương tư sản mại bản và phong kiến phản động.

Nam phong tồn tại lâu ; với một đội ngũ đông đảo, họ viết nhiều, dịch lắm, đủ các loại: triết học, sử học, văn học, khoa học kỹ thuật, v.v... và dưới nhiều dạng: nghiên cứu, giới thiệu, sưu tầm, dịch thuật, phê bình. Cây bút khỏe nhất và là linh hồn của *Nam phong* là Phạm Quỳnh. Trong đội ngũ viết bài cho *Nam phong* không phải không có người có nhiệt tình, có ý thức với văn hóa dân tộc nhưng bị lừa gạt, mua chuộc, đã vô tình góp tiếng nói với *Nam phong*.

Người giới thiệu văn hóa Âu Tây nhiều nhất là Phạm Quỳnh. Y dịch và giới thiệu Bô-đơ-le (Baudelaire), Lô-ti (Pierre Loti), A-na-tôn Phơ-răng-xơ (Anatole France), Cuốc-tơ-lin (O. Courteline), Guy-đơ Mô-pát-xăng (Guy de Maupassant); kịch của Coóc-nây (P. Corneille), Ma-ri-vô (Marivaux); khảo cứu triết học của Đê-các-tơ (Descartes), Vôn-te, Rút-xô, Mông-te-ski-ơ, Ô-guyt Công-tơ (Auguste Comte), Béc-xơn (Bergson) v.v... và v.v... Y còn nghiên cứu cả Phật giáo, Nho giáo và cả về khoa học kỹ thuật nữa.

Kho trí thức của Phạm Quỳnh đã làm cho nhiều người ngỡ. Những tư tưởng Âu Tây mà Phạm Quỳnh giới thiệu là một món hàng « bát nháo » rời rạc, bị cắt xén xuyên tạc. Mặt tích cực của nó không được khai thác đến mà lại xoay sâu vào mặt duy tâm siêu hình của các triết gia, mặt lãng mạn tiêu cực của các văn sĩ thi sĩ. Trước đây *Đông-dương tạp chí* không chủ trương dịch các sách triết học, đến nay *Nam phong* lại nói nhiều đến triết học, giới thiệu triết học duy tâm thần bí của các triết gia tư sản, cả triết học Khổng tử nữa. Phạm Quỳnh đã đem một mớ hỗn hợp văn hóa Âu Tây để áp đảo linh thần người Việt, lờ bịp giới tân học, lôi kéo và lung lạc họ. *Nam phong* dẫn họ từ chỗ sợ hãi « văn minh Pháp » đến chỗ khâm phục, chỉ cúi đầu mà học tập, tôn thờ, và lấy làm vinh dự được chọn đúng thầy.

Cái gọi là « quốc hồn quốc túy » mà *Nam phong* luôn luôn nhắc tới là gì?

Theo Phạm Quỳnh : « Bọn ta sinh trong buổi giao thời phải nên bảo tồn lấy nền văn hóa cũ trong nước mà thâu nhập lấy vẻ văn minh mới thời nay. Muốn bảo tồn nền văn hóa cũ, nên duy trì lấy đạo luân thường trong

quốc dân, đầu luân thường là nghĩa tôn quân » (1). Nguyễn Bá Trắc viết : « Muốn liên lạc lòng dân, thì trước hết phải tưởng đến cái quốc hồn. Mà vua ta chính là quốc hồn của ta đấy » (2).

Như vậy cái « quốc hồn, quốc túy » theo *Nam phong* là nghĩa tôn quân, là nhà vua, về mặt văn hóa tức là Nho giáo cùng với đạo đức lễ giáo tôn ti trật tự của nó. Vì vậy cho nên trong *Nam phong*, Phạm Quỳnh đã giới thiệu không những tư tưởng Âu Tây, Phật giáo mà còn cả Nho giáo nữa. Y đã từng diễn thuyết về « quan niệm của người quân tử trong triết học đạo Khổng » (3). Nguyễn Hữu Tiến tức Đông Châu cũng là một người nghiên cứu giới thiệu khá nhiều về học thuyết Khổng Mạnh ở *Nam phong*.

Chúng ta đã biết, hơn 10 năm trước các sĩ phu đã tốn bao hơi sức để đấu tranh loại trừ ảnh hưởng lối thời của Khổng Mạnh, hạ bệ quân quyền, và nó lại bị phong trào Ngũ tứ ở Trung-quốc (1919) rất gần gũi với chúng ta, quật cho tơi bời. *Nam phong* bằng con đường văn hóa lại cố dựng cái « thầy ma » ấy dậy, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp.

Đề « bồi đắp quốc hồn » « bảo tồn quốc túy », để thực hiện đường lối văn hóa « thâu nạp Á Âu », để học tập được văn minh phương Tây, Phạm Quỳnh trắng trợn tuyên bố sẵn sàng từ bỏ hết, kể cả độc lập của dân tộc : « Nhưng chúng tôi cũng muốn tăng cường cái vốn ấy bằng cách thâu lượm văn minh khoa học mới để truyền cho con cháu một cái vốn phong phú hơn... Chúng tôi xin nước Pháp giúp đỡ chúng tôi. Chúng tôi xin đánh đổi nó bằng nền độc lập chính trị của chúng tôi, tài nguyên của nước chúng tôi, bằng công sức của con người chúng tôi » (...Nous demandons à la France de nous y aider. Nous le lui demandons en échange de notre indépendance politique, des richesses de notre pays, du travail de nos hommes) (4).

(1) Phạm Quỳnh — *Nam phong* số 6 tháng 12-1917 bài « Luận thuyết ».

(2) Nguyễn Bá Trắc — *Nam phong* số 10 tháng 4-1918 bài « Cái quan niệm của ta đối với chủ nghĩa Đông-dương thống nhất ».

(3) Phạm Quỳnh — *L'idéal du sage dans la philosophie confucéenne*. *Nam phong* từng thư — 1928.

(4) Phạm Quỳnh — *L'évolution intellectuelle et morale des annamites depuis l'établissement du protectorat français* — phụ trương tiếng Pháp trong *Nam phong* số 66 tháng 12-1922.

Để tỏ lòng trung thành với « nước mẹ » *Nam phong* ngay từ những số đầu đã không ngớt lời kêu gọi, khuyến khích, động viên nhân dân ta đem người và của cung cấp cho thực dân Pháp trong chiến tranh. Chúng nêu lên hình ảnh « Rừng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc » để lôi kéo mọi người.

Trong việc thực hiện đường lối văn hóa « thờ nạp Á Âu » *Nam phong* lấy việc « tư tưởng » bằng « quốc văn » làm phương tiện. Ở đây, lại một lần nữa chúng ta thấy *Nam phong* cổ xúy cho chữ quốc ngữ đề cao chữ quốc ngữ. Vì vậy *Nam phong* tự cho mình công lao bồi đắp quốc văn. Đùng rằng trong công việc biên soạn, dịch thuật, *Nam phong* có làm cho quốc văn thêm phong phú, nhưng mục đích của việc làm đó lại quá đen tối và hoàn toàn thù địch với nhân dân như chúng ta đã rõ.

Một âm mưu khá thâm độc của *Nam phong* là dùng văn hóa đề lôi kéo, thu hút một số khá đông thanh niên tân học và những người ít nhiều có quan tâm đến văn hóa của dân tộc lãng xa nhiệm vụ chính trị trước mắt. Trong mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, Phạm Quỳnh đã giải quyết như sau : « Trong hai phương diện của cái đại văn đề quốc gia ngày nay, phương diện chính trị và phương diện văn hóa, phương diện dưới tuy cao xa mà khẩn thiết, quốc dân ta cần phải chuyên chú hơn nhất » (1). Để thực hiện âm mưu trên, Phạm Quỳnh đã ca ngợi và đề cao *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đến mức khôi hài : « Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, còn điều chi nữa mà ngờ », và y cho rằng *Truyện Kiều* là « quốc hoa », « quốc hồn », « quốc túy » của ta (2).

Phối hợp với hoạt động của *Nam phong*, Nguyễn Văn Vĩnh lúc này chuyên viết báo và dịch sách, y làm báo *Trung Bắc tân văn*, và mở nhà xuất bản, chuyên xuất bản loại sách Âu Tây tư tưởng. Y vừa kinh doanh làm giàu, vừa làm tay sai cho thực dân trong lĩnh vực văn hóa.

Để làm chỗ dựa cho mọi hoạt động của chúng, thực dân Pháp cho khai sinh một cái hội gọi là « Khai trí tiến đức » năm 1919 do A. Sarraut làm danh dự hội trưởng, L. Marty làm hội trưởng, Hoàng Trọng Phu làm hội phó, Phạm Quỳnh làm tổng thư ký. Đây là tổ chức của giới « thượng lưu trí thức ». Gọi là thượng lưu trí thức, nhưng nó bao gồm đủ loại : quan lại, công chức, nhà buôn, chủ thầu khoán, chủ xí nghiệp, nghĩa là « những người có thế lực, có địa vị trong xã hội. Tôn chỉ

của hội bao gồm trong hai chữ « trật tự » và « tiến bộ », « lấy trật tự làm cái thang tiến bộ, cầu sự tiến bộ ở nơi trật tự » (3). Khai trí tiến đức nhằm mục đích « gây một mối liên lạc giữa các bậc thượng lưu Tây Nam, dung hòa hai cái văn hóa Đông Tây và cổ động cho chủ nghĩa Pháp Việt đề huề ». *Nam phong* đã không ngớt lời đề cao giới thượng lưu. Chúng đưa lên đến mức họ là những người có trách nhiệm giáo hóa quần chúng ; vận mệnh của Tổ quốc, đồng bào là ở trong tay giới thượng lưu (1). Nào có ai khác ! Chỉ là một lũ tay sai lầm loại, nhiều kiểu, tập hợp lại để thực dân sai bảo, dẫn dắt nhân dân vào con đường sai lạc. Chúng ta được biết đây là một tổ chức được nặn ra từ trong óc của tên thực dân quỷ quyết A. Sarraut : « Chúng ta bàn về tầng lớp thượng lưu. Cần phải nhấn mạnh chữ đó. Sự tồn tại một giới thượng lưu là điều kiện tuyệt đối trong đời sống của toàn xứ... Chính nhờ nó và văn minh tiến bộ phát triển trong trật tự và kỷ luật » (4).

Nói tóm lại ở giai đoạn này, trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, thực dân và tay sai đã hành động một cách quỷ quyết hơn, cao tay hơn. Chúng đã vẽ ra đủ kiểu đủ trò. Từ đường lối văn hóa nô dịch, giả danh bảo tồn quốc túy với khẩu hiệu « thờ nạp Á Âu », đến đường lối chính trị « Pháp Nam thân thiện », « Pháp Việt đề huề » phản động. Từ một đám tay sai có năng lực trong trường văn hó đến cả một tổ chức hội rộng lớn. Mặc dù đã trở đủ tai, tung ra nhiều mảnh khé, nhưng khác với thời kỳ trước, chúng không thể tự do hoành hành trong lãnh vực văn hóa. Chúng đã vấp phải một sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta, nhất là giới văn hóa yêu nước. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, sự giác ngộ của quần chúng, tiếng nói của bọn tay sai càng ngày càng mất tác dụng, nhất là từ năm 1925—1926 trở đi.

B — Những hoạt động đấu tranh chống thực dân và tay sai trong lĩnh vực văn hóa từ sau đại chiến I đến trước 1930

Trong giai đoạn này, cùng với phong trào đấu

(1) *Nam phong* số 107 tháng 7-1926 bài « Văn hóa và chính trị » của Phạm Quỳnh.

(2) Diễn thuyết kỷ niệm Nguyễn Du ngày 8-9-1924 ở hội Khai trí tiến đức của Phạm Quỳnh.

(3) Diễn thuyết của hội Khai trí tiến đức ngày 27-4-1919. *Nam phong* số 22 tháng 4-1919.

(4) A. Sarraut — « Un programme de politique coloniale » — *Revue indochinoise* — 5-6-1923.

tranh chính trị sôi nổi, nhiều đợt sóng đấu tranh có màu sắc khác nhau cùng nổi dậy trong lĩnh vực văn hóa. Nói đến nhiều màu sắc khác nhau chúng tôi có ý muốn nói đến những xu hướng khác nhau của những nhóm khác nhau cùng đấu tranh chống thực dân và tay sai ở những mức độ và khía cạnh khác nhau. Chúng tôi tạm chia làm 3 nhóm: 1. Những hoạt động của các sĩ phu ra khỏi nhà tù, còn ở nước ngoài hay đã về nước; 2. Những hoạt động của tầng lớp thanh niên tân tiến; 3. Những hoạt động của đội ngũ các chiến sĩ tiền bối của giai cấp vô sản.

Trước khi tìm hiểu cụ thể các phong trào, chúng tôi thấy cần phải nhắc đến những điều kiện lịch sử mới có ảnh hưởng quyết định, khiến cho phong trào trong giai đoạn này có những nét mà chúng ta không thấy có ở giai đoạn trước.

Ở trong nước, sau chiến tranh thế giới kết thúc, thực dân Pháp tăng cường đầu tư khai thác nước ta. Chúng đã ra sức vơ vét của cải, động viên nhân vật lực cung cấp cho chiến tranh bên chính quốc, nay lại đẩy mạnh hơn để bù đắp cho sự hao hụt bên chính quốc vì chiến tranh. Nông dân bị phá sản vì mất ruộng đất hàng loạt. Đội ngũ công nhân tăng nhanh và ngày càng giác ngộ ý thức giai cấp. Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, học sinh, xuất hiện khắp nơi và ngày càng nhiều. Đội ngũ thanh niên tân học đông hơn trước, họ hăm hở bước vào cuộc sống với những kiến thức mới, những đòi hỏi mới. Trong lúc đó tiếng nói của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ còn vắng bên tai và ảnh hưởng của những hoạt động của các sĩ phu từ nước ngoài vẫn vọng về Tổ quốc.

Bên cạnh chúng ta, Trung-quốc qua cuộc cách mạng tân hợi (1911) rồi phong trào Ngũ tứ vận động (1919) và sự thành lập Đảng cộng sản (1921) liên tiếp dội ảnh hưởng sang nước ta. Xa hơn, nhưng lại có ảnh hưởng mạnh đến nước ta: sự thành lập Đảng cộng sản Pháp 1920. Đặc biệt nhất là Liên-xô xuất hiện với sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga 1917 đã làm rung chuyển cả thế giới. Nó lệ trên thế giới thức tỉnh, từ bản đế quốc hoảng sợ. Nước ta, một thuộc địa của thực dân Pháp, tuy bị ngăn chặn bằng nhiều cách, cũng đã tiếp nhận được những tia sáng của Cách mạng tháng Mười ngay từ những ngày vừa mới xuất hiện Nhà nước xô-viết đầu tiên trên trái đất.

Những điều kiện trên đã có ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt chính trị và văn hóa của nhân dân ta.

1. Hoạt động văn hóa của các sĩ phu yêu nước

Sau đại chiến thứ nhất các sĩ phu còn sống sót lần lượt ra khỏi nhà tù. Bên cạnh những sĩ phu ra tù vẫn tiếp tục hoạt động chống Pháp, thành lập các tổ chức bí mật, còn có những sĩ phu trở về với những hoạt động văn hóa như Ngô Đức Kế làm báo *Hữu Thanh*, Huỳnh Thúc Kháng mở báo *Tiếng Dân*; có sĩ phu ở nước ngoài về di diễn thuyết ở nhiều nơi như Phan Chu Trinh; có sĩ phu còn ở nước ngoài vẫn viết sách, làm báo gửi về nước như Phan Bội Châu, v.v...

Nhìn chung, qua đợt khủng bố của thực dân, trừ một số ít người biến tiết làm tay sai cho giặc như kiều Dương Bá Trạc, còn phần lớn các sĩ phu vẫn giữ được tinh thần yêu nước, thiết tha với Tổ quốc đồng bào. Riêng trong lãnh vực văn hóa các sĩ phu lại tiếp tục vạch mặt bọn tay sai, hô hào đánh đổ nền quân chủ và kêu gọi lòng yêu nước của mọi người.

Sau một thời gian vắng mặt trên đường văn hóa, khi trở lại thấy cảnh tượng mới, người mới, Ngô Đức Kế không thể không kêu lên khi nói đến những người làm công việc trước thuật trên diễn đàn văn hóa công khai hợp pháp lúc bấy giờ. Ông viết: «Ồi giới ơi! chỉ những bài ca, câu lý, tích lữ, chuyện vợ, chẳng chuyện tài tử giai nhân, thì lại yêu vua thần quái, vào có ích gì cho trí thức học vấn, có bổ ích gì cho thể đạo nhân tâm, làm cho mất trí mê hồn, thương phong bại tục» (1).

Đề đáp lại bọn bồi bút tay sai đang ra sức tán dương công ơn khai hóa của thực dân Pháp, Ngô Đức Kế đã vạch trần bộ mặt thật của xã hội Việt-nam dưới ảnh hưởng của văn minh Pháp: «Được tiếp thu cái văn minh của Pháp quốc mấy mươi năm nay» mà «chỉ mê mẩn tối tăm, ngu hèn dốt nát, đói nghèo khổ... nhân cách ngày một hư, phong tục ngày một nát; ngọc vàng ngoài mặt, thối nát bề trong, văn minh chẳng thấy đâu, mà ngày càng thêm mọi rợ» (2).

Phạm Quỳnh, tên trùm văn hóa trên diễn đàn hợp pháp, vẫn ngông nghênh tưởng ngoài mình ra không còn ai hơn nữa; y đã bị Ngô Đức Kế vạch mặt trước quần chúng trong dịp y cổ xúy truyện Kiều với âm mưu đưa quần

(1) Ngô Đức Kế — «Cảm tưởng trong lúc biên tập» *Hữu Thanh* số 2 ngày 15-11-1923. Xem toàn văn in trong *Văn thơ cách mạng V.N. đầu thế kỷ XX*, của Đặng Thai Mai, tr. 223 — 230.

(2) Ngô Đức Kế — «Cảm tưởng trong lúc biên tập» Tài liệu đã dẫn.

chúng vào con đường văn hóa thuần túy. Ngô Đức Kế đập thẳng cánh bọn bồi bút vô liêm sỉ, trong đó Phạm Quỳnh là số một: « Những người học thức kiến văn chưa được một năm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lom lem học những thuyết ông Mạnh (Moutesquieu) ông Lư (Rousseau), bập bẹ những cách ngôn họ Trang họ Liệt thì đã nghiêm nhiên tự lập làm một đảng văn hào, tự xưng khai hóa quốc dân mà không ngó lại mình đã khai hóa hay chưa; thời thì bài văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thời thì tán xằng tán nhảm, nói bậy nói càn, không còn nghĩa lý chính đáng gì nữa.

« Thương hại thay! trong nước kẻ học thì ít, kẻ không học thì nhiều... những văn chương nhảm nhí, ngôn luận càn xiên ấy đã tràn ngập khắp cả nước, làm cho phải trái điên đảo, trắng đen lộn phèo... » (1).

Và cuối cùng Ngô Đức Kế đã kết tội bọn ấy trước tòa án lịch sử: « Cái xã hội Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán này há không phải bởi các nhân vật giả dối Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán ấy múa bút khua lưỡi mà gây nên ư? » (2).

Phan Bội Châu hoạt động ở Trung-quốc cũng đã viết *Tây Nam lữ hành ký*, *Dur chí phúc âm*, *Việt-nam nghĩa liệt sử*, *Thiên hồ đế hồ I* v.v... Từ sau khi bị bắt đem về nước và bị giam lỏng ở Huế, cụ vẫn tiếp tục dùng cây bút của mình để sáng tác. Tiếng nói của Phan Bội Châu càng về sau càng lạc lõng, nhưng vẫn có tác dụng lớn trong việc động viên giáo dục thanh niên, nhất là những sáng tác khi cụ còn hoạt động ở Trung-quốc. Về chính sách văn hóa giáo dục của thực dân, cụ đã có những nhận định rất xác đáng: « Từ sau khi mất nước thì những giáo dục tốt đẹp cố nhiên người Pháp không vì người Việt mà đặt thêm, nên họ lại ngày càng cường bách người Việt theo sự giáo dục nô lệ trâu ngựa » (3). Và ở một chỗ khác cụ đã kết luận dứt khoát: « Dưới xiềng xích của cường quyền thì giáo dục đều là bất lương » (4).

Chúng ta còn biết Phan Chu Trinh trong những năm ở trên đất Pháp cũng như khi về nước, cụ đã từng diễn thuyết, viết báo cổ động tuyên truyền cho tư tưởng dân chủ, hô hào đánh đổ nền quân chủ. Năm 1922, khi tên vua bù nhìn Khải Định sang Pháp cụ đã viết « thất điều trần », kết án Khải Định phạm 7 tội đáng chém. Cụ yêu cầu Khải Định « mau mau hãy quay đầu lại mà thoái vị đi, đem chính quyền mà giao trả lại quốc dân ». Trong các bài diễn thuyết « Đạo đức và luân lý đông tây », « quân trị và dân trị » khi đã về nước, Phan Chu Trinh vẫn lớn tiếng cổ xúy cho tư tưởng

dân chủ và đả kích chế độ quân chủ. Nhưng những tư tưởng của Phan Chu Trinh vẫn chỉ mới dừng lại ở mức dân chủ tư sản mà cụ đã hấp thụ được trong những năm ở Pháp.

Nhìn chung tiếng nói của các sĩ phu trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa trong giai đoạn này cũng không vượt xa hơn tầm của những năm đầu thế kỷ, mặc dù lịch sử đã có nhiều biến chuyển lớn. Các sĩ phu vẫn duy trì được tinh thần yêu nước toát ra từ các hoạt động văn hóa; nhưng chúng ta không còn thấy ở các sĩ phu không khí hừng hực chiến đấu như xưa nữa. Các sĩ phu nặng về đả kích bọn tay sai, duy trì « nhân tâm thế đạo ». Tuy đã hết vai trò tiên phong trên trận địa tư tưởng và văn hóa, nhưng tiếng nói và uy tín của các sĩ phu vẫn còn có tác dụng động viên lớn đối với nhân dân ta, nhất là tầng lớp thanh niên có học thức.

2. Hoạt động văn hóa của tầng lớp thanh niên tân tiến.

Chúng ta biết rằng trong thời kỳ này tầng lớp thanh niên tân tiến, hoặc ở trong nước, hoặc ở Pháp về, có mặt khá đông đảo. Họ tiếp thu được truyền thống yêu nước của thế hệ cha anh, và ngay lúc này, tiếng nói của một số sĩ phu đang có tác dụng thúc dục động viên khá mạnh đối với họ. Nhưng giữa họ và các sĩ phu, trên con đường hoạt động hoàn toàn giống nhau về tư tưởng và hành động nữa. Họ không nặng nề duyên nợ với ý thức hệ phong kiến như thế hệ trước. Do ảnh hưởng của phong trào cách mạng trên thế giới, do đọc sách báo tư sản tiến bộ, họ hăm hở xông vào trường chính trị văn hóa với những tổ chức hội, nhóm, đảng và họ viết sách, mở tòa báo, mở nhà xuất bản, tòng thư, thư cục v.v...

Một điều cần đặc biệt lưu ý là tầng lớp thanh niên này không đồng nhất với nhau về quan điểm và xu hướng chính trị. Là những

(1) Ngô Đức Kế — « Luận về chánh, học cùng tà thuyết » *Hữu Thanh* số 21. Toàn văn in trong *Hợp tuyển thơ văn V.N. 1858 đến 1930*, tr. 101.

(2) Ngô Đức Kế « Luận về chánh học cùng tà thuyết » tài liệu đã dẫn

(3) Phan Bội Châu — *Thiên hồ đế hồ I* viết năm 1923 — Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm, Lê Xuân Mai, Chương Thâu. Tài liệu đánh máy do bạn Chương Thâu cho mượn.

(4) Phan Bội Châu — *Chuyện Phạm Hồng Thái*, xuất bản tại Quảng-châu năm 1925. Tài liệu đánh máy của bạn Chương Thâu dịch và cho mượn.

người tiểu tư sản học sinh với những nguồn gốc giai cấp khác nhau khá phức tạp, họ tham gia hoạt động trong hoàn cảnh chưa có một tổ chức lãnh đạo thống nhất; họ lại tiếp thu ảnh hưởng của nhiều hướng khác nhau, cho nên sự phân tán trong hàng ngũ họ cũng là một điều dễ hiểu. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước, trong quá trình hoạt động họ phân hóa khá nhanh. Có người theo kịp phong trào, luôn luôn là hạt nhân của phong trào cho đến ngày nay, có người nửa chừng thoái hóa, có kẻ thoái hóa ngay từ trận giao tranh ban đầu, có người trước sau sa vào quan điểm văn hóa thuần túy.

Nói đến tầng lớp này chúng ta có thể kể đến Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trưng, Phạm Tuấn Tài, Đào Duy Anh, Bùi Quang Chiêu, Vũ Đình Dy v.v...

Điểm nổi bật nhất trong sinh hoạt văn hóa thời kỳ này là báo chí. Sau đại chiến lần thứ nhất, mặc dù chưa có chế độ báo chí riêng cho Bắc và Trung-kỳ, thực dân Pháp có nói rộng đôi chút với báo tiếng Việt, tuy vậy cũng không bằng báo tiếng Pháp. Báo tiếng Pháp được hưởng một thể lệ rộng rãi, chỉ cần khai báo với nhà đưng cục 24 giờ trước khi xuất bản, người quản lý phải là người Pháp hay người Việt có quốc tịch Pháp là đủ.

Lợi dụng điều kiện có lợi cho hoạt động văn hóa, thanh niên tân tiến tham gia một loạt báo tiếng Pháp. Như tờ *La tribune indigène* của Nguyễn Phú Khai và Bùi Quang Chiêu; *La cloche fêlée* của Nguyễn An Ninh do Phan Văn Trường làm chủ bút, Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Tập làm trợ bút; *L'Annam* của Phan Văn Trường; *Le Nhà quê* diễn đàn của thanh niên do Lê Văn Chất làm quản lý, Nguyễn Khánh Toàn làm chủ bút; *Jeune Annam* của Đảng Thanh niên do Lâm Hiệp Châu làm chủ nhiệm; *L'union indochinoise* của Vũ Đình Dy, *L'écho annamite* của Nguyễn Phan Long, *La tribune indochinoise* của Bùi Quang Chiêu.

Trên báo chí họ đã đưa ngòi bút vào những vấn đề cụ thể đang diễn ra trước mắt, như công kích bọn thống trị thực dân, bọn nghị sĩ ở Nam-kỳ; công kích chế độ thuộc địa và bọn quan lại tham nhũng thực dân, hoặc chống áp bức ở thuộc địa, đòi mở rộng dân chủ, đòi thả Phan Bội Châu v.v...

Các báo trên gọi là tiền bộ vì ít nhiều nó có chống lại chế độ thực dân phong kiến ở những mức độ khác nhau. Tờ *La tribune indigène* là tiếng nói của một số địa chủ tư sản bản xứ đòi mở rộng quyền trong chế độ thuộc

địa và chống phe đối lập, lúc đầu rất gay gắt, nhưng cũng rất dễ thỏa hiệp. Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ngay sau đây trở thành đại địa chủ và nghị sĩ, làm tay sai cho thực dân. Vũ Đình Dy với xu hướng tự trị cũng đã nhanh chóng thỏa hiệp với thực dân Pháp khi chúng ném ra một vài cải cách. Chỉ có tiếng nói của nhóm thanh niên tiểu tư sản, có cứng cỏi hơn, nhưng cũng chưa có một lập trường rõ ràng. Phan Văn Trường khi làm báo *La cloche fêlée* *L'Annam* có đăng những bài của báo *L'Humanité* của Đảng cộng sản Pháp, đăng toàn văn bản Tuyên ngôn cộng sản của Marx và Engels; *Le Nhà quê*, *Jeune Annam* bị tịch thu từ số đầu (1).

Ngoài báo chí tiếng Pháp chúng ta còn thấy báo tiếng Việt như tờ *Ngòi bút sắt* của Trần Huy Liệu, tờ *Đông Pháp thời báo* của Nguyễn Kim Định, Trần Huy Liệu làm chủ bút. Các báo này đã tích cực góp phần cổ động trong các phong trào của những năm 24—26. Người ta còn lợi dụng những chiêu bài để hoạt động như tờ *Pháp Việt nhất gia* ở Nam-kỳ do Lê Thành Lư làm quản lý, Trần Huy Liệu làm chủ bút. Năm 1926 báo này đã quyên sinh với việc lên án nhà Đông Pháp ngân hàng, đòi tự do dân chủ, chống chủ trương Pháp Việt đề huề, Pháp Việt nhất gia của bọn bồi bút tay sai đang tung ra trong lúc này.

Nếu như về báo chí, tầng lớp thanh niên tân tiến tập trung hoạt động ở Nam-kỳ, thì về sách, chúng ta lại thấy xuất hiện thư xã ở khắp Bắc Trung Nam.

Tập sách của Trần Hữu Độ xuất bản tại Nam-kỳ chuyên dịch sách của Lương Khải Siêu trong *Ấm bằng sắt*. Cường học thư xã ở Sài-gòn do Trần Huy Liệu làm chủ nhiệm, chuyên xuất bản những tập sách cổ động lòng yêu nước như *Anh hùng cứu quốc* của Đào Khắc Hưng, *Ngục trung ký sự* và *Tân quốc dân* của Trần Huy Liệu, hoặc kể chuyện những nhà ái quốc ở nước ngoài như: *Khai quốc vĩ nhân*, *Ba người anh kiệt Ý-dại-lợi*, *Hiến thân cho nước* v.v... Duy tân thư xã do Tô Chấn chủ trương tại Sài-gòn chuyên xuất bản những sách của Phan Bội Châu khi cạ bị an trí ở Huế. Ở Hà-nội có Nam đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài xuất bản các tập sách cổ động yêu nước như: *Con thuyền khứ quốc*, *Giương ai quốc*, *Giương thành bại* của Dật Công, Phạm Tuấn Tài, *Bầu tâm sự* của Trần Huy Liệu v.v...

(1) Về báo chí chúng tôi dựa vào tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam tập IV của Trần Huy Liệu .. Xuất bản Văn Sử Địa năm 1958.

Ở Bắc-kỳ còn có Nhật nam thư xã, xuất bản những sách tiến bộ trong đó có cuốn *Tiếng sấm đêm đông* của Nguyễn Tử Siêu. Ở Huế có *Quan hải lung thư* của Đào Duy Anh, chuyên biên dịch và khảo cứu những sách thuộc loại xã hội đề giới thiệu những kiến thức và tư tưởng mới. Ngoài ra chúng ta còn thấy có những cuốn như *Thanh niên cao vọng* của Nguyễn An Ninh, *Gỡ mặt nạ bọn thượng lưu Nam-kỳ* của Trần Huy Liệu.

Qua các sách trên chúng ta thấy tầng lớp thanh niên tân tiến đã chú trọng đến việc giáo dục lòng yêu nước, cổ động ý chí cứu nước. Gương cứu quốc của các anh hùng được họ nêu cao. Về ý thức tư tưởng cũng không ngoài tư tưởng cải lương tư sản của Khang Lương, và chủ trương cách mạng quốc gia.

Các sĩ phu đầu thế kỷ đấu tranh cho sự tồn tại và địa vị của chữ Việt trong văn hóa học thuật nước nhà, đến bây giờ thanh niên tân tiến cũng góp phần làm cho tiếng Việt thêm phong phú trong sáng qua công việc sáng tác dịch thuật của họ. Các sĩ phu mới tham gia một vài tờ báo và còn viết sách văn thơ bằng chữ nho; đến bây giờ thanh niên mở nhiều tờ báo, nhiều thư xã, họ không bận tâm đến chữ nho, đến thơ phú, họ viết báo, viết sách bằng chữ Việt và cả bằng chữ Pháp. Họ đã góp phần làm cho nền văn hóa học thuật của nước nhà thêm phong phú cả về nội dung và hình thức.

Hoạt động văn hóa của tầng lớp thanh niên tân tiến lúc này có những điểm nổi bật. Trước hết là mức độ khá rầm rộ, rộng lớn của họ. Họ đã lớn tiếng trong làng báo lại còn biên soạn, dịch thuật và xuất bản khá nhiều sách. Gần những hoạt động văn hóa vào vấn đề nóng hổi đang diễn ra trước mắt cũng là một đặc điểm nổi bật của họ. Từ đó họ đã kích thích dân, cổ động lòng yêu nước, làm cho thực dân Pháp phải đau đầu. Họ đã tích cực góp phần đấu tranh đòi tự do dân chủ trong các năm 1922—1926.

Bằng con đường hoạt động văn hóa, họ đã tập hợp được lực lượng. Nam đồng thư xã và Cường học thư xã đã là điểm phôi thai của Việt-nam quốc dân đảng ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ.

Như chúng tôi đã nói ở trên, đội ngũ thanh niên tân tiến khá đông đảo nhưng lại không có một xu hướng chính trị thống nhất. Có người có cảm tình với giai cấp công nhân và sau đó chiến đấu trong hàng ngũ vô sản, có nhóm lại theo con đường cách mạng quốc gia và tiếp tục phân hóa nữa, có nhóm lại chủ trương tự trị yêu cầu cải cách, có kẻ rất nhanh chóng trở thành tay sai cho thực dân Pháp. Chúng ta biết thêm rằng lúc này tư tưởng cách

mạng của giai cấp vô sản đã được phổ biến khá rộng rãi trên thế giới. Đặc biệt là sau Cách mạng tháng Mười Nga, nó đã trở thành sức mạnh vô địch và đẩy lùi các loại tư tưởng cách mạng quốc gia xuống hàng thứ yếu. Ở nước ta cũng vậy, hệ tư tưởng vô sản đang thâm nhập vào quần chúng nhất là giai cấp công nhân. Tiếng nói của thanh niên tiểu tư sản trong lãnh vực tư tưởng và văn hóa với chủ trương cách mạng quốc gia lúc này đã trở thành lạc lõng, nó không thể bám rễ xuống quần chúng nhân dân được. Nó không có chiều sâu và vì vậy sớm bị nghiêng ngả. Trên cơ sở đó, những hoạt động văn hóa của họ cũng không bền vững, thiếu hẳn tính chất tiên phong và nhanh chóng bị phân hóa.

3. Hoạt động văn hóa của các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản.

Nghẹn đên pha Cách mạng tháng 10 Nga đã rọi những tia sáng đầu tiên vào Việt-nam bằng báo chí tiến bộ ở Pháp, báo chí của các chiến sĩ cộng sản người Việt-nam ở hải ngoại viết và bí mật chuyển về nước bằng nhiều đường. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng 10 vào Việt-nam buộc thực dân Pháp và tay sai phải nói đến nước Nga bôn-sê-vích, đến Lê-nin, nhưng cố nhiên là để xuyên tạc, vu khống.

Nguyễn Ái Quốc sang Pháp và trong những hoạt động ở Pháp, Người « là một công nhân có kiến thức rộng rãi cả văn hóa Đông Tây, Người liên hệ với các chính khách và các nhà văn hóa tiến bộ, Người viết báo, viết kịch, viết tiểu thuyết » (1). Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã vang dội về nước.

Chúng ta được biết rằng từ năm 1924, cùng với phong trào sôi nổi của công nhân, nông dân trong nước, những tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông-dương đã được thành lập ở nước ngoài.

Để giác ngộ quần chúng, tập hợp lực lượng, các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản đã quan tâm đến những hoạt động trong lãnh vực tư tưởng và văn hóa.

Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đã viết *Quyền tự quyết của các dân tộc* (Le Droit des nations) gửi hội nghị các cường quốc ở Véc-xây. Tháng 12-1920 Người đã lớn tiếng phát biểu ý kiến ở đại hội thành Tua, đứng về phía những người cộng sản Pháp tán thành Đề tam quốc tế. Báo *Le paria* của Hội liên hiệp các thuộc địa Pháp do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, ra đời năm 1922.

(1) Trần Văn Giàu — *Giai cấp công nhân Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật 1958 trang 316.

Cũng năm 1922, Người viết vở kịch *Rồng tre* đã kích Khải Định khi y sang Pháp và năm 1925 cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* (Le procès de la colonisation Française) ra đời.

Có thể nói hoạt động văn hóa của Nguyễn Ái Quốc là những nhát búa đầu tiên của người chiến sĩ cộng sản Việt-nam, là đòn sấm sét của giai cấp công nhân Việt-nam nện vào chế độ thực dân phong kiến.

Những hoạt động văn hóa của Nguyễn Ái Quốc lúc này nhằm tố cáo chính sách thực dân đã man tàn bạo, vạch trần bộ mặt phản quốc của bọn tù nhân, giới thiệu Cách mạng tháng Mười Nga, tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản và vận động cách mạng ở trong nước.

Trong lúc bọn tay sai ở Đông-dương không ngớt lời ca tụng ân đức khai khóa của thực dân, bọn tư bản thực dân ở Pháp tuyên truyền bịp bợm cho sự văn minh phần thịnh của thuộc địa Đông-dương, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần sự giả dối bịp bợm đó ở Đại hội thành Tua: "Trong vài phút tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông-dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chật ních (.....). Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc du lịch ở nước ngoài, chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập" (1).

Trên báo *Le Paria*, Nguyễn Ái Quốc đã liên tiếp vạch trần chính sách dã man của thực dân: đàn áp chính trị; bắn giết người vô tội và; đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện, nhà thổ, bắt lính, bắt đóng công trái; xâm phạm đến tín ngưỡng của nhân dân; ăn cắp, hối lộ v.v...

Chúng ta thấy ở những người cộng sản một quan điểm dứt khoát, không khoan nhượng đối với chính sách văn hóa nô dịch của thực dân Pháp. Mũi nhọn đấu tranh của họ đã tập trung vào kẻ thù của dân tộc trong khi tuyên bố thực dân Pháp "khai hóa dân bản xứ bằng đại bác và lưỡi lê" (2). Trước mặt người cộng sản: "Các quan cai trị cả lớn lẫn bé, được nước mẹ giao vận mệnh xứ Đông-dương cho nói chung đều là những bọn ngu xuẩn và dốt cáng" (3).

Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu chương trình quảng diễn tiến bộ của chính phủ xô-viết bằng cách so sánh "nền văn minh" của Pháp với "chế độ dã man" bên-sê-vích; cách so sánh này còn là một đòn giáng vào những kẻ chuyên vu khống xuyên tạc nước Nga xô-viết và văn hóa của giai cấp vô sản.

Trên tờ *Le Paria*, tác giả Trần Xuân Hộ, một đảng viên cộng sản người Việt đã giới thiệu: «Đề bắt đầu hiểu học thuyết của quốc tế cộng sản, tôi mời anh em nghiên cứu sách vở của Các Mác» và «chỉ có chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta mới tìm được sự giải phóng của chúng ta» (4).

Ngoài những hình thức báo chí, sách vở, Nguyễn Ái Quốc còn thông qua những cuộc mít-tinh, tọa đàm ở các câu lạc bộ để tuyên truyền vận động cách mạng. Các đảng viên cộng sản Pháp người Việt còn viết hàng ngàn truyền đơn bằng chữ quốc ngữ rải ở Đông-dương tuyên truyền cho nước Nga xô-viết, giới thiệu Lê-nin, kêu gọi mọi người tin tưởng ở tương lai, giới thiệu quốc tế vô sản, kêu gọi mọi người không đi lính làm bia đỡ đạn cho thực dân (5).

Từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về hoạt động ở Quảng-châu. Người thành lập Thanh niên cộng sản đoàn (1924) rồi Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925); những hoạt động chính trị lại được đẩy mạnh hơn ngay sát Tổ quốc và trực tiếp dội ảnh hưởng về nước.

Lời tuyên ngôn của Đại hội toàn quốc Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội lần thứ nhất tại Quảng-châu năm 1925, đã nêu lên những yêu cầu cấp bách và đề ra cương lĩnh đấu tranh, trong đó có mục văn hóa. Về giáo dục, "yêu cầu bãi bỏ tất cả các trường học đế quốc và thay thế bằng trường học cách mạng không phải trả tiền" (6). Về văn hóa nói chung, cương lĩnh đã ghi: "a) tự do đọc báo chí thuộc mọi xu hướng và các loại sách; b) tự do mở trường và tự do học tập; c) tự do xuất bản báo chí và sách vở; d) bãi bỏ kiểm duyệt" (7) ».

Đề giáo dục tư tưởng chính trị và đường lối cách mạng của giai cấp vô sản cho quần chúng, Việt-nam thanh niên cách mạng đồng

(1) *Hồ Chí Minh tuyển tập*, xuất bản Sự thật 1960, tr. 9 và 10.

(2) Nguyễn Ái Quốc — bài "Những cái tốt đẹp của nền văn minh Pháp" — tạp chí *Thư tín quốc tế* số 32 — 1924. In lại trong *Lên án chủ nghĩa thực dân*, xuất bản Sự thật 1959.

(3) Nguyễn Ái Quốc — bài "Tình cảnh nông dân Việt-nam". Báo *La vie ouvrière* 4-1-1924 in lại trong sách trên tr. 76.

(4), (5) Trần Văn Giàu — Sách đã dẫn tr. 337.

(6), (7) *Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt-nam* tập IV.

chí hội đã tổ chức những lớp huấn luyện từ 1925 đến 1927 cho gần 300 thanh niên trong nước ra Quảng-châu. Giảng viên do Lý Thụy (tức Nguyễn Ái Quốc) là chủ yếu, có thêm Lê Duy Diễm và Hồ Tùng Mậu. Chương trình học gồm có: Thời cuộc thế giới; chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa đế quốc; các tổ chức (quần chúng); ngoại ngữ (trung văn); viết báo, hát, sinh hoạt tập thể trong cơ quan (1).

Về báo chí, Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội còn có báo *Thanh niên*, báo *Công nông*. Báo *Thanh niên* ra đời từ tháng 6-1925 đến tháng 4-1927. Bài vở do Nguyễn Ái Quốc viết hay sửa chữa. Báo viết bằng chữ quốc ngữ, in tay, số lượng mấy trăm tờ. Báo nhằm mục đích giáo dục chính trị, xây dựng tư tưởng, tập hợp lực lượng. Bên cạnh đó một số sách nhỏ được xuất bản. Như: *Xã hội chủ nghĩa*; *Chủ nghĩa Mác Khắc Tư*; *Phê bình tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên*; *Phê bình chủ nghĩa Găng-di*; *Phê bình chủ nghĩa vô chính phủ*; *Phê bình chủ nghĩa công đoàn*; *Vấn đề tổ chức công đoàn v.v...* (2).

Như chúng ta đã biết, tư tưởng Mác Lê-nin và học thuyết cách mạng của các bậc thầy vĩ đại của giai cấp công nhân là đỉnh cao nhất, tiên tiến nhất của văn hóa loài người. Trên trận địa tư tưởng và văn hóa, các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản Việt-nam đã không ngừng đập tan tư tưởng nô dịch dưới mọi chiêu bài, bước đầu phê phán tư tưởng phi vô sản các loại và mở đường cho nhân dân ta tiếp thu nền văn hóa tiên tiến nhất của loài người. Nền văn hóa đó thâm nhập vào Việt-nam không những bằng sách, báo, truyền đơn gửi về nước; các chiến sĩ tiên phong sau khi được học tập huấn luyện ở nước ngoài về nước hoạt động, đã đi vào đồn điền, hầm mỏ, xí nghiệp, không những để tự rèn luyện mà còn để giáo dục quần chúng, đưa văn hóa vô sản vào quần chúng, giác ngộ và vận động quần chúng làm cách mạng.

Bởi vậy hoạt động văn hóa của các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản đã gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị. Một khi tư tưởng và văn hóa của giai cấp vô sản được đưa vào quần chúng, ý thức chính trị của quần chúng được nâng cao thì lực lượng cách mạng được tập hợp; và tư tưởng cách mạng sẽ biến thành hành động cách mạng. Nền văn hóa của các chiến sĩ tiên phong chủ trương cũng không ngoài mục đích nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Tiếp thu truyền thống yêu nước, kế tục sự nghiệp đấu tranh chống thực dân và tay sai trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa của các thế

hệ trước, các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản Việt-nam, đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc, đã dần dần đưa văn hóa của dân tộc ta vào một kỷ nguyên mới — kỷ nguyên của Cách mạng tháng 10 của cách mạng vô sản.

Bởi lẽ những hoạt động văn hóa của các chiến sĩ tiên phong nhằm mục đích giải phóng dân tộc và vì lợi ích của dân tộc; bởi lẽ nền văn hóa đó mang nội dung cách mạng nh tiên tiến nhất, nó nhằm phục vụ cho quần đại quần chúng, nó được quần chúng hoan nghênh, tiếp nhận và vun trồng, cho nên ngay từ đầu nền văn hóa của giai cấp vô sản đã mang tính chất dân tộc khoa học và đại chúng.

Đó là đặc điểm và cũng là sức mạnh vô địch của đường lối hoạt động tư tưởng và văn hóa cùng những thành tựu về văn hóa của các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản trong thời kỳ này.

Chúng ta biết rằng, trong những năm từ trước 1930, giai cấp vô sản Việt-nam chưa nắm được bá quyền lãnh đạo cách mạng, nhưng nền văn hóa của nó, trong lúc thiếu thời, đã tỏ ra có sức mạnh thuyết phục và hấp dẫn lạ kỳ. Không phải ngẫu nhiên mà báo *La choche flélee* và *L'Annam* của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Trường lại có đăng bài của báo *L'Humanité* và toàn văn bản Tuyên ngôn cộng sản; không phải ngẫu nhiên mà rất nhiều người hoạt động văn hóa trong hàng ngũ thanh niên tân tiến dần dần ngã về phía xu hướng cộng sản và sau này tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của giai cấp vô sản. Cũng không phải ngẫu nhiên mà thực dân Pháp và bè lũ tay sai, ngay từ lúc chưa có Đảng cộng sản Đông-dương, đã ra sức xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản và văn hóa của giai cấp vô sản.

Tư tưởng của giai cấp vô sản càng đi sâu vào quần chúng, mọi luận điệu nô dịch phản động của thực dân và tay sai càng mất dần tác dụng, nhất là từ những năm 1926 trở đi. Trên con đường phá sản, bị vạch mặt, bọn bồi bút tay sai lại càng xuyên tạc văn hóa vô sản một cách hèn hạ.

Sự thật lịch sử đã chứng minh sức mạnh của nền văn hóa do các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản chủ trương. Trong lúc những hoạt động văn hóa của các sĩ phu trong giai đoạn này đi vào màn chót; những hoạt động văn hóa của thanh niên tân tiến

(1) và (2) Trần Văn Giàu — Sách đã dẫn.

tuy rầm rộ sôi nổi ban đầu nhưng rất nhanh chóng phân hóa và nghiêng ngã, thì những hoạt động của các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản lại càng ngày càng phát triển, càng bám rễ sâu vào quần chúng. Nó không tàn lụi thui chột đi mà lại lớn lên nhịp nhàng với sự lớn mạnh của đội ngũ cách mạng, cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng vô sản.

Sức mạnh vô địch và sức thuyết phục, hấp dẫn lạ kỳ của đường lối văn hóa của giai cấp vô sản Việt-nam bắt nguồn từ tính chất cách mạng triệt để của đường lối cách mạng của một giai cấp đang nắm vận mệnh lịch sử nhân loại.

Trong bầu không khí mờ tối của văn hóa nô dịch, các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản đã đấu tranh giành cho nền văn hóa tiên tiến nhất của loài người một chỗ đứng và ngày càng phát triển trên đất nước ta. Nó mở đường cho tư tưởng cách mạng thâm nhập vào quần chúng, tiến tới thành lập một đảng lãnh đạo, nắm bá quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam, và đưa cách mạng nước ta vào một quỹ đạo mới. Nền văn hóa đó đang như một lưỡi gươm cắm sâu vào tim gan của toàn bộ tư tưởng và văn hóa nô dịch, để đến một ngày góp phần tích cực trong việc đánh ngã gục chế độ đã đẻ ra nó, giành độc lập cho tổ quốc, tự do cho dân tộc.

KẾT LUẬN

Đấu tranh chống thực dân và tay sai trên lĩnh vực văn hóa trong 30 năm đầu thế kỷ là một quá trình gay go và phức tạp. Ở bài này chúng tôi chỉ mới nói lên được một phần rất nhỏ điều đó.

Lịch sử 30 năm đấu tranh ấy đã cho chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề tư tưởng và văn hóa. Văn hóa của thực dân và tay sai, dù có được nguy trang dưới bất cứ hình thức nào, dù có được che đậy bằng bất kỳ một từ hoa mỹ nào cũng chứa đựng một nội dung tư tưởng nô dịch. Mọi luận điệu văn hóa trước hết, văn hóa thuần túy, chỉ là một trò bịp bợm. Ngược lại tư tưởng yêu nước, căm thù thực dân Pháp và tay sai, tư tưởng cách mạng của nhân dân ta đã được biểu hiện dưới những hình thức văn hóa phong phú.

Văn hóa là một lợi khí sắc bén để đấu tranh tư tưởng và truyền bá tư tưởng. Nhân dân ta đã sớm biết sử dụng văn hóa để xây dựng những con người giác ngộ cách mạng, có đủ dũng khí đứng lên chống giặc cứu nước, giải phóng dân tộc.

Chúng ta đánh giá cao hoạt động văn hóa yêu nước trong 30 năm đầu thế kỷ. Càng đặc sắc hơn nữa, lớn lao hơn nữa khi nó làm nhiệm vụ tiên phong, đứng ở tuyến đầu của tư tưởng thời đại. Các sĩ phu đầu thế kỷ đã đấu tranh chống tư tưởng nô dịch, chống tư tưởng phong kiến cực kỳ bảo thủ phản động,

để mở đường cho tư tưởng dân chủ (tư sản) nảy nở trong quần chúng; sau đại chiến lần thứ nhất, sau Cách mạng tháng Mười Nga, lịch sử đã trao lại ngọn cờ tiên phong cho các chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản. Từ đây nền văn hóa của dân tộc ta được tiếp xúc và vươn dần tới đỉnh cao nhất của văn hóa loài người — văn hóa vô sản.

Mặc dù có cả một bộ máy nhà nước nuôi dưỡng và bảo vệ, nền văn hóa nô dịch của quân thù vẫn liên tiếp bị tấn công. Gông cùm, súng đạn của chúng không ngăn chặn được sự phát triển của nền văn hóa của những người bị trị đang vùng lên để lật đổ ách thống trị. Nhất là nền văn hóa đó lại kế thừa một nền văn hiến lâu đời của một dân tộc anh hùng đã từng có lịch sử quang vinh hiển hách.

Từ trong xiềng xích của quân thù, những thành tựu văn hóa của nhân dân ta trong 30 năm đầu thế kỷ là một kho tàng quý báu của văn hóa dân tộc. Những kinh nghiệm, những thành tựu đó là một vốn quý, một niềm tự hào, và là một nguồn cổ vũ lớn lao đối với chúng ta — những người kế tục sự nghiệp của các thế hệ trước, đang bắt tay vào cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa; những người đang từng giờ từng phút đấu tranh chống văn hóa nô dịch của Mỹ nguy ở miền Nam, góp phần giải phóng đồng bào miền Nam, đấu tranh cho độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

GIÁO SƯ SỬ HỌC TRẦN VĂN KHANG TỪ TRẦN

Ông Trần Văn Khang, Giáo sư sử học, chuyên viên Viện Sử học, sau một hồi đau nặng, ngày 30 tháng 10 năm 1968 đã mất tại Bệnh viện hữu nghị Việt Xô thọ 65 tuổi. Tang lễ đã cử hành hồi 14 giờ 10 ngày 31 tháng 10.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng có gọi điện hỏi thăm và gửi vòng hoa đến viếng. Ông Nguyễn Văn Huyền, bộ trưởng Bộ Giáo dục đã đến nghiêng mình trước linh cữu.

Tham dự tang lễ, ngoài đông đảo cán bộ Viện sử học, có các đồng chí Ca Văn Thỉnh, Phạm Huy Thông, Võ Thuần Nho, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Nguyễn Lân, Trần Văn Giáp, Hoàng Ngọc Phách và nhiều nhà trí thức có tên tuổi khác.

Tại nghĩa trang Văn-diễn, đồng chí Văn Tấn thay mặt giới sử học nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, đã đọc diếu văn nói về tiểu sử giáo sư Trần Văn Khang, và nêu bật lên phẩm chất đáng quý của giáo sư như yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, hào phóng, vô tư, rộng lượng, hay giúp đỡ mọi người, nhất là những người đang gặp khó khăn.

Tiểu sử giáo sư Trần Văn Khang.

Giáo sư Trần Văn Khang sinh ngày 27 tháng 5 năm 1903 tại làng Từ-ô, huyện Thanh-miền, tỉnh Hải-dương, nay là Hải-hưng.

Cha mẹ mất sớm, ông được người chú nuôi cho ăn học. Ông có bằng tú tài triết học và tú tài toán học. Ngoài ra ông còn có bằng Cao đẳng và bằng Cao đẳng sư phạm. Ông làm giáo sư trường Bưởi từ năm 1927 đến năm 1945. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Tổng thư ký kiêm Hội kế viên Việt-nam học xá. Kháng chiến bùng nổ, ông chuyển về làm công tác ngoại giao tại phủ Chủ tịch cho đến tháng tư năm 1947. Từ tháng năm năm 1947 đến năm 1950 ông giữ chức hiệu trưởng trường Trung học kháng chiến. Cuối năm 1950 ông chuyển về Vụ văn học nghệ thuật chuyên làm công tác nghiên cứu. Năm 1952 ông được cử sang khu học xá làm giáo sư sử học. Năm 1955 ông được chuyển sang làm giáo sư lịch sử Việt-nam tại trường Đại học sư phạm. Năm 1959 ông về làm chuyên viên Viện Sử học cho đến năm 1963 là năm ông về hưu.

Giáo sư Trần Văn Khang được Chính phủ tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và Huân chương kháng chiến hạng ba.

HỘI NGHỊ KHOA HỌC QUỐC TẾ TẠI MÁT-XCƠ-VA

Ngày 30-5-1968, nhân dịp kỷ niệm 150 năm ngày sinh của C. Mác, vị lãnh tụ lỗi lạc của giai cấp vô sản quốc tế, Ban khoa học xã hội trực thuộc Chủ tịch đoàn Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô, và Viện Phong trào công nhân quốc tế đã tổ chức một cuộc hội nghị khoa học nhan đề là « Chủ nghĩa Mác và những vấn đề của phong trào cách mạng thế giới ». Tham dự Hội nghị, ngoài các nhà học giả Liên-xô, còn có nhiều nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và giải phóng dân tộc ở các châu Âu, Á, Mỹ, Phi.

Khai mạc hội nghị, Viện trưởng Viện phong trào công nhân quốc tế, viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô T.T. Ti-mô-phi-ép đã đọc diếu văn nêu rõ mục đích của hội nghị là nhằm nghiên cứu những vấn đề nóng hổi của cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước

tư bản chủ nghĩa, nghiên cứu các hiện tượng mới trong quá trình phát triển của cách mạng thế giới cũng như vai trò lớn mạnh của giai cấp công nhân trong quá trình phát triển xã hội. Tiếp đó, trong bản tham luận nhan đề « Học thuyết Mác và quá trình phát triển của cách mạng thế giới », viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô, A.A. Ru-mi-an-xép, đã nêu bật những thắng lợi lịch sử đã đạt được trong cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những tư tưởng vĩ đại của C. Mác, phê phán mọi âm mưu của những kẻ thù của chủ nghĩa Mác trong hơn một thế kỷ đã không ngừng vu khống và xuyên tạc học thuyết thiên tài của người. Với bản tham luận của mình (« Sức mạnh cách mạng hóa của chủ nghĩa Mác và ý nghĩa của nó trong phong trào công nhân quốc tế hiện đại »), Đô-lô-rê I-bar-ru-ri, Chủ tịch Đảng cộng sản Tây-ban

nhà đã vạch rõ rằng chủ nghĩa Mác ngày nay đang được kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế, và trước hết là của các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, làm phong phú thêm. Cuộc đấu tranh anh dũng và kiên cường của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, được sự ủng hộ của toàn thể loài người tiến bộ, đặc biệt là của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, — Đ. I-bar-ru-ri nhấn mạnh — là một trong những bằng chứng hùng hồn nhất chứng tỏ rằng thời đại mà chủ nghĩa đế quốc tha hồ làm mưa làm gió đã qua rồi, và bất kỳ một dân tộc nhỏ bé nào, với sức mạnh đoàn kết toàn dân và được vũ trang bằng tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng, đều có thể đánh bại mọi kẻ thù dân tộc, dù đó là tên đế quốc đầu sỏ hung ác nhất. Đại diện cho giới khoa học Cộng hòa dân chủ Đức, phó chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học, viện sĩ Lê-ô Stéc-no, trong bản tham luận «Mác và chủ nghĩa chống cộng hiện đại», đã nhận xét

rằng, bất chấp mọi cố gắng của các tư tưởng gia tư sản và giới tuyên truyền đế quốc chủ nghĩa đang ra sức gieo rắc sự bất mãn và hoài nghi đối với học thuyết Mác trong các nước xã hội chủ nghĩa và trên thế giới, ngày càng có nhiều người thuộc đủ các tầng lớp xã hội ở khắp nơi trên trái đất tiếp thu và tin tưởng vào chủ nghĩa Mác, một học thuyết sáng ngời chân lý đang đáp ứng một cách đúng đắn nhất mọi yêu cầu của thời đại. Tất cả các đại biểu khác, trong đó có ủy viên chủ tịch đoàn Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Anh, Béc-tơ Ra-men-xơn, ủy viên Ban lãnh đạo Đảng cộng sản Ý Um-béc-tô Te-ra-si-ni, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản U-ruguay Xê-xar Ray-e-fo, tiến sĩ sử học Liên-xô N.A Cô-van-xki và A.A. Gankin, A-na-tôn A-lê-gre (Pháp) v.v., trong các bản tham luận của mình đều đã nói lên, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, công lao to lớn của chủ nghĩa Mác đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người.

H.T

CHI HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ BỘ GIÁO DỤC

Nhằm mục đích bồi dưỡng kiến thức sử học cho anh chị em hội viên, trong thời gian một năm qua, Chi hội khoa học lịch sử Bộ Giáo dục đã phối hợp với Viện nghiên cứu và phương pháp giáo dục tổ chức 4 kỳ thông báo khoa học về những vấn đề lịch sử trong và ngoài nước. Về lịch sử Việt-nam anh chị em hội viên đã nghe các đồng chí Văn Tân, Nguyễn Công Bình (Viện Sử học) và Phan Huy Lê (trưởng Đại học tổng hợp Hà-nội) thuyết trình về vấn đề thông sử, và đồng chí Trần Quốc Vượng — về vấn đề di chỉ Cổ-Loa. Về

lịch sử thế giới, các hội viên cũng đã nghe báo cáo của cán bộ Khoa Sử trường Đại học sư phạm Hà-nội về những vấn đề hiện đại chung. Ngoài ra, phối hợp với chính quyền và công đoàn các cơ quan, Chi hội đã tổ chức những ngày lễ kỷ niệm các vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, và sự kiện có ý nghĩa quốc tế — Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

(Theo tin của đồng chí Hoàng Trọng Hanh,
Viện nghiên cứu và phương pháp —
Bộ Giáo dục)

Từ nền kinh tế suy sụp đến... bế tắc...

(Tiếp theo trang 46)

vào thị trường chỉ còn 1/4 dân số, 1/5 đất đai, đã rơi vào một mâu thuẫn không tài nào cứu vãn nổi: nền sản xuất tư đình đốn, đi đến bế tắc đến nỗi không còn hàng xuất khẩu, đồng tiền bị phá giá, nạn lạm phát kinh khủng, thuế khóa vô cùng nặng nề, sức mua giảm sút, tệ những lạm lan tràn...

Vấn đề đặt ra ở đây là Nhà trắng còn có thể duy trì kinh tế miền Nam làm hậu cần cần tại chỗ không? Sự rối loạn chưa từng thấy

trong đời sống kinh tế miền Nam, chính sự rối loạn đó, đã chứng tỏ sự bất lực của Mỹ. Sự thất bại trong lĩnh vực kinh tế đã quá rõ ràng — dù Hoa-thịnh-đốn và các máy điện tử hiện đại nhất của nó không lường trước được — vẫn là thất bại.

Thất bại về chính trị, thất bại về quân sự, thất bại về kinh tế, hiển nhiên là thất bại toàn diện của đế quốc Mỹ. Sự tác động lẫn nhau giữa những thất bại đó đẩy tên «khổng lồ chân đất sét» ngày càng tụt sâu vào đường hầm không lối thoát ở miền Nam.

REVUE ÉTUDES HISTORIQUES

*Organe mensuel de l'Institut d'Histoire près le Comité d'État des
Sciences sociales de la République Démocratique du Vietnam*

Directeur : TRẦN HUY LIỆU

Secrétaire de la rédaction : VĂN TÂN

N° 116

NOVEMBRE 1968

SOMMAIRE

REVUE ETUDES HISTORIQUES — Pour commémorer le jour de la fondation du Front Nationale de Libération du Sud Việt-nam.	1
TRẦN VĂN GIÀC — « Les Américains ont nettement perdu » dans la première manche de « la guerre locale ».	2
BÙI ĐÌNH THANH — Du programme à 10 points au Programme politique du Front National de Libération du Sud Việt-nam.	24
THANH BÌNH — D'une économie délabrée à l'impasse.	39
NGUYỄN ANH — Quelques traits sur les processus de la lutte de notre peuple dans le domaine culturel contre les colonialistes et leurs valets au cours des 30 années du début du XX ^e siècle.	47

INFORMATIONS

ĐÃ XUẤT BẢN :

★ Cách mạng ruộng đất ở Việt-nam.

VIỆN KINH TẾ HỌC

★ Về hình tượng nhân vật anh hùng.

(Tập 1)

LƯU LIÊN — LÊ SƠN

★ Báo cáo khai quật đợt I di chỉ Lũng-hòa.

HOÀNG XUÂN CHINH

★ Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tây — Nùng — Thái
ở Việt-nam.

LÃ VĂN LÔ — ĐẶNG NGHIÊM VẠN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
